

## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

#### 1.1. Về mặt lí luận

##### *Bối cảnh thế giới và trong nước*

Bảo vệ Tổ quốc luôn luôn là nhiệm vụ quan trọng của mỗi quốc gia, thực tế cho thấy các thế lực thù địch luôn dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để chống phá sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc CNXH ở mỗi nước. Thực tế, vào những năm giữa thế kỷ XX, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch không dễ gì dùng bạo lực vũ trang để tiêu diệt CNXH ở mỗi nước hay trên phạm vi toàn thế giới. Vì vậy, chúng phải thay đổi bằng chiến lược, cùng với thủ đoạn dùng sức mạnh quân sự để răn đe, đã chú trọng sử dụng biện pháp “hoà bình” nhằm chống phá và lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN).

Chiến lược “diễn biến hoà bình” là chiến lược cơ bản của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, sử dụng tổng hợp các biện pháp phi vũ trang nhằm làm suy yếu từ bên trong và tiến tới lật đổ các nước XHCN.

Nội dung chính của chiến lược “diễn biến hoà bình” là kẻ thù sử dụng mọi thủ đoạn kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội, đối ngoại, an ninh ..., kết hợp răn đe quân sự để phá hoại, làm suy yếu từ bên trong các nước XHCN. Kích động các mâu thuẫn trong xã hội, tạo ra các lực lượng chính trị đối lập núp dưới chiêu bài tự do, dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo, sắc tộc, khuyến khích tư nhân hoá về kinh tế và đa nguyên về chính trị. Truyền bá mô hình về chính trị, kinh tế, tư tưởng và lối sống của chủ nghĩa tư bản, làm mơ hồ giai cấp và đấu tranh giai cấp trong nhân dân lao động. Đặc biệt, chúng coi trọng kích lệ lối sống tư sản và từng bước làm phai nhạt mục tiêu, lí tưởng XHCN ở một bộ phận học sinh, sinh viên (HS,SV); triệt để khai thác và lợi dụng những khó khăn, thiếu sót của Đảng, Nhà nước XHCN trên các lĩnh vực đời sống xã hội, tạo nên sức ép; từng bước chuyển hoá và thay đổi đường lối chính trị, chế độ xã hội.

Mục đích sử dụng chiến lược “diễn biến hoà bình” của kẻ thù nhằm làm suy yếu từ bên trong và tiến tới lật đổ chế độ XHCN. Chiến lược “diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của các nước XHCN ở Đông Âu và Liên Xô vào đầu thập niên cuối thế kỷ XX.

Âm mưu, thủ đoạn chống phá của địch đối với cách mạng Việt Nam: Chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế đang tích cực, điên cuồng thực hiện các biện pháp chống phá cách mạng thế giới một cách quyết liệt nhằm xoá bỏ hoàn toàn các nước XHCN còn lại, trong đó Việt Nam là một trọng điểm.

Phương thức tiến hành chủ yếu mà Mỹ và các thế lực phản động sẽ sử dụng chống phá cách mạng Việt Nam là thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ và có thể trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược. Chúng chủ trương lật đổ chế độ XHCN ở Việt Nam trước hết và chủ yếu bằng “diễn biến hoà bình”. Nhưng để nhanh chóng đạt được mục đích đề ra và tạo áp lực lớn đối với nước ta, chúng sẽ kết hợp các thủ đoạn “diễn biến hoà bình” với bạo loạn lật đổ. “Diễn biến hoà bình” để tạo thêm những yếu tố gây mất ổn định chính trị, làm rối loạn trật tự xã hội nhất là những vùng trọng điểm, các thành phố lớn, gây tâm lí hoang mang dao động trong nhân dân. Đồng thời chuẩn bị lực lượng, điều kiện và thời cơ để tiến hành bạo loạn lật đổ chính quyền, chế độ XHCN, khi chúng cho là thuận lợi.

Mục tiêu chiến lược “diễn biến hoà bình” của địch là thúc đẩy tự do hoá về chính trị và kinh tế từ đó chuyển hoá Việt Nam theo quỹ đạo tư bản chủ nghĩa. Lôi kéo Việt Nam từng bước phụ thuộc vào Mỹ, gây ảnh hưởng của chúng ở Việt Nam và các nước có liên quan, tạo bàn đạp phát triển đến các nước khác.

Biện pháp chiến lược “diễn biến hoà bình” của chúng là: thực hiện chống phá toàn diện trên các lĩnh vực chính trị tư tưởng, tổ chức nhân sự, văn hoá thông tin, kinh tế-xã hội, tôn giáo và dân tộc, ngoại giao, quân sự.

Thực hiện bạo loạn lật đổ nhằm lật đổ vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, lật đổ chế độ XHCN, lật đổ chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương. Bạo loạn lật đổ mang tính chất quyết liệt, phức tạp, quy mô có thể từ nhỏ đến lớn, từ một vài nơi, một vài khu vực đến nhiều nơi, nhiều khu vực; có thể xảy ra đồng thời ở khắp các địa phương trên phạm vi cả nước. Các lực lượng phản động bên trong và bên ngoài sẽ lợi dụng các cơ quan hợp pháp như đại sứ quán, các cơ quan đại diện nước ngoài, trụ sở các tổ chức tôn giáo ... các địa điểm bí mật được chuẩn bị trước để chỉ đạo hoạt động bên trong và liên lạc với bên ngoài. Khi bạo loạn lật đổ xảy ra nhanh chóng tuyên bố thành lập chính quyền, công bố cương lĩnh đường lối hành động và kêu gọi nước ngoài, các tổ chức quốc tế ủng hộ, công nhận. Chủ nghĩa đế quốc có thể sử dụng lực lượng phản ứng nhanh can thiệp, hỗ trợ lực lượng bạo loạn lật đổ và nhanh chóng hợp pháp hoá hành động của lực lượng phản động.

*Đối với sinh viên các trường đại học*

Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (có hiệu lực từ ngày 01/7/2010) xác định: Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giáo dục quốc phòng - an ninh (GDQP-AN) là bộ phận của nền giáo dục quốc dân, một nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; là môn học chính khóa trong chương trình giáo dục đào tạo, từ trung học phổ thông (THPT) đến đại học (ĐH) và các trường chính trị, hành chính, đoàn thể.

Nhằm góp phần đào tạo con người phát triển toàn diện, hiểu biết một số nội dung cơ bản về quốc phòng (QP), an ninh (AN); truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân với bảo

vệ Tổ quốc; nâng cao lòng yêu nước, yêu CNXH; có ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kiến thức cơ bản về đường lối QP, AN và công tác quản lí nhà nước về QP, AN; có kĩ năng QP, QS, AN cần thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền QP toàn dân, AN nhân dân sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Trải qua hơn 50 năm, kể từ khi có Nghị định số 219/CP (28/12/1961) của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc huấn luyện quân sự phổ thông (đã được đưa vào giảng dạy) cho HS,SV từ THPT đến ĐH. Từ năm 1991, sau khi có Quyết định số 2732/QĐ ngày 28/10/1991 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, môn học được đổi thành GDQP và ngày nay là môn GDQP-AN (Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình GDQP-AN trình độ ĐH, CĐ).

### ***1.2. Về mặt thực tiễn***

Đến năm học 2011-2012, trên toàn quốc có 414 trường ĐH, CĐ (188 trường ĐH: *138 công lập, 50 ngoài công lập*; 412 trường CĐ: *196 công lập, 30 ngoài công lập*) với 2.162.106 SV (ĐH: 1.435.887 SV, CĐ: 726.219 SV). Về mạng lưới GDQP-AN đến nay trên toàn quốc có 35 TT GDQP-AN (16 trung tâm được thành lập theo Quyết định số 07/2003/QĐ-TTg ngày 09/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch Hệ thống TT GDQP SV giai đoạn 2001 - 2010; 16 trung tâm được thành lập theo Quyết định số 638/QĐ-TTg ngày 21/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án thành lập TT GDQP -AN tại các nhà trường quân đội giai đoạn 2009-2015 và những năm tiếp theo và 3 TT GDQP-AN Bộ GDĐT tạo thành lập), 13 khoa và 26 bộ môn (hoặc tổ) GDQP-AN với gần 573 cán bộ quản lí và giảng viên. Tại Sở GDĐT của 26 tỉnh, thành phố trọng điểm được biên chế sĩ quan biệt phái; các trường THPT và TCCN được biên chế giáo viên giảng dạy môn GDQP-AN .

Hơn 50 năm qua GDQP-AN đã thu được những kết quả đáng khích lệ, môn học đã trang bị cho lớp trẻ những kiến thức về QP, AN, nền nếp, tác phong,

kỷ luật quân đội, lớp lớp HS,SV trong thời chiến đã lên đường làm nhiệm vụ đánh giặc giải phóng dân tộc, góp phần thống nhất đất nước; trong thời bình đã góp phần không nhỏ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, GDQP -AN cho SV các trường ĐH còn bộc lộ một số hạn chế như sau:

- Mạng lưới về GDQP-AN trong hệ thống giáo dục quốc dân còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng;
- Đội ngũ giảng viên còn nhiều bất cập: Thiếu về số lượng và số giảng viên chưa đạt chuẩn vẫn còn;
- Đầu tư CSVC, phương tiện dạy học cho GDQP-AN chưa ngang tầm nhiệm vụ; việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy ít được quan tâm;
- Xây dựng chính sách và thực hiện chính sách đối với giảng viên và cán bộ quản lý còn chậm.

Công tác GDQP-AN cho HS,SV được Đảng, Nhà nước và nhân dân đặc biệt quan tâm như đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị định về GDQP-AN và Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch Hệ thống TT GDQP-AN cho SV; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát triển giáo dục đào tạo có đoạn: “Giải pháp then chốt là đổi mới và nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong giáo dục và đào tạo”; Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI xác định: “Sớm đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là bậc đại học”.

Trước những đòi hỏi lớn lao của yêu cầu đổi mới giáo dục ĐH, với thực trạng công tác GDQP-AN hiện nay và từ cơ sở pháp lý được trình bày ở trên, chúng tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu: **“Quản lý giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên các trường đại học Việt Nam trong bối cảnh mới”**.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn về quản lí GDQP -AN cho SV các trường ĐH, đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lí GDQP -AN cho SV các trường ĐH Việt Nam trong bối cảnh mới.

## **3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

### **3.1. Khách thể nghiên cứu**

Công tác GDQP-AN cho SV các trường ĐH.

### **3.2. Đối tượng nghiên cứu**

**Quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH Việt Nam trong bối cảnh mới.**

## **4. Giả thuyết khoa học**

Giáo dục quốc phòng-an ninh cho SV các trường ĐH đã thu được nhiều kết quả. Tuy nhiên công tác này còn bộc lộ một số bất cập:

- Nhận thức chưa được sâu sắc ở mọi cấp.
- Mục tiêu, nội dung, phương pháp chưa gắn kết theo xu thế hiện đại.
- Người dạy, người được huấn luyện chưa có động lực mạnh mẽ.
- Cơ sở vật chất, phương tiện dạy học còn thiếu.

*Giáo dục quốc phòng - an ninh cho sinh viên hiện nay có vị trí vai trò quan trọng Nếu đề xuất được các giải pháp quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH bao quát tính tổng thể của quá trình huấn luyện dạy học thì sẽ tăng cường được kết quả GDQP-AN cho SV các trường ĐH Việt Nam trong bối cảnh mới.*

## **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án đặt ra những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

5.1. Nghiên cứu cơ sở lí luận về quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH.

5.2. Đánh giá thực trạng quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH hiện nay.

5.3. Đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH Việt Nam trong bối cảnh mới.

## **6. Phạm vi nghiên cứu**

6.1. Nghiên cứu quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH khu vực phía Bắc.

6.2. Đề tài nghiên cứu trong khoảng thời gian thực hiện đổi mới giáo dục.

## **7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

7.1. Phương pháp luận

a) Quan điểm tiếp cận hệ thống

Giáo dục quốc phòng-an ninh cho SV là quá trình bao gồm: mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp đào tạo SV ở trình độ ĐH; GDQP-AN cho SV các trường ĐH nhằm góp phần hoàn thiện nhân cách người SV trong bối cảnh mới.

b) Quan điểm duy vật lịch sử: Nhìn nhận vấn đề trong mối quan hệ với phát triển kinh tế, văn hóa của đất nước.

Tổ chức thực hiện quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH phù hợp với tình hình giáo dục Việt Nam trong bối cảnh mới.

7.2. Phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

+ Mục tiêu: Làm sáng tỏ lý luận GDQP-AN cho SV trong thời kỳ đổi mới.

+ Nội dung: Nội dung chương trình, cách thức giảng dạy, lực lượng giảng dạy, điều kiện giảng dạy.

+ Cách thức tổ chức: Vừa lấy ý kiến các nhà lý luận vừa đi thực địa, kết hợp 2 yếu tố hình thành tư liệu.

7.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Tổng kết kinh nghiệm quản lí GDQP-AN cho SV tại một số trường ĐH.

- Phương pháp chuyên gia: Tiếp cận với chuyên gia, xin ý kiến về đánh giá tình hình và các biện pháp nâng cao hiệu quả GDQP-AN.

- Điều tra khảo sát thực tế (phát phiếu hỏi):
- + Đối tượng: Cán bộ quản lí, giảng viên và sinh viên.
- + Số lượng: CBQL, GV là 300 phiếu và SV là 1.000 phiếu.
- Quan sát: Thăm và dự giờ một số buổi học tại cơ sở đào tạo
- Phỏng vấn (đối với một số GV và SV)

### 7.2.3. Phương pháp thực nghiệm

- Thực nghiệm tại 02 TT GDQP-AN (Hà Nội 1 và Hà Nội 2).

## **8. Các luận điểm bảo vệ**

8.1. Giáo dục quốc phòng-an ninh cho SV các trường ĐH là một nội dung GD quan trọng, góp phần hình thành nhân cách toàn diện cho SV, tăng cường ý thức, trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

8.2. Giáo dục quốc phòng-an ninh được thực hiện qua việc tổ chức huấn luyện. Việc huấn luyện phải được đặt trên cơ sở bảo đảm được tính tổng thể của quá trình đào tạo qua việc gắn kết các nhân tố: mục tiêu, nội dung, phương pháp, người dạy, người học, cơ sở vật chất;

8.3. Quản lí quá trình (huấn luyện) này phải chú ý cả bốn vấn đề: Lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá.

## **9. Cấu trúc của luận án gồm**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, Luận án gồm 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lí luận của quản lí giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên các trường đại học Việt Nam

Chương 2. Cơ sở thực tiễn của quản lí giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên các trường đại học Việt Nam

Chương 3. Giải pháp tăng cường quản lí giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên các trường đại học Việt Nam trong bối cảnh mới



## Chương 1

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

#### 1.1. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

##### 1.1.1. Trên thế giới

Giáo dục quốc phòng-an ninh là vấn đề có ý nghĩa trọng yếu cho sự tồn vong của các quốc gia. Trên thế giới, nhiều nước tổ chức giáo dục quốc phòng cho HS,SV tương đối tốt, như: Liên Xô (trước đây), Trung Quốc, Malaixia, Singapo, Hàn Quốc...

Ở Liên Xô (trước đây) và Liên Bang Nga (ngày nay), việc nghiên cứu, quản lý công tác giáo dục ý thức quốc phòng cho cán bộ, viên chức, HS,SV được Nhà nước Nga đặc biệt quan tâm. Trong các công trình “Các vấn đề giáo dục quân sự”, do E.G.Vapilin và Đại tá Q.Đ.Mulinva viết năm 2001: “*Những quan điểm phương pháp luận về xây dựng học thuyết giáo dục quân sự ở Nga*”...đã phân nào phản ảnh được yêu cầu bức thiết quản lý giáo dục quốc phòng cho thế hệ trẻ ở Nga trước sự vận động, phát triển mau lẹ của tình hình quốc tế và đất nước Nga hiện nay.

Ở Trung Quốc, nước này thường xuyên quan tâm, chú trọng quản lý công tác giáo dục ý thức quốc phòng, bảo vệ đất nước cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ HS,SV - những trí thức tương lai, chủ thể xây dựng chế độ.

Giáo dục quốc phòng do Bộ Quốc phòng đảm nhiệm. Theo kế hoạch hàng năm của Chính phủ, từng trường ĐH đưa SV tới các đơn vị quân đội để học GDQP với thời gian 2 tháng. Khoảng thời gian này các đơn vị quân đội tổ chức cho bộ đội học dã ngoại ngoài doanh trại. Doanh trại quân đội lúc này trở thành các TT GDQP.

Một số tác giả đã đi sâu nghiên cứu đổi mới GDQP cho cán bộ, HS,SV trước yêu cầu chống ảnh hưởng nô dịch của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch: đề xuất giải pháp đổi mới nội dung chương trình, phương pháp GDQP cho

cán bộ, HS,SV đáp ứng yêu cầu bảo vệ đất nước Trung Quốc và thành quả cách mạng, xây dựng nền QP toàn dân. Các tác giả: Lý Xương Giang, Tiểu Kính Dân, Vương Bảo Tôn...đã đi sâu nghiên cứu chiến lược phát triển GDQP của Trung Quốc trước sự vận động, biến đổi phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trong nước.

*Malaysia*, quan niệm QP là: “Răn đe, tự lực, tự cường, thương lượng bao giờ cũng hơn chiến tranh”, muốn QP tốt thì kinh tế phải mạnh...Vì vậy, nghiên cứu về QP và tổ chức GDQP cho người học được tiến hành thường xuyên và rộng khắp, đạt chất lượng tốt. Dân số 23 triệu, nhà nước đầu tư xây dựng 41 TT GDQP cho HS,SV, tư nhân đứng ra quản lí. Theo kế hoạch năm của nhà nước, thanh niên từ 18 đến 25 tuổi được tập trung tại các TT GDQP để học GDQP với thời gian 3 tháng. Các học phần lí thuyết do giảng viên các trường ĐH giảng dạy, các học phần thực hành do sĩ quan quân đội giảng dạy.

Ở *Singapo*, Nhà nước đầu tư xây dựng và giao cho Bộ Quốc phòng quản lí các TT GDQP. Theo kế hoạch năm, thanh niên từ 18 đến 25 tuổi được tập trung tại các TT GDQP để học GDQP với thời gian 3 tháng.

*Indônêxia*, quan niệm QP gồm những vấn đề rộng lớn trong nước và quốc tế, được nghiên cứu một cách tổng hợp, bao quát nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội như: con người, dân tộc, văn hóa, tôn giáo, kinh tế, quân sự, chính trị, ngoại giao...trong đó tập trung làm rõ 3 nội dung cơ bản: tiềm lực quốc gia; đặc điểm địa lý; tự lực, tự cường dân tộc...

*Vương quốc Thái Lan* quan niệm QP như sau: “Quốc gia bền vững, nhân dân phồn thịnh”. Sự hợp tác giữa các thành phần nhà nước và tư nhân là nhân tố cốt lõi trong chiến lược quốc phòng. Quốc phòng gắn chặt an ninh quốc gia trên nhiều lĩnh vực khác nhau... Nội dung gắn QP-AN được thể hiện rất sâu sắc.

Ở *Hàn Quốc*, môn học quân sự là môn học tự chọn, các trường CĐ, ĐH giảng dạy học phần lí thuyết. Nam giới trong độ tuổi từ 18 đến 25 tuổi bắt buộc

phải thực hiện nghĩa vụ quân sự tại các đơn vị quân đội. Tại đây, SV sẽ được trang bị kiến thức phân thực hành về quân sự, thời gian huấn luyện là 3 tháng.

*Cộng hòa Pháp* quan niệm quốc phòng được hiểu theo nghĩa rộng nhất, không chỉ là lĩnh vực của quân đội và chính quyền nhà nước mà có liên quan đến mọi công dân và mọi lĩnh vực hoạt động của đất nước. Vì vậy, hệ thống giáo dục và nội dung GDQP được tổ chức chặt chẽ, toàn diện và sâu sắc. Hệ thống GDQP có một số trường trực thuộc Chính phủ, một số trường trực thuộc Bộ Giáo dục, số khác trực thuộc Bộ QP. Nội dung nghiên cứu rất rộng, bao quát nhiều lĩnh vực, từ chiến lược QP, chính sách QP, kinh tế quân sự phát triển công nghiệp QP...

Ở nước Mỹ, từ năm 1958, Quốc hội Mỹ đã thông qua "Luật Giáo dục quốc phòng", tuyên truyền tư tưởng "lợi ích quốc gia trên hết", đưa GDQP vào trong các loại hình giáo dục. Ngày nay trước tình hình mới, đối mặt với tình hình đa cực hóa thế giới, toàn cầu hóa kinh tế, mạng hóa thông tin, Mỹ càng coi trọng phổ cập tư tưởng GDQP mang màu sắc riêng của Mỹ. Giáo dục chủ nghĩa yêu nước là nội dung cốt lõi của GDQP. Ở đây cần phải chỉ rõ, chỗ khác biệt của nước Mỹ trong việc bồi dưỡng tư tưởng yêu nước cho công dân, không tập trung sức chú ý vào khu vực cư trú và quốc dân, mà nặng về hệ thống tư tưởng có liên quan mật thiết với đời sống xã hội. Nên khái niệm mà họ sử dụng không phải là "Tổ quốc", "cố hương", mà là "nước Mỹ", "lối sống Mỹ". Chủ yếu là vì con đường phát triển mà nước Mỹ đã trải qua tương đối ngắn, hình thành một quốc gia nhiều dân tộc, những dân tộc đó đều coi nước Mỹ là quê hương mình.

Do chịu sự giáo dục đó, nên mọi người hết sức nhạy cảm với uy danh, với toàn nước Mỹ, rất trung thành với quốc gia, dù nó là đúng hay sai. Ngoài ra do chịu ảnh hưởng của "Tinh thần Mỹ" khiến cho Mỹ tạo thành thói xấu là bá quyền, cho rằng Mỹ có sứ mệnh đặc biệt đối với toàn cầu, là "duy trì trật tự mới của thế giới, gánh vác trách nhiệm sen đầm thế giới", đó chính là động lực mưu cầu địa vị chủ đạo và bá quyền thế giới của Mỹ. Chính phủ Mỹ coi người Mỹ là

"dân tộc thượng đẳng", dưới phương châm "lãnh đạo đúng đắn" đó, phải hoàn thành trách nhiệm do Thượng đế giao cho là lãnh đạo toàn thế giới tiến bước trên đường dẫn tới thiên đàng. Quan niệm này thường được dùng để biện minh cho mọi thủ đoạn bao gồm cả sử dụng sức mạnh quân sự, để bảo vệ quyền lợi của Mỹ ở khắp nơi trên thế giới.

Chi phối bởi quan niệm đó, Mỹ đã phổ cập yêu cầu GDQP, các đoàn thể và bộ máy chính quyền các cấp phải coi chủ nghĩa yêu nước là động lực tinh thần của thế giới cường quyền, chỉ cần vì "quyền lợi nước Mỹ" là có thể sử dụng mọi thủ đoạn chính trị, kinh tế, quân sự, dân chúng phải biến chủ nghĩa yêu nước thành hành động cụ thể.

Trọng điểm GDQP Mỹ là: Yêu đất nước, biết phục tùng, trọng đoàn thể, chịu cống hiến. Ở Mỹ rất nhiều người chỉ nói tự do, không lo phục tùng. Trong GDQP, nhiệm vụ của người sĩ quan Mỹ là phải nói cho HS biết, một người không biết phục tùng không phải là một người hoàn chỉnh. Phục tùng cấp trên, phục tùng đoàn thể, phục tùng quốc gia là tố chất cơ bản cần có của một con người hoàn chỉnh, một con người không biết phục tùng, làm sao biết cống hiến.

Giáo dục quốc phòng ở Mỹ được tổ từ các trường tiểu học . Để làm tốt việc này, nước Mỹ đặt ra một loạt tổ chức và bộ máy tương ứng, trong các trường tiểu học, trung học (mỗi trường trung học có một sĩ quan thường trú chuyên trách thực hiện kế hoạch GDQP, công việc của người sĩ quan này do nhà trường và phía quân đội cùng quản lí), đại học, xoay quanh vấn đề tâm lý đạo đức, mở các khóa học "lợi ích nước Mỹ trên hết", khiến cho HS,SV có bộ mặt tâm lý đạo đức cần có, và bồi dưỡng tâm lý đạo đức cho cả lính mới và lính cũ của lực lượng vũ trang Mỹ.

Việc bồi dưỡng huấn luyện ngoài quân đội chia làm 2 lớp: lớp thứ nhất, nhằm vào thanh thiếu niên tiểu học, trung học, lớp thứ hai nhằm vào SV các trường ĐH, CĐ.

*Lớp thứ nhất*, có đặc điểm không tiến hành theo đại cương dạy học của trường, mà tổ chức theo thiếu sinh quân truyền thống. Tổ chức này đã có từ năm 1910, hiện nay tại các bang nước Mỹ đều có các phân bộ, thu hút hàng triệu thanh thiếu niên từ 8 đến 18 tuổi tham gia. Theo thống kê chính thức, ở Mỹ số nam thiếu sinh quân là hơn 4 triệu, nữ thiếu sinh quân gần 3 triệu.

Tất cả các tổ chức thiếu sinh quân đều theo nguyên tắc tự nguyện gia nhập, tổ chức thành Hội liên hiệp thiếu sinh quân Mỹ. Bộ máy lãnh đạo là Hội đồng toàn quốc Mỹ, các thành viên bao gồm các giới doanh nghiệp, tôn giáo, quân đội, các nhân sĩ từ thiện. Tổng thống Mỹ là chủ tịch danh dự của Hội. Tổ chức của thiếu sinh quân chia rõ đẳng cấp, gồm câu lạc bộ, chi đội, phân đội, vọng gác và tiểu đoàn đặc chủng. Mỗi bộ phận đều có tiêu chí riêng, vật tượng trưng riêng và trang phục của đội. Căn cứ vào tuổi tác và kết quả đua tranh cá nhân, có thể được "thăng cấp theo thứ tự". Tổ chức thiếu sinh quân rất coi trọng giáo dục đạo đức và tuân thủ kỷ luật, nên điều kiện sinh hoạt cũng giống như trong trại lính, điều này có lợi cho sau này khi làm lính tình nguyện, có thể nhanh thích ứng với cuộc sống quân ngũ gian khổ.

*Lớp thứ hai* là SV các học viện, trường ĐH. Lớp này được tiến hành theo hình thức bồi dưỡng sĩ quan ngạch dự bị, được gọi là Trung đoàn huấn luyện sĩ quan ngạch dự bị. Các chuyên gia Mỹ cho rằng Trung đoàn huấn luyện là nguồn chủ yếu bổ sung sĩ quan cho lực lượng vũ trang, đặc biệt là trong thời chiến. Theo tài liệu báo chí Mỹ công bố, năm 1999 có đến 75% trung úy lục quân Mỹ từng được bồi dưỡng huấn luyện tại Trung đoàn huấn luyện, 50% - 60% sĩ quan không quân có bằng tốt nghiệp của Trung đoàn. Ở Mỹ có hơn 300 ĐH, học viện mở khóa huấn luyện sĩ quan dự bị lục quân chương trình 2 năm và 4 năm, hơn 600 trường ĐH có Trung đoàn huấn luyện sĩ quan dự bị Không quân, Trung đoàn huấn luyện sĩ quan dự bị Hải quân cũng mở lớp tại 60 nhà trường, học viện. Kinh phí do nhà nước cấp với khoản tiền lớn. Các nhà phân tích Mỹ dự tính,

trung đoàn huấn luyện sĩ quan dự bị, cứ bồi dưỡng một sĩ quan không quân cấp úy phải chi khoảng 80.000 USD.

Quân chủng Hải quân và Hải quân đánh bộ đã từng đầu tư 1,2 triệu USD, hợp tác quay một bộ phim để tôn tạo hình tượng quân chủng, đây là bộ phim tuyên truyền cho quân đội đầu tiên được chiếu ở các rạp chiếu bóng kể từ đại chiến thế giới lần thứ hai đến nay. Lục quân cũng đầu tư hơn 6 triệu USD, xây dựng trang Web, thu hút 1,3 triệu người truy cập tham gia trò chơi game online Lục quân Mỹ. Như vậy Lục quân có thể tiềm nhập vào máy tính của các đối tượng sẽ được trung binh sau này, những người chơi game có thể liên hệ trực tiếp với các nhân viên tuyển mộ lính của Lục quân.

### **1.1.2. Ở Việt Nam**

Dựng nước phải đi đôi với giữ nước, đó là một trong những quy luật đã được dân tộc ta đúc kết nên trong lịch sử. Dưới chế độ phong kiến, các triều đại trị vì đất nước tuy mạnh yếu khác nhau nhưng lúc nào cũng quan tâm đến kế sách giữ nước. Nhiều bậc hiền tài đã nghiên cứu hiến kế sách hay cho việc trị nước và giữ nước. Việc chiêu tập binh mã, việc rèn quân, luyện quân, việc khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc... là những kế sách có giá trị như những tài liệu khoa học về quốc phòng của dân tộc.

Nhận thức được quy luật dựng nước phải đi đôi với giữ nước, đồng thời tiếp tục phát huy giá trị truyền thống của dân tộc trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm có những chủ trương, giải pháp mang tính chiến lược về vấn đề QP, AN và GDQP-AN. Những chủ trương, chính sách đó cùng với những văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ về GDQP không chỉ là cơ sở pháp lý mà còn là một cơ sở khoa học, cơ sở phương pháp luận định hướng cho các hoạt động nghiên cứu về QP-AN trong thời đại mới.

Trên phương diện quản lý Nhà nước về GDQP, từ năm 1961, thực hiện Nghị định số 219/CP của Hội đồng Chính phủ, “Huấn luyện quân sự” được đặt

thành một môn học chính trong nhà trường phổ thông. Năm 1966, Bộ Đại học-Trung học chuyên nghiệp (nay là Bộ GDĐT) ban hành chương trình huấn luyện quân sự thống nhất trong các trường ĐH, CĐ và THCN. Điều 17 Luật Nghĩa vụ quân sự trước đây và Luật sửa đổi và bổ sung Luật Nghĩa vụ quân sự quy định “Việc huấn luyện quân sự phổ thông cho HS các trường phổ thông trung học, trường dạy nghề, trường THCN, trường CĐ và ĐH thuộc chương trình chính khóa. Môn học “Huấn luyện quân sự phổ thông” được Luật định là môn học chính khóa trong các nhà trường”. Nội dung chương trình chủ yếu hướng vào huấn luyện kiến thức quân sự phổ thông và kỹ năng quân sự cơ bản.

Huấn luyện quân sự phổ thông trong các nhà trường đã giúp cho thanh niên trước khi nhập ngũ có kiến thức quân sự phổ thông, rút ngắn được thời gian huấn luyện chiến sỹ mới, tham gia tích cực trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và chiến tranh bảo vệ biên giới Tổ quốc. Nhiều tấm gương cao đẹp là HS,SV đã xuất hiện, đã trở thành anh hùng, dũng sỹ trong chiến đấu lao động và xây dựng đất nước. Lốp lốp thanh niên tình nguyện đến những nơi khó khăn, gian khổ cùng sát cánh với bộ đội và nhân dân thực hiện nhiệm vụ kinh tế-chính trị-xã hội của đất nước. Trong quá trình đó Chương trình Huấn luyện quân sự phổ thông đã được nhiều lần sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc trong mỗi giai đoạn cách mạng.

Chiến tranh kết thúc, đất nước bước vào thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời bình. Nhiệm vụ huấn luyện quân sự cho HS,SV càng được Đảng và Nhà nước quan tâm, nhằm “đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Chương trình Huấn luyện quân sự phổ thông tiếp tục được sửa đổi, bổ sung. Ngoài việc nâng cao dân trí về QP, huấn luyện quân sự phổ thông góp phần giáo dục ý thức trách nhiệm của HS,SV đối với Tổ quốc, giáo dục lòng tự

hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc, xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật, nếp sống tập thể, mình vì mọi người, chống thói ích kỷ; cùng với các hoạt động khác đẩy lùi tiêu cực và tệ nạn xã hội.

Đến năm 1991, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) ban hành Chỉ thị 420/CT về GDQP và đào tạo sĩ quan dự bị trong HS,SV; tiếp tục khẳng định: *”GDQP là yêu cầu không thể thiếu được trong chương trình ở các trường PTTH, DN, TCCN, CĐ, ĐH, kể cả quốc lập dân lập và các loại hình đào tạo khác; là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược đào tạo con người mới nhằm giáo dục cho thế hệ trẻ nói chung và cho HS,SV lòng yêu nước, yêu CNXH, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, tư duy và kiến thức quân sự, chuẩn bị nhân lực và đào tạo nhân tài cho nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc”*. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong sự nghiệp đổi mới của đất nước, Bộ QP đã phối hợp với Bộ GDĐT biên soạn, ban hành *Chương trình GDQP* thay thế Chương trình Huấn luyện QS phổ thông. Như vậy, kể từ năm 1991 Chương trình Huấn luyện QS phổ thông cho HS,SV được đổi tên thành Chương trình GDQP.

Từ thực tiễn phát triển của kinh tế-xã hội và sự đổi mới của giáo dục đào tạo, đến năm 2000 chương trình tiếp tục được sửa đổi, bổ sung để cập nhật kiến thức QP, QS và phù hợp với các quy định quản lí, chỉ đạo của các cấp học và trình độ đào tạo.

Ngày 10/7/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 116/2007/NĐ-CP về GDQP-AN, theo đó Chương trình GDQP cho HS,SV được sửa đổi bổ sung kiến thức về AN và cập nhật kiến thức QP, QS. Chương trình GDQP-AN trình độ ĐH, CĐ được ban hành theo Quyết định 81/2004/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 (thay thế Chương trình môn GDQP ban hành theo Quyết định 12/2000/QĐ-BGD&ĐT). Từ đây, môn học GDQP chính thức đổi thành GDQP-AN.

Giáo dục quốc phòng-an ninh là môn học duy nhất được Luật định (Luật Quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự), được Đảng và Nhà nước quan tâm, được



quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật, được xác định cụ thể về mục tiêu, thời gian và kiến thức tối thiểu. Gần đây nhất là Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác GDQP, AN trong tình hình mới; nhằm góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện đối với thế hệ trẻ HS,SV trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, xem xét tổng thể sự phát triển của chương trình môn học từ huấn luyện QS phổ thông, đến GDQP và GDQP-AN đều có thiên hướng giúp SV thành thạo về kỹ năng QS.

Vẫn có quan điểm cho rằng GDQP-AN cho SV phải huấn luyện kiến thức tối thiểu của người chiến sĩ. Điều này không riêng người thiết kế chương trình mà cả những người tổ chức thực hiện và cơ quan quản lí, chỉ đạo cũng đều có tư duy như vậy. Vì thế hiện nay vẫn còn nhiều trường, nhiều cán bộ trong Ngành và ngoài Ngành đều gọi “tuần huấn luyện QS”, “tuần tập QS, tuần làm chiến sĩ”...Rõ ràng GDQP-AN đã được sửa đổi bổ sung và thay thế từ tên gọi đến nội dung, cấu trúc chương trình và đã thay đổi cách nhìn về môn học. Mục tiêu GDQP-AN đối với HS,SV là: *Góp phần giáo dục toàn diện cho HS,SV về lòng yêu nước, yêu CNXH, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; có ý thức cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kỹ năng quân sự cần thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền QP toàn dân, AN nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.*

Trong những năm gần đây, trước sự biến động phức tạp của tình hình quốc tế và khu vực, trước yêu cầu đổi mới của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến công tác GDQP-AN toàn dân. Hội đồng GDQP-AN Trung ương và địa phương (Trung ương, tỉnh, huyện) đã được thành lập, chỉ đạo thống nhất GDQP-AN trong cả nước. Nội dung chương trình GDQP-AN cho các đối tượng đã được biên soạn và đưa vào giảng dạy ở các trường Đảng, hành

chính, đoàn thể, trường ĐH, CĐ, TCCN và dạy nghề, THPT. Tổ chức dạy, học GDQP-AN đã mang lại nhiều kết quả thiết thực.

Những chủ trương, giải pháp, văn bản quy phạm pháp luật về quản lý GDQP-AN đã tạo thành cơ sở pháp lý cho công tác GDQP-AN ở trong mỗi nhà trường cũng như trong hệ thống giáo dục quốc dân. Hơn thế nữa, những chủ trương, giải pháp và những văn bản đó là kết quả của sự nghiên cứu từ thực tiễn chỉ đạo, quản lý GDQP-AN ở Việt Nam và sự vận dụng lý luận về quản lý giáo dục trong tình hình mới. Quá trình hình thành, phát triển của các chủ trương, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật về QP và GDQP-AN cũng là quá trình hoàn thiện học thuyết chiến tranh nhân dân, QP toàn dân, AN nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Học thuyết đó đã giúp cho dân tộc Việt Nam đất không rộng, người không đông vẫn chiến thắng các kẻ thù to lớn, hùng mạnh hơn mình gấp nhiều lần, đã giành và giữ được độc lập dân tộc trong các tình huống khó khăn, phức tạp “ngàn cân treo sợi tóc, trong những “con lốc chính trị” của thời đại. Ngày nay học thuyết đó đã trở thành học thuyết khoa học chung của thời đại, được nhiều nước trên thế giới nghiên cứu và học tập, làm theo. Đó là sự cống hiến của dân tộc Việt Nam về lý luận QP toàn dân, AN nhân dân trong đó có lý luận về quản lý GDQP-AN.

Trước tình hình mới của thời đại, vấn đề QP-AN quốc gia đang được đặt ra như một vấn đề thời sự nóng hổi của nhiều quốc gia trên thế giới, khu vực và trong nước. Quản lý, nâng cao chất lượng GDQP-AN cho cán bộ, công chức, viên chức, HS,SV là vấn đề luôn thu hút sự quan tâm của lãnh đạo, các chuyên gia hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu và những người làm công tác quản lý, giáo dục ở nhiều nước trên thế giới.

Đã có một số công trình nghiên cứu, bài biết về vai trò của GDQP-AN trong hệ thống giáo dục quốc dân nói chung, giáo dục ý thức QP, AN cho cán bộ, HS,SV các trường Đảng, trường ĐH, CĐ và trung học nói riêng. Tiêu biểu là các công trình của các tác giả: Nguyễn Thị Doan, “Trường ĐH với nhiệm vụ

GDQP”, Tạp chí QP toàn dân, 12/1998. Nguyễn Nghĩa, “Một số vấn đề nâng cao chất lượng GDQP cho cán bộ, HS,SV”, Tạp chí Khoa học QS, số 11/2000. Vương Đình Huệ, “Trường ĐH Tài chính-Kế toán Hà Nội nâng cao chất lượng GDQP toàn dân trong thời kỳ mới”, Tạp chí GDQP toàn dân 4/2000. Phan Ngọc Liên, “GDQP cho thể hệ trẻ trong các nhà trường-những vấn đề cần lưu tâm”. Lê Doãn Thuật, “GDQP trong các trường ĐH và CĐ-bốn vấn đề bức xúc cần tháo gỡ từ cơ sở, Tạp chí QP toàn dân, 12/2002. Nguyễn Trường Vỹ “TT GDQP ĐH Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - 5 năm xây dựng và phát triển”, Tạp chí QP toàn dân, số 4/2002. Hội đồng GDQP Trung ương, Kỷ yếu Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị định 15/2001/NĐ-CP về GDQP (2000-2005), tháng 12/2005. Đổi mới GDQP trong hệ thống GD quốc gia, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội 2007. Đổi mới nâng cao chất lượng GDQP trong hệ thống GD quốc gia hiện nay của Lê Minh Vụ. Tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc và yêu cầu đổi mới GDQP trong hệ thống GD quốc gia hiện nay, Vũ Quang Lộc. Bàn về tính tất yếu của đổi mới GDQP trong hệ thống GD quốc gia hiện nay của Nguyễn Bá Dương. Tư duy lí luận về QP, GDQP và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Việt Nam và của Đảng ta-giá trị và ý nghĩa, của Nguyễn Bá Dương, Thiếu tá, Tổng Xuân Trường. Vị trí, vai trò và ý nghĩa của đổi mới GDQP trong hệ thống GD quốc gia đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay của Vũ Quang Đạo. Tư duy mới của Đảng ta về GDQP trong hệ thống GD quốc gia của Nguyễn Mạnh Hương. Mối quan hệ của GDQP với các môn học khác và sự thống nhất của môn GDQP ở các nhà trường, các đối tượng của Trần Đình Tuấn. Sự quy định của điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan đối với đổi mới GDQP trong hệ thống GD quốc gia hiện nay, của Lê Quý Trịnh. Đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp GDQP hiện nay của Trần Đình Đích. Những căn cứ để đánh giá chất lượng, hiệu quả đổi mới GDQP trong hệ thống GD quốc gia thời gian qua của Phạm Văn Việt. Thực trạng và giải pháp đổi mới GDQP trong các trường ĐH, CĐ, của Hà Văn Công. Giải pháp đổi mới GDQP cho SV hiện nay của Lê Ngọc Cường. Đổi mới nâng cao

chất lượng GDQP trong hệ thống giáo dục quốc gia, của Phạm Xuân Hảo. GDQP cho các lớp cử nhân chính trị trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh của Nguyễn Văn Cần. Cần tăng cường các hoạt động hỗ trợ cho GDQP trong các trường học hiện nay của Trần Phú Mừng. Bài học kinh nghiệm GDQP cho HS THPT hiện nay của Trần Văn Thanh. Một số kinh nghiệm về đổi mới GDQP ở các quân khu hiện nay của Đỗ Văn Hiện. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với công tác GDQP trong hệ thống GD quốc gia của Nguyễn Minh Khải. Xây dựng đội ngũ GV giảng dạy GDQP trong hệ thống giáo dục quốc gia-một vấn đề cấp thiết hiện nay của Nguyễn Văn Thế. Những yêu cầu cơ bản về đổi mới mục tiêu GDQP cho cán bộ, HS,SV trong hệ thống GD quốc gia của Vũ Đức Huân. Quán triệt quan điểm đồng bộ, hệ thống trong đổi mới GDQP cho cán bộ, HS,SV ở nước ta hiện nay, của Đỗ Minh Châu. Giải pháp đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả GDQP cho cán bộ, HS,SV hiện nay của Bùi Ngọc Quỳnh. TT GDQP-AN với việc đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp GDQP cho HS,SV của Lê Văn Nghệ. Nhóm giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức GDQP cho cán bộ, HS,SV hiện nay của Nguyễn Trọng Xuân. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò của các tổ chức xã hội, nghề nghiệp trong GDQP cho cán bộ, HS,SV hiện nay của Nguyễn Phương Đông. Xây dựng chương trình khung GDQP cho các đối tượng và phương pháp tiếp cận của Trần Đăng Thanh. Xây dựng chương trình khung phải phù hợp với đối tượng GD, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng của Nguyễn Đức Hạnh.

Ngoài các bài báo khoa học đã đăng tải trên các tạp chí còn có một số đề tài nghiên cứu khoa học, các tài liệu, chuyên đề về công tác GDQP cho cán bộ, HS,SV hiện nay. Đáng kể là đề tài khoa học cấp nhà nước Học viện Chính trị-Quân sự, Bộ QP của Lê Minh Vụ làm chủ nhiệm: “Đổi mới GDQP trong hệ thống GD quốc gia” và đề tài khoa học cấp Viện Khoa học Nhân văn Quân sự,

Bộ QP, do Phạm Xuân Hảo làm chủ nhiệm: “GDQP cho cán bộ, HS,SV các trường ĐH hiện nay”.

Các công trình nghiên cứu đã đề cập đến các khía cạnh khác nhau của GDQP-AN cho cán bộ, HS,SV trong các trường ĐH, CĐ, TCCN, DN và THPT hiện nay. Nhìn chung, các tác giả đã đề cập tới tầm quan trọng của GDQP-AN cho cán bộ, HS,SV trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Đồng thời đã đề xuất các giải pháp khác nhau nhằm nâng cao chất lượng quản lý GDQP-AN ở các nhà trường.

## **1.2. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA ĐỀ TÀI**

### **1.2.1. Quốc phòng**

*Quốc phòng* là công việc giữ nước của một quốc gia, gồm tổng thể hoạt động đối nội và đối ngoại về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học... của nhà nước và nhân dân để phòng thủ đất nước, tạo nên sức mạnh toàn diện; trong đó, sức mạnh quân sự là đặc trưng, nhằm giữ gìn hoà bình, đẩy lùi, ngăn chặn các hoạt động gây chiến của kẻ thù và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô.

Quốc phòng của Việt Nam là hoạt động của cả nước, với sức mạnh tổng hợp, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng, sức mạnh của lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Quốc phòng không chỉ kết hợp chặt chẽ với an ninh để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ, mà còn phải kết hợp chặt chẽ với kinh tế để bảo vệ và xây dựng đất nước.

Quốc phòng toàn dân của Việt Nam được xây dựng trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Tổ chức quốc phòng của nước ta thể hiện bản chất XHCN, kế thừa, phát huy truyền thống của dân tộc và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước Việt Nam, phụ thuộc trực tiếp vào sự lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam XHCN.

Quốc phòng toàn dân là quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước ta trong chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng của đất nước. Nền quốc phòng của nước ta mang tính chất vì dân, do dân, của nhân dân được xây dựng và phát triển theo phương hướng: toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại.

Quốc phòng toàn dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí, điều hành của Nhà nước nhằm mục tiêu: giữ vững hoà bình, ổn định đất nước, ngăn ngừa, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn phá hoại và xâm lược của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN.

Nền quốc phòng toàn dân, căn cứ bản chất, nội dung đã xác định và qua thực tiễn, theo định nghĩa chung của từ “nền” trong Từ điển tiếng Việt, ta có thể nhận thức nền quốc phòng toàn dân là cơ sở của sức mạnh quốc phòng để giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Do vậy, để có nền quốc phòng toàn dân vững chắc, tạo được sức mạnh quốc phòng, phải xây dựng cả lực lượng và thể trận.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân là quan điểm cơ bản, nhất quán của Đảng ta trong chỉ đạo công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, là trách nhiệm của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng vũ trang là nòng cốt.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân là sự chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phòng thủ, bảo vệ Tổ quốc, là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam. xây dựng nền quốc phòng toàn dân bao gồm: xây dựng ý chí, quyết tâm và đường lối bảo vệ Tổ quốc, xây dựng tiềm lực chính trị - tinh thần của xã hội; xây dựng lực lượng quốc phòng, xây dựng thể trận quốc phòng (lấy phường, xã, khu vực phòng thủ, hậu phương, công trình quốc phòng, khu kinh tế - quốc phòng làm cơ sở...). Biện pháp chính của xây dựng quốc phòng: GDQP-AN và bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho toàn dân; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách về xây dựng QP, AN, mở rộng quan hệ đối ngoại về QP,

AN, kết hợp chặt chẽ công tác quốc phòng ở các cấp, các ngành, kết hợp kinh tế với QP, kết hợp QP với AN, tạo nên sức mạnh tổng hợp; chuẩn bị kế hoạch động viên, chủ động đối phó với các tình huống. Xây dựng QP toàn dân ở nước ta trong giai đoạn mới là: toàn diện, từng bước hiện đại, dựa vào lực lượng của toàn dân, bảo đảm cho đất nước hòa bình, ổn định để phát triển về mọi mặt, đồng thời phòng, chống và răn đe có hiệu quả trước mắt mọi âm mưu, thủ đoạn xâm lược của kẻ thù.

### **1.2.2. An ninh**

*An ninh* quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ XHCN và Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Bảo vệ AN quốc gia là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm AN quốc gia.

Hoạt động xâm phạm AN quốc gia là những hành vi xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, AN, QP, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

Nguy cơ đe dọa AN quốc gia là những nhân tố bên trong, bên ngoài lãnh thổ Việt Nam có khả năng thực tế gây nguy hại cho AN quốc gia của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

Nền AN nhân dân là sức mạnh về tinh thần, vật chất, sự đoàn kết và truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc được huy động vào sự nghiệp bảo vệ AN quốc gia, trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ AN quốc gia làm nòng cốt.

### **1.2.3. Quốc phòng-an ninh**

*Quốc phòng-an ninh* là sự kết hợp QP với AN tạo thành sức mạnh tổng hợp trong thời bình cũng như trong thời chiến nhằm bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

Sự kết hợp QP với AN là một yêu cầu khách quan trong thời đại hiện nay. Trong xu thế hội nhập, hợp tác quốc tế ngày càng sâu, sự xuất hiện đan xen thời cơ và thách thức, đối tượng và đối tác đã đặt ra những yêu cầu mới cho nhiệm vụ QP và AN. Trong QP có yếu tố của AN và trong AN có yếu tố của QP. Kết hợp QP với AN là sự kết hợp nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ở Việt Nam, sự kết hợp đó là cụ thể hóa sự lãnh đạo của Đảng và chỉ đạo, quản lý của Nhà nước về nền QP toàn dân, AN nhân dân trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa, kinh tế, khoa học kỹ thuật... tạo thành sức mạnh toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

#### **1.2.4. Giáo dục quốc phòng-an ninh**

*Giáo dục quốc phòng-an ninh là hoạt động có kế hoạch, có nội dung chương trình phương pháp và hình thức phù hợp với từng đối tượng, nhằm truyền thụ cho họ những tri thức, bồi dưỡng kinh nghiệm, kỹ năng quân sự và những vấn đề về QP-AN cần thiết để họ sẵn sàng làm tốt nghĩa vụ QP-AN bảo vệ Tổ quốc theo chức trách.*

Giáo dục quốc phòng-an ninh là một khoa học, có những quy luật khách quan mà mọi quốc gia, mọi chế độ xã hội phải tuân theo. Tuy nhiên, QP-AN là lĩnh vực luôn biến động theo sự vận động biến đổi của chế độ kinh tế, chính trị, xã hội, của phương thức sản xuất, của tình hình QS và AN quốc gia trong từng thời điểm lịch sử. Do đó, GDQP-AN cũng có tính giai cấp, tính lịch sử cụ thể. Mỗi quốc gia, mỗi chế độ xã hội, mỗi giai đoạn phát triển khác nhau có những quan điểm GDQP-AN khác nhau được thể hiện ra bằng mục tiêu, nội dung và phương thức giáo dục.

Ở Việt Nam, GDQP-AN cho cán bộ các cấp của Đảng, Nhà nước và cho HS,SV để họ làm tốt nghĩa vụ QP, AN bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Giáo dục quốc phòng-an ninh là hoạt động nhằm tác động có hệ thống đến sự phát triển ý thức, tri thức, kỹ năng về lĩnh vực QP, AN. GDQP-AN là một bộ



phận của nền giáo dục quốc dân, nội dung cơ bản trong xây dựng nền QP toàn dân, AN nhân dân; nhằm góp phần đào tạo con người phát triển toàn diện, hiểu biết một số nội dung cơ bản về QP, AN; truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc; nâng cao lòng yêu nước, yêu CNXH; có ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kiến thức cơ bản về đường lối QP, AN và công tác quản lý nhà nước về QP, AN; có kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền QP toàn dân, AN nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Mục tiêu GDQP-AN nhằm góp phần đào tạo con người phát triển toàn diện, hiểu biết một số nội dung cơ bản về QP, AN; truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc; nâng cao lòng yêu nước, yêu CNXH; có tinh thần cách mạng và ý thức cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chống phá sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta; có kiến thức cơ bản về đường lối QP, AN và công tác quản lý nhà nước về QP, AN; có kỹ năng QS, AN cần thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền QP toàn dân, AN nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Yêu cầu GDQP-AN phải tiến hành đồng bộ bằng nhiều hình thức, nội dung phù hợp với từng đối tượng, xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy thống nhất bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực và có hệ thống, bảo đảm cho người học có đủ các điều kiện để tham gia và hoàn thành nghĩa vụ công dân bảo vệ Tổ quốc.

Nguyên lý GDQP-AN là quán triệt và thực hiện đúng nguyên lý giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, giáo dục phải có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lý thuyết đi đôi với thực hành; giáo dục trong nhà trường kết hợp với giáo dục tại gia đình và giáo dục trong các tổ chức đoàn thể, xã hội,

thường xuyên tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các tổ chức đoàn thể và cộng đồng dân cư.

### **1.2.5 Giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên**

*Giáo dục quốc phòng-an ninh cho SV là hoạt động có kế hoạch, có chương trình, nội dung phương pháp và hình thức tác động của nhà giáo dục đến SV, nhằm truyền thụ tri thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển bản lĩnh quân sự và an ninh cần thiết cho SV để họ sẵn sàng làm tốt nghĩa vụ QP, AN bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.*

Giáo dục quốc phòng-an ninh cho SV là quá trình hình thành các phẩm chất về quân sự cho SV. Đây là một nội dung quan trọng trong quá trình giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất nhân cách SV. Những phẩm chất quân sự của SV được hình thành và phát triển trong quá trình đào tạo tại nhà trường và có tác động trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp của họ sau khi tốt nghiệp ra trường.

Lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam đã chứng minh rằng, bảo vệ Tổ quốc phải đi đôi với bảo vệ chế độ. Bảo vệ chế độ là điều kiện để bảo vệ Tổ quốc. Do đó, nhiệm vụ, nội dung GDQP-AN cho SV phải chứa đựng các vấn đề về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

*Nhiệm vụ GDQP-AN cho SV là giúp họ có bản lĩnh chính trị vững vàng, hình thành thái độ, hành vi đúng đắn trong các hoạt động quân sự, nâng cao thể lực, trí lực, kỹ năng quân sự, biết gắn kết nhiệm vụ QP, AN với nghề nghiệp chuyên môn được đào tạo.*

Giáo dục quốc phòng-an ninh cho SV có nhiệm vụ xây dựng cho họ những phẩm chất cơ bản của hoạt động quân sự về *trí tuệ, tình cảm và ý chí*. Phẩm chất trí tuệ, đó là khả năng linh hoạt trong tư duy QS, khả năng tiếp nhận nhanh những tri thức QS, tính sáng tạo, quyết đoán trong xử lý các tình huống. Phẩm chất trí tuệ phải chuyển hóa thành cảm xúc, tình cảm và ý chí trong hoạt

động QS, giúp SV hình thành thái độ, biểu tượng đúng về hoạt động QS, tạo động lực mạnh mẽ trong hoạt động QS.

Ngoài những nhiệm vụ trên, GDQP-AN còn phải hướng tới rèn luyện cho SV phẩm chất *đặc thù QS*, lòng trung thành vô hạn với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; tinh thần, ý chí chiến đấu; tinh thần dũng cảm, đức dám hy sinh vì sự nghiệp cách mạng; khả năng tổ chức khoa học các hoạt động QS; tính kỷ luật cao, trình độ kỹ, chiến thuật và nghệ thuật QS; sự tinh nhạy, quan sát, phán đoán...

*Nội dung GDQP-AN* bao gồm các vấn đề về truyền thống chống giặc ngoại xâm, tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; đường lối, quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước về QP, AN; công tác QP, AN của Đảng và Nhà nước, các văn bản pháp luật về QP, AN; phổ cập những kiến thức cần thiết về lực lượng vũ trang nhân dân; nghệ thuật QS Việt Nam; phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, kiến thức cơ bản cần thiết về kỹ thuật, chiến thuật QS, phòng thủ dân sự.

Hiện nay, chương trình môn GDQP-AN trình độ ĐH là 165 tiết; CĐ 135 tiết, được cấu trúc thành 4 học phần.

*Học phần I. Đường lối quân sự của Đảng*: Học phần có 3 đơn vị học trình (ĐVHT) đề cập lí luận cơ bản của Đảng về đường lối QS, bao gồm: những vấn đề cơ bản học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền QP toàn dân, AN nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QP, AN. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật QS Việt Nam qua các thời kỳ.

*Học phần II. Công tác quốc phòng, an ninh*: Học phần có 3 ĐVHT được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác QP-AN của Đảng, Nhà nước

trong tình hình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật QP, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, AN quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

*Học phần III. Quân sự chung:* Học phần có 3 ĐVHT lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình QS, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPĐ, RPK, B40, B41; đặc điểm, tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ, phòng chống vũ khí hạt nhân, hoá học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ, địa hình QS, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn QS phối hợp để SV tham gia hội thao điền kinh, thể thao QP.

*Học phần IV. Chiến thuật và Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK:* Học phần có 2 ĐVHT lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho SV một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK bài 1b; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, hành động của cá nhân trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự. Nội dung gồm: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

Bộ GDĐT thống nhất với Bộ QP, Bộ CA và các cơ quan liên quan xây dựng chương trình môn GDQP -AN cho HS,SV các trường THPT đến ĐH.

### **1.2.6. Quản lý giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên**

Quản lý là sự tác động có ý thức nhằm điều khiển, hướng dẫn quá trình xã hội, những hành vi hoạt động của con người, huy động tối đa các nguồn lực khác nhau để đạt tới mục đích theo ý chí của nhà quản lý và phù hợp với quy luật khách quan. Tác động quản lý thường mang tính tổng hợp, hệ thống tác động quản lý gồm nhiều giải pháp khác nhau thường thể hiện dưới dạng tổng hợp của một cơ chế quản lý. Cơ sở của quản lý là các quy luật khách quan và điều kiện thực tiễn của môi trường. Mục tiêu cuối cùng của quản lý là tạo ra, tăng thêm và bảo vệ lợi ích cho con người. Các giải pháp quản lý đều không có hiệu quả nếu không chú ý đến con người.

Quản lý giáo dục là một lĩnh vực quản lý chuyên ngành, hiện nay đang có nhiều cách định nghĩa khác nhau. Theo Mi.Kon-đa-cop “Những vấn đề cốt yếu của quản lý giáo dục”, đã định nghĩa về quản lý giáo dục là “tập hợp những biện pháp nhằm đảm bảo được sự vận hành bình thường của các cơ quan trong hệ thống giáo dục, đảm bảo sự tiếp tục phát triển và mở rộng hệ thống cả về mặt số lượng cũng như mặt chất lượng”.

Phạm Minh Hạc cho rằng “quản lý nhà trường, quản lý giáo dục là tổ chức hoạt động dạy học...Có tổ chức hoạt động dạy học, thực hiện được các tính chất của nhà trường phổ thông Việt Nam XHCN...mới quản lý được giáo dục của Đảng và biến đường lối đó thành hiện thực, đáp ứng yêu cầu của nhân dân, của đất nước.

Nhìn chung các định nghĩa về quản lý giáo dục được các tác giả nêu trên đưa ra vừa khái quát, cụ thể, hợp lý và dễ hiểu. Nhưng để thuận tiện cho việc nghiên cứu đề tài này, tác giả xin trình bày cách hiểu của mình như sau:

*Quản lý GD là sự tác động có ý thức nhằm điều khiển, hướng dẫn các quá trình giáo dục, những hoạt động của cán bộ, giảng viên và SV, huy động các*

*nguồn lực khác nhau để đạt tới mục đích của nhà quản lí giáo dục và phù hợp với quy luật khách quan.*

Nội dung quản lí giáo dục liên quan đến các thành tố tạo nên các hoạt động giáo dục. Điều 36 Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (năm 1992) xác định “Nhà nước thống nhất quản lí hệ thống giáo dục quốc dân về mục tiêu, nội dung chương trình, kế hoạch giáo dục, tiêu chuẩn giáo viên, quy chế thi cử và hệ thống văn bằng”.

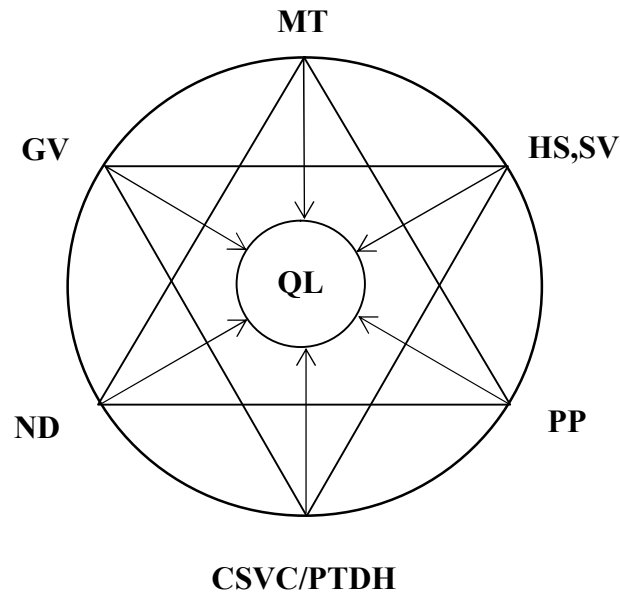
*Đối tượng của quản lí giáo dục* bao gồm nguồn nhân lực của giáo dục, cơ sở vật chất kỹ thuật và các hoạt động có liên quan đến chức năng của giáo dục. Nhà trường là đơn vị cơ sở và cơ bản nhất của quản lí giáo dục trong đó đội ngũ GV và SV là đối tượng quản lí quan trọng nhất, đồng thời lại là chủ thể trực tiếp quản lí quá trình giáo dục. Thực chất của quản lí giáo dục, suy cho cùng là tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của nhà trường được vận hành theo đúng kế hoạch, quá trình giáo dục đạt được mục tiêu. Trường học là thành tố sinh thành của hệ thống giáo dục, vì vậy để thành tố này vận hành và phát triển tối ưu, bản thân nhà trường cũng cần phải được quản lí. Quản lí trường học là một bộ phận cơ bản của quản lí giáo dục nói chung.

Hoạt động dạy học là hoạt động trung tâm của nhà trường, mọi hoạt động khác đều hướng vào hoạt động trung tâm này. Do vậy bản chất của việc quản lí nhà trường là quản lí hoạt động dạy và học, tức là làm sao đưa hoạt động đó từ trạng thái này sang trạng thái khác để đạt tới mục tiêu giáo dục.

Có thể nói quản lí trường học là lập kế hoạch, tổ chức chỉ đạo điều hành và kiểm tra, điều chỉnh quá trình giảng dạy của thầy và hoạt động học tập của trò, đồng thời quản lí những điều kiện cơ sở vật chất, tinh thần phục vụ cho hoạt động dạy và học nhằm đạt được mục đích của giáo dục đào tạo.

Có thể phân tích nhà trường như một hệ thống gồm 6 thành tố cơ bản kết hợp chặt chẽ với nhau, đó là:

Sơ đồ 1.1. Các thành tố cơ bản trong nhà trường



1. Mục tiêu giáo dục: **(MT)**
2. Nội dung giáo dục: **(ND)**
3. Phương pháp giáo dục: **(PP)**
4. Giáo viên: **(GV)**
5. Học sinh, sinh viên: **(HS,SV)**
6. Cơ sở vật chất và phương tiện dạy học: **(CSVC&PTDH)**

Phạm Khắc Chương quan niệm nội dung quản lý giáo dục trong nhà trường (Quản lý GD-bài giảng cho CH, ĐHSPT, Hà Nội, năm 2000) bao gồm:

*Quản lý mục tiêu giáo dục.* Quản lý việc xây dựng và thực hiện mục tiêu trong quá trình đào tạo. Quản lý hệ thống những yêu cầu lâu dài và trước mắt của xã hội đối với sự phát triển nhân cách của người được giáo dục, đối với những phẩm chất và năng lực cần phải có của người học sau từng giai đoạn học tập.

*Quản lý nội dung chương trình giáo dục.* Quản lý việc xây dựng và thực hiện nội dung giáo dục theo mục tiêu, yêu cầu đặt ra. Bao hàm cả việc quản lý nội dung truyền đạt của thầy và cách tổ chức cho người học lĩnh hội nội dung, bảo đảm các yêu cầu cơ bản về tỷ lệ khối kiến thức, tính hợp lý của cấu trúc

chương trình, tính khoa học, tính thực tiễn, tính tư tưởng... đảm bảo sự cân đối, phù hợp giữa lý thuyết và thực hành, giữa cơ bản và chuyên sâu, giữa truyền thống và hiện đại... của nội dung chương trình.

*Quản lý phương pháp giáo dục.* Quản lý phương pháp dạy, phương pháp học, các phương pháp GD, rèn luyện người học về mặt phẩm chất đạo đức, năng lực để làm chuyên biến nhân cách của người học theo mục tiêu, nội dung đã xác định.

*Quản lý giảng viên.* Quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, GD của GV bao gồm: việc thực hiện chương trình, quản lý việc soạn bài và chuẩn bị lên lớp, quản lý việc dự giờ và phân tích bài học sư phạm, quản lý hoạt động kiểm tra-đánh giá kết quả học tập của SV, quản lý hồ sơ chuyên môn của GV, sử dụng và bồi dưỡng giảng viên, quản lý hoạt động giáo dục (theo nghĩa hẹp).

*Quản lý hoạt động học tập của sinh viên.* Quản lý hoạt động học tập của SV bao gồm: quản lý động cơ học tập, huấn luyện phương pháp học tập cho SV nắm được kỹ năng học tập có phương pháp học tập ở lớp và ở nhà hiệu quả. Quản lý nền nếp, thái độ học tập của SV: nền nếp học tập, kỷ luật học tập là những điều quy định cụ thể về tinh thần, thái độ, hành vi ứng xử nhằm làm cho hoạt động học tập được nhịp nhàng và có hiệu quả. Quản lý các hoạt động học tập trên lớp theo chương trình kế hoạch dạy học.

*Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.* Cơ sở vật chất và TBDH là điều kiện tiên quyết cho nhà trường hình thành và hoạt động (nội dung chương trình, đội ngũ GV, CSVC, TBDH...) là điều kiện không thể thiếu trong việc bảo đảm truyền tải kiến thức từ thầy tới trò, nâng cao chất lượng GDĐT.

Từ quan niệm về quản lý giáo dục như trên cho phép ta rút ra khái niệm quản lý GDQP-AN cho SV như sau:

*Quản lý GDQP-AN cho SV là hoạt động có mục đích, có tổ chức của nhà quản lý nhằm điều khiển, hướng dẫn các quá trình giáo dục, những hoạt động của cán bộ, giảng viên và SV, huy động các nguồn lực khác nhau để thực hiện có*



*hiệu quả chương trình, nội dung phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục theo kế hoạch đã xác định.*

Quản lý GDQP-AN là quản lý các cơ sở GDĐT tổ chức thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; quản lý cán bộ, GV (tuyển dụng, làm việc, bồi dưỡng đào tạo, chế độ chính sách...); quản lý CSVC, PTDH; quản lý dạy và học...chất lượng môn GDQP -AN.

### **1.3. ĐẶC ĐIỂM QUẢN LÝ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG-AN NINH CHO SINH VIÊN TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

*- Đặc điểm GD cho SV trong tình hình mới*

Sinh viên là lực lượng tiêu biểu của thế hệ trẻ, là lực lượng trí thức tương lai của đất nước; là lực lượng trung tâm, là cầu nối với các tầng lớp trí thức trong các trường ĐH, CĐ, các viện nghiên cứu và các địa bàn dân cư; là một lực lượng quan trọng trong đấu tranh chống “diễn biến hoà bình” của địch. Quá trình dân chủ hoá, xã hội hoá GDĐT càng cao thì định hướng giá trị của SV ngày càng rõ và càng phát triển.

Vì vậy, SV là một trong những đối tượng mà các thế lực phản động quốc tế tìm mọi cách lợi dụng để tuyên truyền, kích động, lôi kéo nhằm thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của chúng.

Trong chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch sẽ tiến hành đối với Việt Nam, chúng coi lĩnh vực chính trị tư tưởng là mặt trận hàng đầu, là khâu đột phá. Chúng đưa ra quan điểm về con đường “dân tộc” đi lên xây dựng xã hội văn minh do trí thức, SV thanh niên làm nòng cốt nhằm tác động vào giới trẻ để khuyến khích, kích động họ đấu tranh đòi “tự do”, “dân chủ”, “nhân quyền” và đẩy mạnh hoạt động chiến tranh tâm lý làm nảy sinh tư tưởng mơ hồ, lệch lạc trong HS,SV. Chúng tìm mọi cách lợi dụng chính sách mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, giao lưu văn hoá của Đảng, Nhà nước ta như giao lưu giảng dạy giữa các trường ĐH trong nước với nước ngoài để tuyên truyền, kích động, lôi kéo SV. Chúng tập trung phá hoại

việc giảng dạy lí luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường ĐH, xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; đồng thời lợi dụng những yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lí và những hiện tượng tiêu cực của một bộ phận không nhỏ đội ngũ cán bộ, đảng viên, kích động gây mất lòng tin của SV vào Đảng, Nhà nước và CNXH, phủ nhận chủ nghĩa Mác -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vai trò lãnh đạo của Đảng. Dùng học bổng và tài trợ du học nước ngoài để mua chuộc, lôi kéo SV, dưới danh nghĩa các tổ chức phi chính phủ tài trợ trực tiếp học bổng cho SV không thông qua nhà trường, các tổ chức của ta dưới danh nghĩa tài trợ cho “SV học giỏi, SV nghèo vượt khó”... Mặt khác, thông qua hoạt động tôn giáo mê tín dị đoan để từng bước mê hoặc SV, tăng cường xâm nhập vào các trường ĐH để móc nối quan hệ và truyền đạo trái phép. Lợi dụng danh nghĩa hoạt động từ thiện tổ chức gặp mặt SV dưới nhiều hình thức nhằm phá hoại tổ chức SV và đoàn thanh niên trong các trường ĐH.

Về kinh tế, chúng lợi dụng khó khăn của SV trong đời sống học đường, thông qua một số tổ chức liên doanh với nước ngoài, các tổ chức kinh tế tư nhân bằng các chế độ đãi ngộ (học bổng, lương, thưởng,...) để lôi kéo SV tham gia làm việc cho họ ngay từ khi còn ngồi học trên giảng đường các trường ĐH.

Nét nổi bật trong hoạt động “diễn biến hoà bình” của địch đối với SV các trường ĐH là kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền xuyên tạc, xúi dục, kích động với câu nhử, mua chuộc bằng vật chất (tiền) để dẫn SV từ chỗ mơ hồ về chính trị, sa ngã về lối sống, manh động và cực đoan trong hành động, từ đó tạo thành lực lượng gây ngòi nổ cho các âm mưu chống phá Đảng, chống phá chính quyền các cấp.

Với thủ đoạn trên lĩnh vực QP, AN, các thế lực thù địch lợi dụng xu thế mở rộng, hợp tác quốc tế, thực hiện xâm nhập, tăng cường hoạt động tình báo thu thập bí mật quốc gia. Chúng kích động đòi phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực QP, AN và đối với lực lượng vũ trang. Đối với Quân đội nhân dân Việt Nam, các thế lực thù địch chủ trương vô hiệu hoá sự lãnh đạo của

Đảng với luận điểm “phi chính trị hoá” quân đội. Đối với công an nhân dân, chúng chia rẽ mối quan hệ giữa công an với nhân dân và lợi dụng hợp tác chống khủng bố, tội phạm quốc tế để can thiệp vào công việc nội bộ, phá vỡ thế trận AN nhân dân, nền QP toàn dân.

Từ những âm mưu, thủ đoạn trên, yêu cầu đặt ra là phải nâng cao cảnh giác cách mạng, kịp thời phát hiện âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, dự báo đúng thủ đoạn, quy mô, địa điểm và thời gian. Nắm vững nguyên tắc xử lý trong đấu tranh chống bạo loạn lật đổ (nhanh gọn, kiên quyết, linh hoạt, đúng đối tượng, sử dụng lực lượng và phương thức đấu tranh phù hợp, không để lan rộng kéo dài). Hoạt động đấu tranh, xử lý bạo loạn luôn phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền, cơ quan quân sự và công an làm tham mưu và thống nhất hành động cho các lực lượng tham gia. Kịp thời phân hoá, cô lập và đấu tranh kiên quyết với bọn đầu sỏ, cực đoan, giáo dục vận động những người dân lầm đường, lạc lối.

*- Tác động từ sự biến động của thế giới và khu vực tới GDQP-AN*

Ngày nay, các hoạt động GDQP-AN cho SV được tiến hành trong bối cảnh quốc tế có những diễn biến mới rất phức tạp. Cách mạng khoa học kỹ thuật tiếp tục phát triển mạnh mẽ, sự phát triển của nền kinh tế tri thức, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu và đang tiến triển rất mạnh mẽ. Các thế lực thù địch đang từng ngày, từng giờ tìm mọi cách để chống phá cách mạng Việt Nam nhằm lật đổ chế độ XHCN trên đất nước chúng ta.

Trong một vài thập kỷ tới, những biến đổi về kinh tế, chính trị, QP, AN trên thế giới, khu vực và sự thay đổi về âm mưu, thủ đoạn chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch trong và ngoài nước sẽ tác động mạnh đến công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, nhất là sau khi Việt Nam hội nhập với ASEN, WTO và vai trò trở thành thành viên không chính thức của Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc. Mặc dù vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta vẫn tiếp

tục phát triển. Chúng ta vẫn giữ vững chính trị-xã hội, tăng trưởng kinh tế sẽ nhanh hơn, cao hơn, chủ quyền AN, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững. Tình hình này làm cho cán bộ, SV thêm tích cực thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó việc nâng cao giác ngộ ý thức bảo vệ Tổ quốc, ý thức QP, AN và tích cực trong các hoạt động xây dựng nền QP toàn dân, AN nhân dân tạo môi trường thuận lợi để đổi mới và nâng cao chất lượng GDQP - AN.

Những diễn biến phức tạp của đời sống quốc tế cả về chính trị, kinh tế quân sự, GDQP-AN vừa tạo cơ hội, vừa làm nảy sinh những thách thức mới đối với sự nghiệp cách mạng của nước ta. Từ đó làm cho nhận thức của cán bộ, SV về mối quan hệ tác động qua lại giữa chính trị, kinh tế và QP, AN được nâng lên một tầm cao mới. Đó là điều kiện khách quan để tiếp tục đổi mới và nâng cao hơn nữa chất lượng GDQP-AN cho các đối tượng.

Tuy nhiên, tình hình trên cũng làm xuất hiện những tác động tiêu cực tới ý thức QP, AN của một bộ phận không nhỏ của cán bộ, HS,SV về sự mất cảnh giác, mơ hồ trong nhận thức, coi thường kẻ thù, ngại học tập môn GDQP -AN.

Tình hình thế giới và khu vực tác động tới việc xác định nội dung, chuẩn bị lực lượng và tổ chức triển khai GDQP-AN. Dự báo đúng và nắm vững tình hình tác động của các điều kiện khách quan là cơ sở để các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước xác định đúng đối tượng, đối tác, làm căn cứ cho việc xây dựng chiến lược quân sự, QP, AN cho các giai đoạn sát thực, phù hợp. Từ đó có kế hoạch phòng thủ, bảo vệ Tổ quốc được chi tiết hoá thành các kế hoạch bộ phận. Trong đó GDQP-AN là một bộ phận không thể thiếu. Đây chính là cơ sở khoa học-chính trị-pháp lý để hoạch định chiến lược, đổi mới toàn diện nội dung chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức GDQP-AN trong hệ thống giáo dục quốc dân. Nhất là việc cập nhật các nội dung có liên quan trực tiếp đến GDQP-AN trong bối cảnh mới.

Tuy nhiên, những biến động về chính trị, kinh tế, quân sự, QP, AN không phải không tác động tiêu cực đến GDQP-AN. Thực tiễn cho thấy đã có những biểu hiện nhiệm vụ GDQP-AN không bảo đảm chất lượng diễn ra ở một số cơ sở, có không ít cán bộ, đảng viên ở các cơ quan Đảng và Nhà nước -những người có trách nhiệm liên quan đến GDQP-AN nói chung và cho HS,SV nói riêng, không nhận thức đầy đủ bản chất cùng những khía cạnh phức tạp của tình hình liên quan tới GDQP-AN. Xu hướng xuất hiện những nhận thức không đầy đủ về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới.

Tác động của thế giới, khu vực tới điều kiện vật chất của GDQP-AN. Sau khi Việt Nam ra nhập WTO tình hình thế giới và khu vực tiếp tục tác động trực tiếp tới sự phát triển kinh tế của Việt Nam đã tạo ra cả cơ hội và thách thức mới. Kinh tế tăng trưởng, nhà nước có điều kiện đầu tư toàn diện cho GDQP -AN từ CSVC, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đến đổi mới chính sách, tất cả đã tạo cơ sở vững chắc cho đổi mới, tăng cường quản lí, nâng cao chất lượng hơn nữa để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng, trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, những biến động của tình hình thế giới, khu vực và những âm mưu, thủ đoạn chống phá cách mạng của các thế lực thù địch có tác động tiêu cực đến việc bảo đảm các điều kiện của GDQP-AN cho HS,SV. Biểu hiện rõ nhất của vấn đề này là sự thiếu quan tâm chăm lo của các cấp, các ngành đến đảm bảo các điều kiện vật chất, tài chính, môi trường thuận lợi cho GDQP-AN, coi các hoạt động QP, AN là của cơ quan quân sự và công an. Mặt khác sự xuống cấp về văn hóa lối sống cũng làm cho một bộ phận giảng viên thờ ơ với nhiệm vụ quan trọng này.

*- Tác động của những thành tựu phát triển kinh tế-xã hội ở nước ta đến GDQP-AN*

Bối cảnh kinh tế-xã hội trong nước có nhiều biến động, Việt Nam gia nhập WTO và xu thế hội nhập quốc tế mạnh đã đem lại cho GD Việt Nam nhiều cơ

hội và thách thức, đòi hỏi phải GD toàn diện cho SV, trong đó GDQP -AN cho SV chiếm vị trí quan trọng. Tình hình đó đã đặt ra những cơ hội và thách thức đối với công tác GDQP-AN cho SV các trường ĐH.

*Những tác động tích cực:* Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN tiếp tục phát triển trong điều kiện mở cửa, hội nhập kinh tế thế giới, CNH, HĐH được đẩy mạnh. Đây là cơ sở bảo đảm định hướng XHCN cho các nội dung GDQP-AN, bảo đảm cho GDQP-AN kế thừa tinh hoa văn hoá nghệ thuật QP, AN, nghệ thuật QS Việt Nam và chủ động tiếp thu, học hỏi tinh hoa nghệ thuật QS, AN nước ngoài, đặc biệt là nghệ thuật QS của chiến tranh hiện đại. Kinh tế đất nước phát triển sẽ tạo điều kiện CSVC kỹ thuật, tài chính thuận lợi cho đổi mới GDQP-AN, tạo điều kiện thuận lợi để các lực lượng tham gia GDQP-AN nâng cao trình độ...

Sự phát triển kinh tế nước ta đòi hỏi đổi mới nội dung chương trình GDQP-AN phải phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, đổi mới nội dung chương trình, hình thức, phương pháp GDQP -AN theo hướng hiện đại.

Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng, là hệ tư tưởng giữ vai trò thống trị trong xã hội ta; là cơ sở tư tưởng, lý luận cách mạng khoa học cho việc đổi mới GDQP-AN. Đồng thời, đổi mới GDQP-AN được tiến hành trong điều kiện hệ thống chính trị từ tiếp tục được củng cố vững chắc. Đây là chỗ dựa, là điều kiện, tiền đề cho đổi mới GDQP -AN đạt chất lượng, hiệu quả tốt.

Cơ cấu xã hội-giai cấp nước ta trong những năm tới sẽ biến đổi nhanh, phù hợp với sự phát triển kinh tế-xã hội. Trong đó, giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng là cơ sở, nền tảng để tăng cường công tác GDQP-AN cho HS,SV và hệ thống giáo dục quốc dân.

Các thang giá trị xã hội, các chuẩn mực xã hội có sự thay đổi. Những thang giá trị xã hội, chuẩn mực cũ kìm hãm sự năng động, sáng tạo, kìm hãm sự

phát triển của sức sản xuất xã hội từng bước bị loại bỏ. Thế hệ thanh niên hiện nay ít bị ảnh hưởng của cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, họ đang thể hiện sự năng động, sáng tạo trên tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế-xã hội. Sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của cán bộ, HS,SV hiện nay là cơ sở để họ tiếp thu tốt những kiến thức QP, AN hiện đại.

*Tác động của những hạn chế, yếu kém:* Nước ta vẫn ở tình trạng nước nghèo, kém phát triển và đang tụt hậu xa với nhiều nước trong khu vực và thế giới. Tình trạng này có liên quan đến việc củng cố, nâng cao tiềm lực QP, AN nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhằm bảo vệ Tổ quốc XHCN, thực hiện nhiệm vụ GDQP-AN cho HS,SV, các trường THPT đến ĐH. Từ đó có thể nảy sinh những nhận thức không thống nhất về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và GDQP-AN ở cán bộ, HS,SV.

Tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường trong điều kiện Việt Nam gia nhập WTO. Chịu tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường, từ sự phân công lao động trong WTO, một bộ phận lực lượng tham gia GDQP-AN chỉ chăm lo vun vén cho lợi ích cá nhân, không tích cực học tập nâng cao trình độ, đầu tư nghiên cứu đổi mới hình thức, phương pháp GDQP-AN. Chất lượng, hiệu quả GDQP-AN vì thế sẽ có nguy cơ bị giảm sút. Do bị tác động bởi các mặt trái của cơ chế thị trường mà kinh phí, CSVC, trang thiết bị đầu tư cho GDQP-AN bị một số người lợi dụng tham ô, tham nhũng, gây mất mát, hư hao.

Mặt trái của cơ chế thị trường, của hội nhập kinh tế quốc tế sau khi Việt Nam gia nhập WTO đã, đang và sẽ kích thích lối sống hưởng thụ, tiêu xài chạy theo đồng tiền. Lối sống này đang phát triển trong một bộ phận lớp trẻ và tỷ lệ HS,SV, phạm tội cờ bạc, nghiện hút, mại dâm, trộm cướp có xu hướng tăng lên. Điều đó ảnh hưởng xấu đến ý thức QP, AN, bảo vệ Tổ quốc của HS,SV, dễ làm cho họ sao nhãng nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, ít quan tâm đến lợi ích quốc gia dân tộc, coi GDQP-AN là không cần thiết.

Cơ cấu xã hội-giai cấp trong thời kỳ quá độ vốn đã phức tạp, khi Việt Nam gia nhập WTO thì lại càng phức tạp hơn, các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá mạnh; kinh tế tư nhân phát triển; đảng viên được làm kinh tế tư nhân, giai cấp nông dân có thể bị thua thiệt nhiều trong hội nhập kinh tế quốc tế (mất đất, đi làm thuê...). Điều đó làm cho cơ cấu xã hội-giai cấp trong đội ngũ cán bộ, HS,SV, cũng trở nên phức tạp và không thuần nhất; dẫn đến sự khác biệt về tư tưởng, tâm lý, lối sống, nhận thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Ảnh hưởng của mặt trái cơ chế thị trường và những biến đổi cơ cấu xã hội-giai cấp ở trong xu thế toàn cầu hoá kinh tế càng dễ làm cho ý thức QP, AN, bảo vệ Tổ quốc của HS,SV bị giảm sút, lựa chọn xu hướng nghề nghiệp ít thuận lợi cho việc GDQP-AN.

Tác động của tình hình tội phạm và một số tệ nạn xã hội. Hiện nay, tệ quan liêu, tham nhũng vẫn còn nghiêm trọng, nếu không được khắc phục sẽ gây nên hậu quả rất lớn đối với sự tồn vong của chế độ xã hội, tới nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và GDQP-AN. Ý thức QP, AN, ý thức bảo vệ Tổ quốc của một bộ phận cán bộ, HS,SV có khả năng bị suy giảm trước những tác động tiêu cực xã hội, nhất là tệ tham nhũng. Niềm tin vào bản chất ưu việt của chế độ xã hội mới, vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN cũng đang đứng trước thử thách bởi sự dao động và tình cảm cách mạng bị phai nhạt ở một số cán bộ, HS,SV. Đây là những vấn đề mà GDQP-AN trong thời gian tới phải quan tâm tìm giải pháp phù hợp để khắc phục.

Tác động của những hạn chế trong hệ thống chính trị xã hội sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị các cấp còn nhiều yếu kém sẽ ảnh hưởng xấu đến sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân. Đáng lưu ý là ở một số nơi, hệ thống chính trị không hoặc ít phát huy tác dụng đối với việc GDQP-AN. Một bộ phận không nhỏ cán bộ trong hệ thống này còn yếu kém về năng lực và phẩm chất, thiếu quan tâm tới chỉ đạo GDQP-AN.



Tác động của những hạn chế trong GDĐT. Sự lạc hậu của nội dung chương trình ĐT, phương pháp dạy học, sự yếu kém về chuyên môn và suy thoái phẩm chất đạo đức, lối sống trong một bộ phận GV sẽ làm giảm niềm tin của người học vào chất lượng GDĐT, nảy sinh tư tưởng chạy bằng, chạy diêm (trong đó có môn GDQP-AN). Điều này dẫn tới hậu quả là ý thức kiến thức và kỹ năng QP, AN của người học không thực chất, những cái học được trong nhà trường không biến thành tài sản tinh thần và hành động thực tiễn của họ.

Tác động của những hạn chế trong nhận thức và thực hiện nhiệm vụ QP, AN sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Trong thời gian tới, khi Việt Nam ngày càng hội nhập sâu hơn vào WTO, thì nhiệm vụ QP, AN cần phải điều chỉnh cho phù hợp. Khi điều này xảy ra sẽ làm cho công tác GDQP -AN ít nhiều bị động, không thể ngay một lúc điều chỉnh kịp. Bên cạnh đó, lĩnh vực QP, AN còn có những hạn chế nhất định. Tình hình này tác động tới nhận thức của cán bộ, HS,SV về khả năng đánh thắng kẻ thù, bảo vệ Tổ quốc. Trong đó có một bộ phận thiếu tin tưởng vào khả năng này, lo sợ về chiến tranh hiện đại và không sẵn sàng làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc trước những diễn biến phức tạp của tình hình sau khi Việt Nam gia nhập WTO.

#### **1.4. NỘI DUNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

##### **1.4.1. Quản lý mạng lưới cơ sở giáo dục quốc phòng -an ninh cho sinh viên các trường đại học**

Mạng lưới cơ sở GDQP-AN cho SV các trường ĐH là các cơ sở tổ chức thực hiện GDQP-AN cho SV, các cơ sở này thuộc ĐH, trường ĐH, CĐ hoặc nhà trường quân đội (trường sĩ quan, trường quân sự: quân khu; tỉnh).

Mạng lưới cơ sở GDQP -AN cho SV các trường ĐH gồm: trung tâm, khoa và bộ môn (tổ) GDQP-AN, mạng lưới GDQP -AN được phân bố trên toàn quốc, chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn nhiều trường ĐH, CĐ.

Quản lý mạng lưới cơ sở GDQP -AN cho SV các trường ĐH, CĐ là quản lý nhà nước, được pháp luật quy định (Bộ GDĐT); CĐ nghề, do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quản lý. Quản lý được thống nhất từ Trung ương đến các cơ sở đào tạo được cụ thể hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật, tạo sự thống nhất và thực thi các quy phạm pháp luật nghiêm minh, bình đẳng trong GDĐT.

#### **1.4.2. Quản lý mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp dạy học giáo dục quốc phòng-an ninh**

Quản lý mục tiêu là quản lý những yêu cầu trong giảng dạy môn GDQP-AN đối với SV các trường ĐH nhằm GD kiến thức cơ bản về đường lối QP, AN của Đảng và công tác quản lý nhà nước về QP, AN; về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật QS Việt Nam; về chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Trang bị kỹ năng QS, AN cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền QP toàn dân, AN nhân dân, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Quản lý nội dung chương trình là quản lý việc giảng dạy của các cơ sở GDQP-AN có đúng, đủ nội dung chương trình đã được ban hành theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hay không; quản lý học tập, rèn luyện, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV. Trong quản lý quá trình đào tạo, quản lý thực hiện nội dung chương trình đúng, đủ về thời lượng là quan trọng nhất; tránh tình trạng cấn xén trong giảng dạy, từ đó dẫn tới không bảo đảm chất lượng môn học.

Quản lý mục tiêu, nội dung chương trình môn học đã tốt nhưng đồng thời cũng phải quản lý phương pháp giảng dạy nhằm ngày càng bảo đảm chất lượng và hiệu quả. Vì, phương pháp giảng dạy được ví như là đường dẫn kiến thức từ người thầy sang trò, đường dẫn tốt thì lượng kiến thức sẽ truyền tải được nhiều và ngược lại, do vậy phải luôn luôn đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với từng nội dung, từng đối tượng và từng giai đoạn nhất định, có như vậy người

thầy mới truyền được lửa nhiệt huyết trong học tập cho người trò, từ đó tạo động cơ học tập đúng đắn, đạt kết quả tốt nhất.

### **1.4.3. Quản lí hình thức tổ chức dạy học giáo dục quốc phòng - an ninh cho sinh viên các trường đại học**

Giáo dục quốc phòng-an ninh cho SV các trường ĐH hiện nay được tổ chức thực hiện theo các hình thức sau: dạy học tập trung; dạy học kết hợp (rải phần lý thuyết và tập trung phần thực hành) hoặc dạy học rải (lí thuyết và thực hành).

Tại các trung tâm (TT) GDQP-AN được tổ chức dạy học GDQP-AN cho SV tập trung: Trước năm học mới (thường tháng 5 hoặc 6 hàng năm), TT GDQP-AN tổ chức hội nghị liên kết GDQP-AN với các trường ĐH, CĐ trong cụm liên kết, nhằm đánh giá công tác phối hợp GDQP-AN trong năm và thống nhất kế hoạch GDQP-AN năm học tới, tại hội nghị TT GDQP-AN và các nhà trường thống nhất kế hoạch GDQP-AN cho SV trong năm học; theo kế hoạch SV các trường ĐH, CĐ được đưa tới TT GDQP-AN để học tập (SV đào tạo trình độ ĐH là 165 tiết và CĐ là 135 tiết).

Theo quy định của Bộ GDĐT các trường ĐH, CĐ có khoa hoặc bộ môn GDQP-AN thì tổ chức dạy học tại trường, các trường này thường tổ chức dạy học rải trong một học kỳ hay cả năm học (thường giảng dạy trong năm học thứ nhất của khóa học); nhà trường chủ động được thời gian giảng dạy các môn học trong khóa học.

Các trường ĐH, CĐ không có khoa, bộ môn GDQP-AN: liên kết với các trường có khoa, bộ môn GDQP-AN để giảng dạy cho SV (cụm liên kết); địa điểm, thời gian, hình thức tổ chức giảng dạy do hai nhà trường thống nhất và được ký hợp đồng giảng dạy, khi hoàn thành thì được thanh lý hợp đồng (hàng năm); hoàn thành khóa học, khoa hoặc bộ môn chuyển kết quả học tập của SV cho các nhà trường có SV học GDQP-AN.

Sinh viên hoàn thành khóa học tại TT GDQP-AN, được cấp chứng chỉ GDQP-AN; SV học GDQP-AN tại các khoa, bộ môn GDQP-AN sau khi hoàn thành khóa học, các khoa, bộ môn chuyên kết quả học tập của SV cho nhà trường để từng trường cấp chứng chỉ cho SV.

Chứng chỉ GDQP-AN cấp cho SV để xác nhận hoàn thành kết quả học tập môn GDQP-AN. SV đạt điểm trung bình môn học từ 5 điểm và không bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên được cấp chứng chỉ GDQP-AN và được ghi kết quả xếp loại trong chứng chỉ. Chứng chỉ GDQP-AN là một trong những điều kiện để xét tốt nghiệp.

Không cấp chứng chỉ cho SV được miễn toàn bộ chương trình; SV CĐ học liên thông lên ĐH chỉ học bổ sung những học phần còn thiếu.

#### **1.4.4. Quản lý đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên giáo dục quốc phòng-an ninh**

Đội ngũ CBQL, GV GDQP-AN là người làm nhiệm vụ quản lý, giảng dạy có trình độ chuẩn được ĐT theo quy định của Luật Giáo dục, có kiến thức GDQP-AN, có tinh thần trách nhiệm của người thầy, người chỉ huy và người quản lý cán bộ GD.

Đội ngũ CBQL và GV GDQP-AN có vị trí, vai trò quan trọng trong ĐT, là nhân tố quyết định đến chất lượng dạy và học môn GDQP-AN cho SV các trường CĐ, ĐH. Do tính chất đặc thù của môn học nên việc quản lý đội ngũ này cũng khác với quản lý đội ngũ CBQL và GV của các môn học khác trong cùng trình độ đào tạo vì ngoài hoạt động dạy và học ở TT GDQP-AN còn có các hoạt động ngoại khóa, duy trì nền nếp ăn, ở và sinh hoạt tập trung gần môi trường quân đội. Do đó đội ngũ cán bộ GV cũng được phân công luân phiên tham gia quản lý trực tiếp học viên 24/24 giờ trong ngày và các ngày trong tuần cũng như cả khóa học.

Cán bộ quản lý và GV GDQP-AN là sĩ quan: điều động, sử dụng, bồi dưỡng thực hiện theo Điều lệnh Quản lý bộ đội và Nghị định 165/2003/NĐ-CP

ngày 22/12/2003 của Chính phủ về biệt phái sĩ quan QĐND VN. Chế độ, chính sách thực hiện theo Thông tư 53/2011/TTLT-BGDĐT-BQP-BTC ngày 15/11/2011 của Liên Bộ GDĐT-Bộ LĐTB&XH-Bộ QP-Bộ TC.

Bộ GDĐT thường xuyên tổ chức bồi dưỡng tập huấn cập nhật kiến thức mới về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV GDQP-AN.

#### **1.4.5. Quản lý sinh viên trong học tập giáo dục quốc phòng-an ninh**

Quản lý SV học tập GDQP-AN thực hiện như SV học các môn học khác; song do tính chất đặc thù của môn học nên SV học môn GDQP-AN vừa học tập lĩnh hội kiến thức mới vừa rèn luyện lễ tiết, tác phong, tính kỷ luật... gần như các đơn vị quân đội .

Quản lý SV học tập GDQP-AN: SV phải chấp hành đầy đủ các quy định trong học tập và có đủ số lần kiểm tra cho mỗi học phần; mỗi lần kiểm tra đạt từ 5 điểm trở lên và có đủ 80% thời gian có mặt trên lớp sẽ được dự thi kết thúc học phần thứ nhất. Mỗi SV phải dự thi đủ các học phần theo quy định. Học phần có từ 2 đến 3 ĐVHT SV phải kiểm tra ít nhất một lần; học phần có 4 ĐVHT trở lên kiểm tra ít nhất 2 lần. Số lần cụ thể do hiệu trưởng các trường quy định.

Sinh viên thuộc đối tượng được miễn học, miễn thi, miễn học các nội dung thực hành và tạm hoãn học là:

*Đối tượng được miễn học:* SV có bằng tốt nghiệp sĩ quan quân đội; SV là người nước ngoài; SV đào tạo ĐH văn bằng 2 đã có chứng chỉ GDQP-AN do cơ sở được cấp có thẩm quyền cho phép cấp.

*Đối tượng được miễn học và miễn thi các học phần đã học:* SV chuyển trường hoặc đào tạo liên thông được miễn học các học phần đã học nhưng phải có phiếu điểm đánh giá kết quả học tập các học phần tương ứng. SV học và tốt nghiệp trình độ CĐ liên thông lên ĐH được miễn học và miễn thi các học phần đã học.

*Đối tượng được miễn học các nội dung thực hành kỹ năng quân sự:* SV là tu sĩ thuộc các tôn giáo; SV có thương tật, khuyết tật bẩm sinh, bị bệnh mãn tính

làm hạn chế chức năng vận động có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở trở lên; SV đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự được miễn nội dung học thực hành kỹ năng quân sự nhưng phải dự kiểm tra, thi đủ các nội dung theo quy định.

*Đối tượng được tạm hoãn học:* SV Việt Nam đang học tập ở nước ngoài hoặc đang học tập tại các trường của nước ngoài, trường liên doanh, liên kết với nước ngoài tại Việt Nam; SV bị ốm đau, tai nạn, thiên tai, hỏa hoạn; SV là phụ nữ đang mang thai hoặc có con nhỏ dưới 24 tháng.

Các đối tượng này phải được sự đồng ý của hiệu trưởng. Hết thời gian tạm hoãn, các trường bố trí cho SV vào học các lớp phù hợp để hoàn thành chương trình.

Sinh viên học GDQP-AN tại các trung tâm được học tập, rèn luyện và sống trong môi trường gần với môi trường quân đội. SV được biên chế theo từng tiểu đội, trung đội (lớp), được ăn, ở và học tập tập trung như các đơn vị quân đội; thực hiện 11 *ché độ trong ngày* (thể dục sáng, ăn cơm sáng, kiểm tra trật tự nội vụ, học tập, ăn cơm trưa, nghỉ trưa, học tập buổi chiều, thể dục thể thao, ăn cơm tối, sinh hoạt: đọc báo, nghe tin tức; sinh hoạt tiểu đội hoặc trung đội-theo kế hoạch, điểm danh và ngủ tối) và 3 *ché độ trong tuần* (chào cờ; duyệt đội ngũ và văn hóa văn nghệ).

Sinh viên học GDQP-AN tại khoa hoặc bộ môn GDQP-AN chỉ được học kiến thức trong nội dung chương trình môn học, không có điều kiện và môi trường rèn luyện gần như môi trường quân đội. Đây cũng là những hạn chế trong học tập GDQP-AN tại các nhà trường, không tạo được ý thức tập thể, sát thực tế, tính cộng đồng...

#### **1.4.6. Quản lý cơ sở vật chất, phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học giáo dục quốc phòng-an ninh**

Cơ sở vật chất, TBDH và ứng dụng CNTT trong giảng dạy có vai trò quan trọng trong giảng dạy nói chung và trong giảng dạy GDQP-AN nói riêng nhằm

nâng cao chất lượng, hiệu quả môn học, tạo sự say mê, hứng thú trong giảng dạy và học tập.

Giáo dục quốc phòng-an ninh cho SV trong các trường ĐH trước kia vốn được xem là môn học khô khan...đến nay do được đầu tư CSVC, PTDH và ứng dụng CNTT trong giảng dạy đã góp phần giúp giảng viên truyền tải kiến thức tới người học một cách hiệu quả nhất, người học hứng khởi, đam mê trong học tập. Với vị trí, tầm quan trọng của CSVC, TBDH và ứng dụng CNTT trong giảng dạy thì việc mua sắm, bảo quản và quản lý để giữ tốt, dùng bền đóng vai trò rất quan trọng đối với nhà quản lý.

Giáo dục quốc phòng-an ninh là môn học đặc thù do đó về cơ sở vật chất, PTDH môn GDQP-AN cũng được quản lý chặt chẽ từ khâu mua sắm, sử dụng và bảo quản. Sản xuất TBDH môn GDQP-AN chủ yếu do các đơn vị quân đội đảm nhiệm, có những chủng loại chỉ có một nhà máy sản xuất do vậy trong mua sắm không thể áp dụng mời thầu cạnh tranh mà thực hiện theo chỉ định thầu; trong khai thác sử dụng và quản lý có sự chỉ đạo thống nhất giữa Bộ GDĐT, Bộ QP, Bộ CA và các cơ sở GDQP-AN.

#### **1.4.7. Cơ chế phối hợp trong quản lý giáo dục quốc phòng-an ninh**

Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Bộ QP, Bộ GDĐT và Bộ CA làm tham mưu, chỉ đạo và các cơ sở tổ chức thực hiện. Đảng ban hành các nghị quyết lãnh đạo công tác GDQP-AN từ Trung ương đến các cơ sở. Nhà nước quản lý các hoạt động GDQP-AN cho các đối tượng trong đó có GDQP-AN cho HS,SV các trường từ THPT đến ĐH.

Phối hợp giữa Hội đồng GDQP-AN Trung ương (của Chính phủ) với các bộ, ngành, địa phương và cơ sở GDQP-AN. Hội đồng GDQP-AN Trung ương cụ thể hóa nghị quyết của Đảng và quyết định của Chính phủ về nhiệm vụ GDQP-AN toàn dân (trong đó có GDQP-AN cho HS,SV ) cho các bộ, ngành và địa phương.

Chỉ đạo, thanh tra các bộ, ngành, địa phương tổ chức tốt GDQP-AN, kịp thời biểu dương những tập thể và cá nhân tổ chức thực hiện tốt, đồng thời chỉ ra những việc chưa làm được (hoặc làm chưa tốt), chỉ đạo những việc cần khắc phục, phải làm trong thời gian tiếp theo, tổng hợp những kiến nghị của các cấp về công tác GDQP-AN. Sơ, tổng kết và khen thưởng kịp thời tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ GDQP-AN.

*Phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và cơ sở GDQP-AN:*

*Bộ Giáo dục và Đào tạo:* Là cơ quan quản lý GDĐT, đã phối hợp với Bộ QP, Bộ CA và xây dựng chương trình, biên soạn, phát hành giáo trình, tài liệu môn GDQP-AN;

Chỉ đạo các cơ sở GDĐT tổ chức thực hiện tốt GDQP-AN cho HS,SV.

Tổ chức tiếp nhận và sử dụng đội ngũ sĩ quan biệt phái sang Ngành GDĐT làm CBQL, GV GDQP-AN và công tác Qp, QS địa phương tại cơ quan Bộ và trong các nhà trường chất lượng và hiệu quả;

Sản xuất trang thiết bị, phương tiện dạy học môn GDQP-AN;

Hàng năm, Bộ GDĐT, Bộ QP và Bộ CA tổ chức Hội nghị liên tịch nhằm đánh giá công tác phối hợp, chỉ đạo GDQP-AN và công tác QP, QS địa phương trong năm và phương hướng nhiệm vụ năm tới. Trong hội nghị những khó khăn, vướng mắc đã được bàn thảo thống nhất và đề ra nhiệm vụ của năm sau.

*Bộ Quốc phòng:* phối hợp với Bộ GDĐT trong xây dựng chương trình; biệt phái sĩ quan sang Ngành GDĐT, ĐT, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ CBQL, GV GDQP-AN; sản xuất và quản lý TBDH môn GDQP-AN; công tác QP trong Ngành GDĐT.

*Bộ Công an:* Phối hợp với Bộ GDĐT trong xây dựng chương trình, tập huấn cho CBQL, GV GDQP-AN; quản lý vũ khí trang bị môn GDQP-AN.

*Các ngành, địa phương:* Phối hợp với Bộ GDĐT và Bộ QP trong quản lý các cơ sở GDĐT trên địa bàn tổ chức thực hiện GDQP-AN cho SV; thanh tra, kiểm tra các cơ sở GDĐT thực hiện công tác GDQP-AN cho SV.



*Các cơ sở giáo dục đào tạo:*

- Đối với Bộ GDĐT: Là mối quan hệ giữa cơ quan quản lý chuyên môn cấp trên với cơ sở GDĐT tổ chức thực hiện (chỉ đạo và phục tùng).

- Với Bộ QP: Là mối quan hệ giữa cơ quan thường trực Hội đồng GDQP - AN Trung ương với cơ sở GDQP-AN tổ chức thực hiện.

- Với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố: Là mối quan hệ giữa cơ quan quản lý GDĐT trên lãnh thổ với cơ sở tổ chức thực hiện, đồng thời là cơ quan Hội đồng cấp tỉnh thanh kiểm tra cơ sở tổ chức thực hiện GDQP-AN cho HS,SV.

Cơ chế phối hợp trên có mối liên hệ biện chứng với nhau, tạo tiền đề cho nhau cùng phát triển, tạo sự thống nhất cao trong lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ GDQP-AN toàn dân nói chung và cho HS,SV nói riêng.

### **Kết luận chương 1**

Tình hình thế giới và khu vực đang có những diễn biến hết sức phức tạp. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch trong và ngoài nước sẽ đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ để chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng ra sức lợi dụng các vấn đề “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”, để gây mất ổn định chính trị-xã hội nhằm tạo cơ hội can thiệp từ bên ngoài. Chúng ta phải lường hết những khó khăn sẽ diễn ra, nhất là tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Mọi diễn biến của tình hình nêu trên đều có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến công tác GDQP-AN hiện nay cũng như những năm tới.

Chúng ta hiểu sâu sắc rằng, để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN thì một trong những việc làm đầu tiên là phải nâng cao chất lượng, hiệu quả GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân, chúng tôi cho rằng, các cấp, các ngành cần tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng và quán triệt thật sâu sắc nội dung Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của

Đảng đối với công tác GDQP, AN trong tình hình mới; Nghị định 116/NĐ-CP ngày 10/7/2007 của Chính phủ về GDQP-AN; Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về an ninh-quốc gia. Trên cơ sở đó chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả đội ngũ GV giảng dạy GDQP-AN tại các cơ sở GDQP-AN hiện nay. Thực tế chỉ ra rằng, cùng với việc chuẩn hóa chương trình, giáo trình, tài liệu dạy học GDQP-AN là việc xây dựng đề án đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng GV môn GDQP-AN trình độ ĐH. Đây là vấn đề cấp bách hiện nay. Chừng nào chúng ta chưa có đội ngũ giảng viên GDQP-AN được đào tạo cơ bản bổ sung cho đội ngũ sĩ quan biệt phái hiện nay, chừng đó chúng ta chưa thể hiện được triệt để mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện, có đạo đức, có sức khỏe và kiến thức QP, AN, kỹ năng quân sự cần thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

## **Chương 2**

### **CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA QUẢN LÝ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM**

#### **2.1. TỔ CHỨC KHẢO SÁT THỰC TRẠNG**

Mục đích và nội dung khảo sát nhằm tìm hiểu rõ thực trạng GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong 5 năm qua, trên cơ sở đó tìm ra nguyên nhân của những ưu điểm và nhược điểm, làm cơ sở cho việc đề xuất những biện pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong tình hình mới. Quá trình tổ chức thực hiện mục đích và nội dung khảo sát đó, đề tài đã sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu thực tiễn như sau:

##### **2.1.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu, văn bản**

Hồi cố nguồn tư liệu ở Bộ GDĐT, Bộ QP và Bộ CA về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương, chính sách và các nguồn tài liệu khác liên quan đến GDQP-AN cho SV các trường ĐH. Đây là nguồn tài liệu phản ánh thực trạng tư duy của các cấp, các ngành và thực trạng tổ chức quá trình GDQP-AN cho SV các trường ĐH.

##### **2.1.2. Phương pháp điều tra**

Sử dụng phương pháp điều tra XHH nhằm khảo sát thực trạng GDQP-AN cho SV các trường ĐH tại các TT GDQP-AN của 3 miền (Bắc, Trung và Nam). Trên cơ sở đó đưa ra những nhận định, đánh giá về ưu điểm, nhược điểm của công tác GDQP-AN cho SV, tìm ra nguyên nhân mạnh, yếu làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp mới.

Nội dung điều tra bao gồm: mục tiêu môn học, nội dung chương trình, đội ngũ CBQL, GV GDQP-AN, phương pháp giảng dạy, CSVC và điều kiện đảm bảo.

Xây dựng được 2 mẫu phiếu trưng cầu ý kiến với nhiều nội dung khác nhau để có thể tiến hành điều tra một cách đầy đủ các vấn đề đã đặt ra. Mẫu

phiếu thứ nhất gồm 15 câu hỏi, dành cho CBQL, GV. Mẫu phiếu thứ hai, gồm 12 câu hỏi, dành cho SV. Trong từng mẫu phiếu có nhiều nội dung cụ thể. Các câu hỏi và các nội dung hỏi được đặt ra một cách hệ thống, có thể kiểm chứng lẫn nhau.

Để đánh giá thực trạng, đề tài đã tổ chức khảo sát thực tế và điều tra bằng phiếu hỏi đối với 1.000 SV và 300 CBQL, GV từ 3 trung tâm, 2 khoa GDQP-AN của 5 trường ĐH. Khách thể điều tra được chọn ngẫu nhiên tại tất cả các cơ sở khảo sát.

### **2.1.3. Phương pháp quan sát**

Phương pháp quan sát được dùng chủ yếu để quan sát thực tế thái độ học tập, ý thức trách nhiệm của SV trong việc học tập các môn GDQP-AN.

Đối tượng quan sát chính là SV đang học tập tại các TT GDQP-AN của 3 miền.

- Nội dung quan sát:

+ Quan sát thái độ học tập của SV: Chúng tôi tiến hành dự giờ một số buổi lên lớp nghe giảng, các buổi xêmina, thực hành, giờ tự học của SV... Những nội dung cụ thể cần quan sát:

Cách nghe bài và ghi chép bài giảng;

Tỉ lệ nghe được và ghi được bài giảng;

Thái độ tranh luận, trao đổi về bài học;

Ý thức tự học ở kí túc xá, ở thư viện.

+ Quan sát ý thức thực hành rèn luyện các động tác kỹ thuật, chiến thuật quân sự của SV: Chủ yếu chúng tôi quan sát hoạt động của SV trong các buổi thực hành các thao tác trên thao trường, bãi tập. Những nội dung cụ thể cần quan sát:

Tinh thần tích cực, thái độ hứng thú, sự say mê trong thực hành rèn luyện các thao tác, mức độ thành thạo của các thao tác.

Kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết đã học vào tổ chức hoạt động, tham gia hoạt động QP, AN.

Sự phối hợp các lực lượng, việc xử lý các tình huống học tập nảy sinh trong quá trình thực hành kỹ, chiến thuật quân sự.

Sự thành thạo các thao tác thực hành, sự bộc lộ những phẩm chất năng lực phù hợp với hoạt động thực tiễn QP-AN.

Khách thể quan sát được chọn chủ yếu là SV đang học tập môn GDQP - AN ở 3 trung tâm, 2 khoa GDQP-AN của 5 trường ĐH.

Nội dung các vấn đề quan sát được đều được ghi thành biên bản, tính tần số xuất hiện của các biểu hiện giống nhau để có thể rút ra được những kết luận nhất định bổ sung cho kết quả điều tra thực trạng tại các TT GDQP-AN .

#### **2.1.4. Phương pháp đàm thoại, phỏng vấn**

Tiếp xúc trực tiếp với CBQL, GV GDQP-AN và SV, thực hiện phỏng vấn sâu về thành tựu, khuyết điểm, thuận lợi, khó khăn và những vấn đề đặt ra trong GDQP-AN cho SV hiện nay.

Chúng tôi đã dùng phương pháp này để tìm hiểu động cơ, thái độ học tập, mức độ biểu hiện các mặt nhận thức của SV (nhận thức về mục tiêu học tập các nội dung GDQP-AN; tác dụng của môn học này với việc hình thành phẩm chất, năng lực của SV); những khó khăn, thuận lợi trong học tập, rèn luyện và sinh hoạt của SV.

Đối tượng trò chuyện gồm CBQL, GV GDQP -AN và SV của các trường ĐH đang học tập bộ môn GDQP-AN ở các TT GDQP-AN .

Nội dung của các buổi trò chuyện đều được ghi lại để thống kê tần xuất xuất hiện các ý kiến giống nhau từ đó rút ra những nhận định bổ sung cho kết luận của các phương pháp khác, phục vụ cho mục đích nghiên cứu của đề tài .

#### **2.1.5. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động của sinh viên**

Sản phẩm hoạt động học tập của SV bao gồm vở ghi chép các nội dung học tập, các nguồn tài liệu học tập; các phương tiện, công cụ, đồ dùng cho hoạt

động học tập; các bài thi, bài kiểm tra, bảng điểm ghi kết quả học tập, ý kiến nhận xét, đánh giá của GV, . .

Đề tài nghiên cứu, tìm hiểu các sản phẩm hoạt động học tập của SV, xem xét các kết quả học tập, huấn luyện của họ. Qua những sản phẩm này mong muốn tìm hiểu rõ hơn tinh thần, thái độ tích cực học tập của SV, trình độ phát triển của SV trong quá trình học tập bộ môn GDQP-AN.

### **2.1.6. Phương pháp chuyên gia**

Để có kết luận khách quan về thực trạng GDQP-AN cho SV ở các TT GDQP-AN, tìm ra những nguyên nhân thực sự ảnh hưởng đến chất lượng dạy học bộ môn này và khẳng định tính khả thi của các giải pháp, đã tiến hành lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của các chuyên gia.

Chuyên gia được lựa chọn để xin ý kiến bao gồm các GV đã có thâm niên trong giảng dạy môn GDQP-AN; các CBQL ở các trung tâm, các khoa GDQP-AN; các nhà khoa học đã có những công trình nghiên cứu về vấn đề GDQP-AN.

Nội dung nhận xét, đánh giá của các chuyên gia bao gồm:

- Nhận xét đánh giá của chuyên gia về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học môn GDQP-AN cho SV hiện nay.
- Nhận xét, đánh giá về hình thức tổ chức dạy học môn GDQP-AN ở các trung tâm hiện nay.
- Nhận xét về công tác quản lý của các cơ quan chức năng, tính đồng bộ, tính hiệu quả của các chính sách, các quyết định trong quản lý, điều hành.
- Nhận xét, đánh giá về giá trị khoa học, về tính khả thi của các giải pháp được nghiên cứu sinh đã đề xuất trong luận án.

Cách thức tổ chức xin ý kiến chuyên gia: được tiến hành bằng văn bản. Đồng thời đã tổ chức tọa đàm, tranh luận khoa học trong tập thể các chuyên gia. Kết quả thu thập được so sánh, đối chiếu tìm ra ý kiến chung của các chuyên gia. Trên cơ sở đó đưa ra ý kiến kết luận về vấn đề nghiên cứu.

## **2.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG-AN NINH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY**

### **2.2.1. Thực trạng về hệ thống giáo dục quốc phòng-an ninh và tổ chức mạng lưới cơ sở giáo dục quốc phòng -an ninh cho sinh viên các trường đại học**

Hệ thống tổ chức GDQP-AN từ Trung ương đến cơ sở trong hệ thống GD quốc dân: Cơ quan tư vấn, chỉ đạo công tác GD, bồi dưỡng kiến thức GDQP-AN và các cơ sở tổ chức thực hiện GDQP-AN.

Hội đồng GDQP-AN Trung ương: Chủ tịch là Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch là Bộ trưởng các Bộ: QP, CA, GDĐT; Ủy viên là thứ trưởng hoặc tương đương thuộc các bộ, ban, ngành liên quan.

Hội đồng GDQP-AN quân khu: Chủ tịch là Tư lệnh quân khu, Phó Chủ tịch là thành viên Bộ Tư lệnh quân khu và lãnh đạo Tổng cục xây dựng lực lượng Bộ CA, các Ủy viên là Chủ tịch Hội đồng GDQP-AN cấp tỉnh và một số lãnh đạo cơ quan quân khu, trường quân sự quân khu, trường ĐH trên địa bàn quân khu.

Hội đồng GDQP-AN cấp tỉnh: Chủ tịch là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND; Phó Chủ tịch là Chỉ huy trưởng Bộ CHQS, Giám đốc Công an, Giám đốc Sở GDĐT; Ủy viên Hội đồng là người đứng đầu một số sở, ban, ngành liên quan ở cấp tỉnh.

Hội đồng GDQP-AN cấp huyện: Chủ tịch là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND; Phó Chủ tịch là Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện, Trưởng Công an huyện, Trưởng Ban Tuyên giáo hoặc Trưởng phòng GD; Ủy viên Hội đồng là người đứng đầu một số ban, ngành liên quan ở cấp huyện.

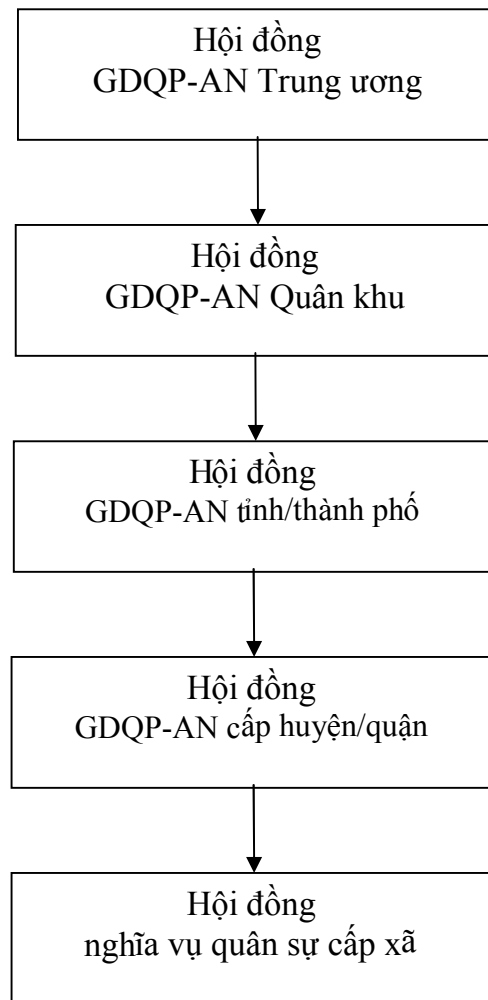
Hội đồng nghĩa vụ nghĩa vụ QS cấp xã có trách nhiệm thực hiện công tác GD, bồi dưỡng kiến thức QP-AN.

Hội đồng GDQP-AN các cấp có cơ quan thường trực giúp việc, Hội đồng GDQP-AN các cấp được đặt như sau: Hội đồng Trung ương đặt tại Bộ QP, Hội

đồng cấp quân khu đặt tại Bộ Tư lệnh quân khu, Hội đồng cấp tỉnh/thành phố đặt tại Bộ CHQS cấp tỉnh/thành phố, Hội đồng cấp huyện/quận đặt tại Ban CHQS cấp huyện/quận và Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp xã có trách nhiệm thực hiện công tác GD, bồi dưỡng kiến thức GDQP-AN.

Hội đồng GDQP-AN các cấp làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng GDQP-AN Trung ương và Hội đồng GDQP-AN cấp quân khu. Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng GDQP-AN cấp tỉnh và cấp huyện, xã.

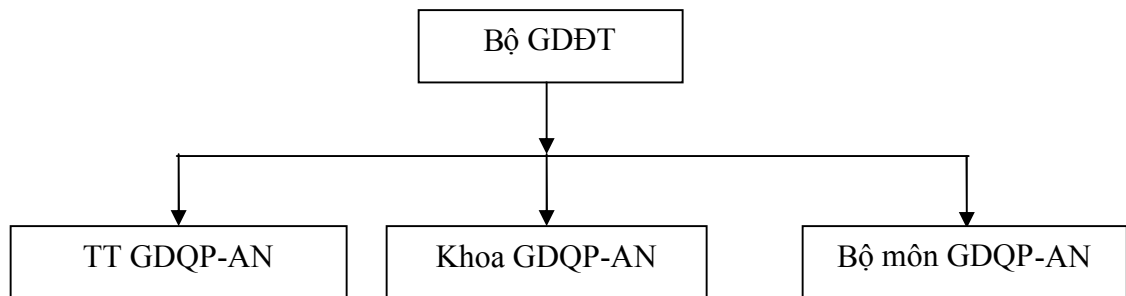
Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức Hội đồng GDQP-AN các cấp





Chỉ đạo công tác QP và GDQP-AN của Ngành GDĐT là Vụ GDQP với chức năng nhiệm vụ là giúp Bộ trưởng Bộ GDĐT thực hiện chức năng quản lý nhà nước về GDQP-AN cho HS,SV và các công tác thuộc lĩnh vực QP trong phạm vi quản lý của Bộ. Lãnh đạo các nhà trường ĐH chỉ đạo GDQP-AN cho SV bằng việc chỉ đạo tổ chức, hoạt động của các TT GDQP-AN hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN trực thuộc trường. Giám đốc trung tâm, trưởng khoa, bộ môn GDQP-AN tổ chức, triển khai thực hiện nội dung chương trình và các mặt bảo đảm thực thi GDQP-AN cho SV, từ việc xây dựng kế hoạch, tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đến công nhận hoàn thành khóa học và cấp chứng chỉ cho SV...

Sơ đồ 2.2. Hệ thống tổ chức GDQP-AN Ngành GDĐT



Đến nay, toàn quốc có 74 cơ sở GDQP-AN cho SV thuộc các ĐH, trường ĐH, CĐ; 35 TT GDQP-AN cho SV với 282 cán bộ quản lý và giảng viên GDQP-AN, trong đó có 8 trung tâm đang hoạt động với lưu lượng 22.150 HS,SV, số trung tâm còn lại đang xây dựng; 13 khoa GDQP-AN với 159 cán bộ quản lý và giảng viên GDQP-AN; 26 bộ môn GDQP-AN với 132 giảng viên GDQP-AN.

Bảng 2.1. Cơ sở GDQP-AN cho SV các trường ĐH, CĐ

STT	Trung tâm GDQP-AN	Khoa GDQP-AN	Bộ môn GDQP-AN
1	ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Bách khoa Hà Nội	Học viện Tài chính - Kế toán
2	ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh	Trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
3	ĐH Thái Nguyên	Trường ĐH Hàng hải	Học viện CN Bưu chính

STT	Trung tâm GDQP-AN	Khoa GDQP-AN	Bộ môn GDQP-AN
			Viễn thông
4	Đại học Huế	Trường ĐH DTT Bắc Ninh	Trường ĐH Hà Nội
5	Trường ĐHSPTD TT Hà Nội	Trường ĐH Y Thái Bình	Trường ĐH Thương mại
6	Trường ĐHSPTD Hà Nội 2	Trường ĐH Giao thông Vận tải	Trường ĐH Dược Hà Nội
7	Trường ĐH Tây Bắc	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Trường ĐH Y Hà Nội
8	Trường ĐH Vinh	Trường ĐH Mỏ - Địa chất	Trường ĐH Y - Dược TP Hồ Chí Minh
9	Trường ĐH Tây Nguyên	Trường ĐHSPTD Hà Nội	Trường ĐH Quy Nhơn
10	Trường ĐH Cần Thơ	Trường ĐHSPTD TH Hồ Chí Minh	Trường ĐH Lâm nghiệp Việt Nam
11	Trường ĐH Khánh Hòa	Trường ĐH Xây dựng Hà Nội	Trường ĐH Văn hóa Hà Nội
12	Trường ĐH Hải Phòng	Trường sĩ quan Vin hem pic	Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội
13	Trường ĐH Hồng Đức Thanh Hóa	Trường CĐ nghề số 8, Bộ Quốc phòng	Trường CĐSP Trung ương
14	Trường CĐSP Ngô Gia Tự, Bắc Giang		Trường ĐHSPTD Kỹ thuật Hưng Yên
15	<i>Trường ĐH Trà Vinh</i>		Trường ĐHSPTD Kỹ thuật Nam Định
16	<i>Trường ĐH Tôn Đức Thắng</i>		Trường ĐH Lạc Hồng (Đồng Nai)
17	<i>Trường ĐH DTT Đà Nẵng</i>		Trường ĐH LDXH (CS 2, tại TP HCM)
18	Trường quân sự Quân khu 1		Trường ĐH CN Giao thông Vận tải Hà Nội
19	Trường quân sự Quân khu 2		Trường CĐ Thương mại và Du lịch Hà Nội,
20	Trường quân sự Quân khu 3		Trường CĐ Vạn Xuân (TP HCM)
21	Trường quân sự Quân khu 4		Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Hà Nội
22	Trường quân sự Quân khu 5		Trường ĐH Võ Trường Toản (Hậu Giang)
23	Trường quân sự Quân khu 7		Trường ĐH Tài Nguyên - Môi trường
24	Trường quân sự Quân khu 9		Trường CĐ Y tế Huế (Thừa Thiên -Huế)
25	Trường QS BTL Thủ đô Hà Nội		Trường ĐH Bình Dương
26	Trường Sĩ quan Chỉ huy Kỹ thuật Thông tin		Trường ĐH Kinh doanh công nghệ Hà Nội
27	Trường quân sự tỉnh		

<b>STT</b>	<b>Trung tâm GDQP-AN</b>	<b>Khoa GDQP-AN</b>	<b>Bộ môn GDQP-AN</b>
	Nam Định		
28	Trường quân sự tỉnh Cần Thơ		
29	Trường quân sự tỉnh Hưng Yên		
30	Trường quân sự tỉnh Bình Định		
31	Trường quân sự TP Hồ Chí Minh		
32	Trường quân sự tỉnh Bình Dương		
33	Trường quân sự tỉnh Đồng Nai		
34	Trường quân sự tỉnh An Giang		
35	Trường quân sự tỉnh Tiền Giang		

Các cơ sở giảng dạy GDQP-AN cho SV thực hiện theo nội dung chương trình do Bộ GDĐT ban hành; đội ngũ GV chủ yếu là sĩ quan quân đội biệt phái sang Ngành GDĐT làm GV GDQ-AN cho SV và công tác QP, QS địa phương trong nhà trường.

Mạng lưới GDQP-AN cho SV các trường ĐH hiện nay gồm trung tâm, khoa, bộ môn (tổ) GDQP-AN.

Cơ sở đào tạo được thành lập TT GDQP -AN phải có các điều kiện sau:

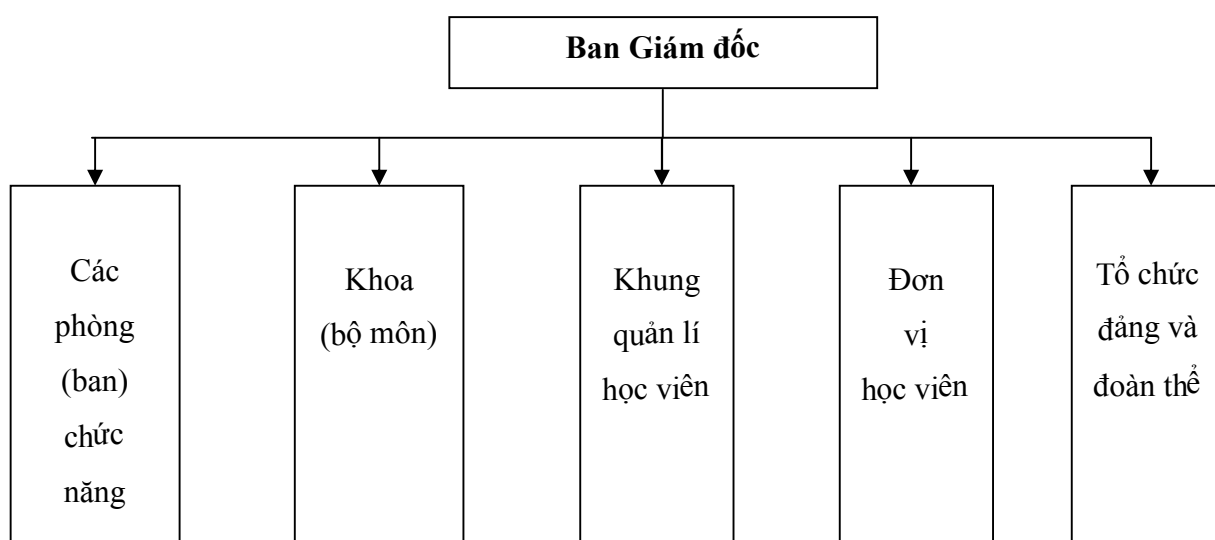
- Nơi thành lập TT GDQP-AN phải là nơi có các ĐH hoặc tập trung nhiều học viện, trường ĐH, CĐ và TCCN.

- Có mặt bằng và cơ sở vật chất bảo đảm cho học tập, rèn luyện và sinh hoạt tập trung theo nếp sống quân sự cho học viên, đồng thời có thể mở rộng để đáp ứng yêu cầu phát triển của quy mô đào tạo.

- Đủ điều kiện về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và phương tiện học cụ cần thiết để có thể thực hiện nhiệm vụ GDQP-AN cho HS,SV.

- Đề án thành lập TT GDQP-AN nằm trong dự án quy hoạch và phát triển tổng thể của đơn vị chủ quản.

Sơ đồ 2.3. Bộ máy tổ chức của TT GDQP-AN



TT GDQP-AN được quản lý theo 2 hình thức

Bảng 2.2. Các hình thức quản lý TT GDQP-AN SV

TT	Trung ương quản lý			Địa phương quản lý	
	<i>Bộ GDĐT</i>	<i>Bộ QP</i>	<i>Bộ VH TT &amp; DL</i>	<i>Trường quân sự tỉnh/TP</i>	<i>UBND tỉnh/TP</i>
1	TT GDQP-AN Thái Nguyên thuộc ĐH Thái Nguyên	TT GDQP-AN Trường quân sự Quân khu 1	TTGDQP-AN Trường ĐH Thể dục Thể thao Đà Nẵng	TT GDQP-AN Trường quân sự tỉnh Nam Định	TTGDQP-AN Hải Phòng thuộc Trường ĐH Hải Phòng
2	TT GDQP-AN Huế thuộc ĐH Huế	TT GDQP-AN Trường quân sự Quân khu 2		TTGDQP-AN Trường quân sự TP Cần Thơ	TTGDQP-AN Thanh Hóa thuộc Trường ĐH Hồng Đức
3	TT GDQP-AN	TT GDQP-AN		TT GDQP-AN	TTGDQP-AN

TT	Trung ương quản lý			Địa phương quản lý	
	<i>Bộ GDĐT</i>	<i>Bộ QP</i>	<i>Bộ VHTT&amp;DL</i>	<i>Trường quân sự tỉnh/TP</i>	<i>UBND tỉnh/TP</i>
	HN 1 thuộc Trường ĐHSP TĐTT HN	Trường quân sự Quân khu 3		Trường quân sự tỉnh Hưng Yên	Ngô Gia Tự thuộc Trường CĐ Ngô Gia Tự Bắc Giang
4	TT GDQP-AN HN 2 thuộc Trường ĐHSP HN 2	TT GDQP-AN Trường quân sự Quân khu 4		TT GDQP-AN Trường quân sự tỉnh Bình Định	TTGDQP-AN Trường ĐH Trà Vinh
5	TT GDQP-AN Tây Bắc thuộc Trường ĐH Tây Bắc	TT GDQP-AN Đà Nẵng thuộc Trường quân sự Quân khu 5		TT GDQP-AN Trường quân sự TP Hồ Chí Minh	TTGDQP-AN Trường ĐH Tôn Đức Thắng (TP HCM)
6	TT GDQP-AN Vinh thuộc Trường ĐH Vinh	TT GDQP-AN Quang Trung thuộc Trường quân sự Quân khu 7		TTGDQP-AN Trường quân sự tỉnh Bình Dương	
7	TT GDQP-AN Tây Nguyên thuộc Trường ĐH Tây Nguyên	TT GDQP-AN Trường quân sự Quân khu 9		TTGDQP-AN Trường quân sự tỉnh Đồng Nai	
8	TT GDQP-AN Cần Thơ thuộc ĐH Cần Thơ,	TT GDQP-AN Trường quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội		TTGDQP-AN Trường quân sự tỉnh An Giang	
9	TTGDQP-AN Khánh Hòa thuộc Trường ĐH Khánh Hòa	TT GDQP-AN Trường sĩ quan CH Kỹ thuật Thông tin		TTGDQP-AN Trường quân sự tỉnh Tiền Giang	

**Đại học quốc gia Hà Nội** trực tiếp quản lý TT GDQP-AN Đại học quốc gia Hà Nội, với quy mô đến năm 2015 đạt lưu lượng 15.000 SV/năm và **Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh** trực tiếp quản lý TT GDQP-AN Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, đến năm 2015 đạt lưu lượng 35.000 SV/năm.

Trong 35 TT GDQP-AN, có 32 trung tâm do Chính phủ quyết định thành lập và 3 trung tâm do Bộ GDĐT quyết định thành lập (thuộc Trường ĐH Trà Vinh, Trường ĐH Tôn Đức Thắng và Trường ĐH TĐTT Đà Nẵng), đến nay 16 TT GDQP-AN thành lập theo Quyết định 07/2003/QĐ-TTg, TT GDQP-AN đang

xây dựng và hoạt động có hiệu quả, 17 trung tâm còn lại đang được đầu tư xây dựng, sẽ tổ chức thực hiện GDQP-AN cho HS,SV trong thời gian tới; với 32 TT GDQP-AN tổ chức thực hiện GDQP-AN cho khoảng 80% SV hàng năm (20% SV còn lại do các khoa, bộ môn GDQP-AN đảm nhiệm); từ năm 2015, thành lập TT GDQP-AN tại 53 trường QS cấp tỉnh, thành phố còn lại, đảm bảo 100% SV các trường ĐH, CĐ, CĐ nghề, 100% số cán bộ đối tượng 2, đối tượng 3 bổ nhiệm mới hàng năm được học tập tại các TT GDQP-AN.

Theo đánh giá của Hội đồng GDQP-AN Trung ương, của các cơ quan Bộ QP, Bộ GDĐT, SV học GDQP-AN tại các TT GDQP-AN chất lượng và hiệu quả hơn SV học tại các khoa, bộ môn GDQP-AN tại các trường CĐ, ĐH (không có TT GDQP-AN).

Sinh viên được điều tra, khảo sát cho rằng, học tập GDQP-AN tại TT GDQP-AN tốt hơn, thích học tập GDQP-AN tại các trường ĐH, CĐ không có TT GDQP-AN. Các trung tâm đã đem lại cho SV niềm vui và hưng phấn trong học tập, sinh hoạt, tăng tính tự lập, tính tập thể, nhất là đối với SV xuất thân từ các gia đình ở thành phố lớn.

Theo xu hướng phát triển của GDĐT, Chính phủ cần có lộ trình thành lập đủ về số lượng và nâng cao năng lực của các TT GDQP-AN trong cả nước, mở rộng và thành lập mới các TT GDQP-AN để đủ năng lực đảm nhận 100% SV các trường ĐH, CĐ được học GDQP-AN tại đây.

Đến năm 2009, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập 32 TT GDQP-AN trên phạm vi cả nước, qua nghiên cứu khảo sát, một số TT GDQP-AN xây dựng đúng tiến độ và đi vào hoạt động có hiệu quả, đó là các TT GDQP-AN: Hà Nội 1, Hà Nội 2, Huế, Thái Nguyên, Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng và 2 trung tâm thuộc Trường QS Quân khu 5, 7. Tuy nhiên, một số TT GDQP-AN chậm tiến độ xây dựng theo quy định, các TT GDQP-AN còn thụ động, mang nặng tính tự phát, mỗi trung tâm xây dựng và tổ chức theo cách thức

mà lãnh đạo nhà trường và trung tâm cho rằng hợp lý nhất trên cơ sở tham khảo mô hình của các trung tâm được xây dựng trước đó.

Thực tế đang đặt ra một số vấn đề cần phải có câu trả lời: Thế nào là một TT GDQP-AN (mô hình TT GDQP-AN)? Nên hay không nên xây các TT GDQP-AN như một tổ hợp QS để vừa làm chức năng GDQP-AN cho HS,SV, vừa làm tròn chức năng xã hội, tham gia vào hoạt động GDQP-AN toàn dân ở các địa phương.

Hiện nay, tại một số trường ĐH, CĐ có khoa hoặc bộ môn GDQP-AN, với nhiệm vụ giảng dạy GDQP-AN cho SV của nhà trường và SV một số trường trên cùng địa bàn theo quy định liên kết ĐT của Bộ GDĐT. Căn cứ điều kiện CSVC của từng trường và điều kiện cụ thể của đội ngũ GV mà việc tổ chức giảng dạy GDQP-AN được thống nhất giữa các nhà trường liên kết.

Đến nay, trên toàn quốc có *13 khoa và 26 bộ môn GDQP-AN* thuộc các trường ĐH, CĐ. Trong thời gian vừa qua các khoa và bộ môn GDQP-AN đã thực hiện GDQP-AN cho khoảng 30% SV các trường ĐH, CĐ.





## 2.2.2. Thực trạng quản lý mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp dạy học giáo dục quốc phòng - an ninh

### a) Quản lý mục tiêu

Tình hình thế giới, khu vực và trong nước hiện nay, việc trang bị cho SV các trường ĐH kiến thức QP, AN là vô cùng cần thiết, Mục tiêu GDQP-AN hiện nay phù hợp với từng đối tượng, vừa mang tính thực tiễn vừa mang tính GD. Quản lý việc thực hiện mục tiêu chương trình đã được xác định trong chương trình GDQP-AN trình độ ĐH, CĐ; Bộ GDĐT đã chỉ đạo kiên quyết giảng dạy đúng, đủ nội dung chương trình môn học theo quy định.

Để đánh giá thực trạng quản lý mục tiêu, nghiên cứu sinh đã tổ chức khảo sát thực tế và điều tra bằng phiếu hỏi đối với 1.000 SV và 300 CBQL, GV từ 3 trung tâm, 2 khoa GDQP-AN của 5 trường ĐH. Câu hỏi được đặt ra như sau: Theo bạn, mục tiêu GDQP-AN cho SV là nhằm “Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối QP, AN của Đảng và công tác quản lý nhà nước về QP, AN; truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật QS Việt Nam; về chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Trang bị kỹ năng QS, AN cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố QP toàn dân, AN nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN” đã phù hợp chưa?

Kết quả thu được từ phía SV như sau:

Bảng 2.3. Mức độ phù hợp của mục tiêu GDQP -AN cho SV

TT	Tổng hợp ý kiến 100 SV		Tổng hợp ý kiến 300 CB, GV	
	Mức độ	Tỷ lệ	Mức độ	Tỷ lệ
1	Rất phù hợp	12%	Rất phù hợp	10%
2	Phù hợp	75%	Phù hợp	85%
3	Ít phù hợp	3%	Ít phù hợp	5%
4	Không phù hợp	0%	Không phù hợp	0%

Kết quả tổng hợp các ý kiến từ phía SV và CBQL, GV tuy có khác nhau về số liệu cụ thể cho từng mức độ đánh giá nhưng thống nhất với nhau về tỷ lệ phần trăm. Đa số các ý kiến đánh giá đều cho rằng mục tiêu GDQP-AN hiện nay là phù hợp. Tuy nhiên, để đánh giá ở mức độ thứ nhất là rất phù hợp thì phải tiếp tục nghiên cứu đổi mới.

### ***b) Quản lí nội dung***

Trong thời gian qua, các cơ sở GDQP-AN tổ chức thực hiện nội dung chương trình môn học cho SV tương đối nghiêm. Qua điều tra, khảo sát GDQP-AN tại các cơ sở GDQP-AN cả 3 miền: Bắc, Trung và Nam kết quả cho thấy, cơ bản các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN đã thực hiện đúng, đủ thời gian GDQP-AN cho SV các trường ĐH theo chương trình quy định (165 tiết).

Chương trình GDQP-AN cho SV theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 có nhiều đổi mới, phù hợp với đối tượng đào tạo và yêu cầu đổi mới của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Song, còn một số nội dung chưa phù hợp với điều kiện hiện nay như nội dung về thuốc nổ (học phần III); Cần điều chỉnh giữa học phần III và học phần IV sao cho phù hợp từng đối tượng, như: bài Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (học phần IV) cần kết cấu đưa lên học phần III và đưa một số nội dung học phần III xuống học phần IV, vì SV trình độ CĐ, đa số các em học xong không đủ điều kiện để học tiếp lên trình độ ĐH, số SV này rất lớn, các em ra trường sẽ là lực lượng hùng hậu, lực lượng dự bị cho quân đội, sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Thực tế cho thấy, nội dung học phần I, II, III được các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN thực hiện khá tốt.

Vấn đề đặt ra là xây dựng chương trình cần bám sát hơn nữa điều kiện bảo đảm cho dạy và học.

Qua khảo sát thực tế và điều tra bằng phiếu hỏi đối với 1.000 SV và 300 CBQL, GV từ 3 trung tâm, 2 khoa GDQP-AN của 5 trường ĐH về nội dung dạy học bộ môn GDQP-AN, kết quả tổng hợp được như sau.

Câu hỏi. Theo bạn, nội dung GDQP-AN cho SV hiện nay đã phù hợp chưa?

Trả lời: 1. Rất phù hợp, 2. Phù hợp, 3. Ít phù hợp, 4. Không phù hợp

Bảng 2.4. Mức độ phù hợp của nội dung GDQP -AN cho SV

TT	NỘI DUNG GDQP - AN	Đánh giá của CB,GV				Đánh giá của SV			
		1	2	3	4	1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Học phần I: Đường lối quân sự của Đảng</b>	<b>6</b>	<b>89</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>84</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
1.1	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học	5	85	10	0	7	85	8	0
1.2	Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội	10	88	2	0	8	88	4	0
1.3	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN	6	90	4	0	5	85	9	0
1.4	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN	7	87	6	0	6	86	8	0
1.5	Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	4	91	5	0	5	82	13	0
1.6	Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh	5	91	4	0	2	85	13	0
1.7	Nghệ thuật quân sự Việt Nam	6	89	5	0	2	80	12	0
<b>II</b>	<b>Học phần II: Công tác quốc phòng, an ninh</b>	<b>5</b>	<b>89</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>80</b>	<b>13</b>	<b>0</b>
2.1	Phòng chống chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch	7	88	5	0	3	89	8	0
2.2	Phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao	5	90	5	0	2	85	13	0
2.3	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp QP	2	88	10	0	1	80	19	0
2.4	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	8	90	2	0	5	85	10	0
2.5	Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo	9	86	5	0	6	85	9	0
2.6	Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội	2	90	8	0	2	80	18	0
2.7	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	5	91	4	0	3	82	15	0
2.8	Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	2	90	8	0	1	85	15	0
<b>III</b>	<b>Học phần III: Quân sự chung</b>	<b>4</b>	<b>89</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>86</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
3.1	Đội ngũ đơn vị	2	90	8	0	1	85	14	0

TT	NỘI DUNG GDQP - AN	Đánh giá của CB,GV				Đánh giá của SV			
		1	2	3	4	1	2	3	4
3.2	Sử dụng bản đồ địa hình quân sự	1	89	10	0	1	83	16	0
3.3	Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh	7	90	3	0	2	87	11	0
3.4	Thuốc nổ	1	79	20	0	1	84	15	0
3.5	Phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn	7	88	5	0	3	87	10	0
3.6	Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh	7	90	3	0	6	90	4	0
3.7	Ba môn quân sự phối hợp	5	86	9	0				0
<b>IV</b>	<b>Học phần IV: Chiến thuật và Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK</b>	<b>2</b>	<b>91</b>	<b>7</b>	<b>0</b>				<b>0</b>
4.1	Từng người trong chiến đấu tiên công	1	91	8	0				0
4.2	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	2	90	8	0				0
4.3	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	4	92	4	0				0
<b>V</b>	<b>SV học tại TT GDQP-AN trả lời về nội dung V</b>	<b>2</b>	<b>89</b>	<b>6</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>77</b>	<b>13</b>	<b>6</b>
5.1	Nội dung Văn hoá-Văn nghệ	2	90	7	1	8	87	5	2
5.2	Hoạt động thể thao	3	90	5	2	3	85	12	5
5.3	Công tác Đoàn	1	90	6	3	2	83	15	6
5.4	Các hoạt động khác	1	91	4	4	1	80	19	9

Kết quả tổng hợp trên cho thấy, hầu hết các ý kiến của CBQL, GV và SV đều đánh giá nội dung GDQP-AN cho SV hiện nay là phù hợp. Tuy nhiên, mức độ đánh giá của cán bộ quản lý và giảng viên thường cao hơn mức độ đánh giá của SV. Trong từng học phần và từng chủ đề cụ thể độ chụm của các thông số đánh giá chưa cao, các ý kiến đánh giá còn tản mạn. Điều đó chứng tỏ nội dung GDQP-AN cho SV hiện nay cơ bản là phù hợp nhưng vẫn còn những điều cần phải tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện.

### *c) Quản lý phương pháp dạy học GDQP-AN*

Phương pháp GDQP-AN cho SV các trường ĐH được thực hiện như các môn học khác, có vận dụng với nội dung học phần kỹ năng QS: lên lớp, tập luyện, hội thảo QS. Phương pháp GDQP-AN tương đối phù hợp với điều kiện hiện nay và hòa đồng phương pháp chung trong dạy và học của môn học khác. Tuy nhiên, thời gian tới cần nghiên cứu để tăng thêm thời gian ximina, thực hành kỹ năng QS, gắn lý thuyết với thực hành hơn, đưa SV đến gần với môi trường trường QS hơn.

Bộ GDĐT thường xuyên tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức, đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng CNTT trong giảng dạy. Sau tập huấn các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN đã tích cực ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả GDQP-AN cho SV. Trong các đợt tổ chức hội thi GV giảng dạy GDQP-AN giỏi từ cơ sở tới cấp Bộ đều khuyến khích học viên ứng dụng CNTT trong bài giảng, môn thi tin học là môn điều kiện bắt buộc thí sinh phải thực hiện.

Để đánh giá thực trạng quản lý phương pháp GDQP-AN, đã đặt ra câu hỏi và các phương án trả lời như sau:

Câu hỏi: Theo đồng chí, việc áp dụng một số phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT và kiểm tra đánh giá kết quả học tập dưới đây tại các TT GDQP-AN SV, các khoa, các bộ môn GDQP-AN phù hợp như thế nào?

Trả lời: 1. Rất phù hợp, 2. Phù hợp, 3. Ít phù hợp, 4. Không phù hợp.

Qua khảo sát thực tế và điều tra bằng phiếu hỏi đối với 1000 SV và 300 CBQL, GV từ 3 trung tâm, 2 khoa GDQP-AN của 5 trường ĐH, kết quả tổng hợp được như sau:

Bảng 2.5. Mức độ phù hợp của phương pháp dạy học GDQP-AN cho SV

TT	MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CHÍNH	Đánh giá của CB, GV				Đánh giá của SV			
		1	2	3	4	1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Một số phương pháp giảng dạy lí thuyết</b>	<b>6</b>	<b>80</b>	<b>11</b>	<b>3</b>	1	2	3	4
1.1	Phương pháp thuyết trình	8	80	9	3	4	83	11	2
1.2	Phương pháp tái tạo	2	80	18	0	5	80	10	5
1.3	Phương pháp đặt vấn đề, giải quyết vấn đề	7	84	9	0	2	82	15	1
1.4	Phương pháp xử lí tình huống	8	83	9	0	6	85	8	1
<b>II</b>	<b>Một số phương pháp giảng dạy thực hành</b>	<b>6</b>	<b>86</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	4	85	10	1
2.1	Phương pháp làm mẫu	8	85	7	0	8	85	7	1
2.2	Phương pháp luyện tập cá nhân	6	86	8	0	9	86	5	0
2.3	Phương pháp luyện tập tổng hợp	5	89	4	2	5	85	10	0
<b>III</b>	<b>Một số phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập</b>	<b>5</b>	<b>85</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	9	86	5	1
3.1	Tự luận	5	83	7	5	3	91	5	1
3.2	Vấn đáp	4	87	9	0	4	89	5	2

TT	MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CHÍNH	Đánh giá của CB,GV				Đánh giá của SV			
		1	2	3	4	1	2	3	4
3.3	Trắc nghiệm khách quan	4	82	8	6	2	93	4	1
3.4	Thực hành	6	89	5	0	2	93	4	1
<b>IV</b>	<b>Các phương pháp khác</b>					3	91	6	0
4.1	Đôi thoại, tranh luận sáng tạo	6	86	8	0	5	86	9	0
4.2	Các phương pháp hợp tác thầy, trò	7	84	9	0	4	88	8	0
4.3	Kết hợp thuyết trình và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy	5	86	9	0	3	90	7	0

Kết quả tổng hợp trên cho thấy, hầu hết các ý kiến của CBQL, GV và SV đều đánh giá phương pháp GDQP-AN cho SV hiện nay là phù hợp. Nhưng có điều ngược lại với đánh giá về nội dung, ở đây mức độ đánh giá của CBQL, GV có phần thấp hơn mức độ đánh giá của SV. Các phương pháp thực hành thường được đánh giá tốt hơn các phương pháp lý thuyết. Số liệu đó là những gợi ý cần phải suy nghĩ cho đổi mới quản lý phương pháp giảng dạy GDQP-AN trong thời gian tới.

### **2.2.3. Thực trạng hình thức tổ chức giáo dục quốc phòng -an ninh cho sinh viên các trường đại học**

Hình thức tổ chức dạy học GDQP-AN cho SV các trường ĐH hiện nay cơ bản được thực hiện theo các hình thức, đó là: *dạy học tập trung, dạy kết hợp* (dạy rải lý thuyết, tập trung thực hành) và *dạy học rải*.

*Hình thức tổ chức dạy học tập trung*: thường được thực hiện tại các TT GDQP-AN và một số trường ĐH, được giảng dạy trong 4 hoặc 5 tuần. Tại TT GDQP-AN tổ chức học tập, huấn luyện, ăn, ở tập trung, quản lý toàn diện theo nếp sống QS. Kết hợp chặt chẽ việc học tập với rèn luyện kỹ luật, lễ tiết tác phong, nếp sống khoa học, thông qua việc duy trì các chế độ trong ngày, trong tuần theo Điều lệnh Quản lý bộ đội.

Ưu điểm của dạy và học tập trung là tập trung trong một khoảng thời gian nhất định, để trang bị một khối lượng kiến thức, SV được học tập và rèn luyện liên tục, không bị ngắt quãng bởi các môn học khác. Qua điều tra khảo sát, các TT GDQP-AN một năm thường tổ chức được 11 khóa GDQP-AN (nghỉ 2 tuần

tết và 2 tuần hè: tập huấn, tu sửa trung tâm). Kết quả điều tra, khảo sát 8% CBQL cho là rất phù hợp và 80% cho là phù hợp; 10% SV cho rằng tổ chức dạy học tập trung GDQP-AN tại trung tâm là rất phù hợp, 82% là phù hợp.

Tồn tại của hình thức này là những SV khi học tập, rèn luyện tại trung tâm vẫn phải trả tiền thuê phòng trọ, dù không ở, vì nếu trả phòng thì khi học xong về đi thuê lại rất khó khăn - tăng gánh nặng về tài chính.

*Hình thức dạy học kết hợp:* Thường được tổ chức thực hiện tại trường ĐH, CĐ có khoa, bộ môn GDQP-AN; học phần lý thuyết dạy học rải theo cặp tiết, học phần thực hành giảng dạy tập trung (thường là 2-4 tiết).

Ưu điểm của hình thức này là thực hành và tập luyện liên hoàn tới thuần thục.

*Hình thức tổ chức dạy học rải:* Thường được tổ chức tại các trường ĐH, CĐ có khoa hoặc bộ môn GDQP-AN; môn GDQP-AN được bố trí giảng dạy xen kẽ với các môn học khác; lý thuyết giảng dạy theo từng tiết hoặc cặp tiết như các môn học khác, thực hành bố trí cặp tiết hoặc cặp 2 tiết liên tục (tùy theo nội dung từng bài).

Ưu điểm của dạy học rải là SV vẫn học tập tại trường, thuê phòng trọ được liên tục. Nhược điểm là không có điều kiện để rèn luyện gần với môi trường quân đội.

Trong các hình thức trên, GDQP-AN cho SV tại các TT GDQP-AN có nhiều ưu điểm, hiệu quả hơn học ở khoa, bộ môn. Trung tâm là môi trường thuận lợi để bồi đắp ý thức QS, QP, AN cho SV; SV có điều kiện rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể và nếp sống QS. Sau khi học GDQP-AN SV có kiến thức QS, AN và hình thành nếp sống QS.

Theo đánh giá của Hội đồng GDQP-AN Trung ương, của các cơ quan Bộ QP, Bộ GDĐT, GDQP-AN cho HS,SV tại các TT GDQP-AN tốt hơn GDQP-AN tại các trường có khoa, bộ môn GDQP-AN, vì đội ngũ CBQL, GV tại các TTGDQP-AN được chuyên môn hóa hơn, GV có điều kiện chuyên sâu trong

từng nội dung; điều kiện CSVN đầy đủ hơn; thao trường, bãi tập sát với thực tế huấn luyện, đặc biệt môi trường học tập, rèn luyện (ăn, ở)... gần với môi trường quân đội hơn.

Qua điều tra, khảo sát các SV cho rằng học GDQP-AN tại TTGDQP-AN có điều kiện tập trung học tập và rèn luyện tốt hơn học tại các trường ĐH, CĐ có khoa, bộ môn GDQP-AN, chất lượng học tập tại TTGDQP-AN tốt hơn rõ rệt.

Giáo dục quốc phòng-an ninh dù được thực hiện tại trung tâm hay khoa hoặc bộ môn GDQP-AN cho SV thì việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn GDQP-AN đều được thực hiện thống nhất theo Quyết định số 69/2007/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2007 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Sinh viên có đủ số lần kiểm tra cho mỗi học phần; mỗi lần kiểm tra đạt từ 5 điểm trở lên và có đủ 80% thời gian tham gia học tập trên lớp sẽ được dự thi kết thúc học phần thứ nhất. mỗi SV phải dự thi đủ các học phần quy định trong chương trình.

Học phần có từ 2 đến 3 ĐVHT kiểm tra ít nhất một lần; học phần có từ 4 ĐVHT trở lên kiểm tra ít nhất hai lần. Số lần cụ thể do hiệu trưởng các trường quy định.

Chứng chỉ GDQP-AN cấp cho SV để xác nhận kết quả học tập môn GDQP-AN. Sinh viên đạt điểm trung bình môn học từ 5 điểm và không bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên được cấp chứng chỉ GDQP-AN và được ghi kết quả xếp loại trong chứng chỉ. Chứng chỉ GDQP-AN là một trong những điều kiện để xét tốt nghiệp CĐ, ĐH.

Không cấp chứng chỉ cho SV là đối tượng được miễn toàn bộ chương trình, SV ĐH đã tốt nghiệp trình độ CĐ chỉ học bổ sung những học phần còn thiếu (học phần IV).

Thẩm quyền cấp chứng chỉ GDQP-AN :

Trung tâm GDQP-AN: cấp chứng chỉ GDQP-AN cho SV theo quy định liên kết đào tạo của Bộ GDĐT.



Các trường ĐH, CĐ có khoa, bộ môn, bộ môn ghép GDQP-AN; các trường QS có đào tạo hệ dân sự: cấp chứng chỉ GDQP-AN cho SV của trường mình.

Các trường ĐH có khoa GDQP-AN: không được cấp chứng chỉ GDQP-AN cho SV của trường khác khi trực tiếp giảng dạy theo quy định liên kết đào tạo của Bộ GDĐT. Các trường ĐH không tổ chức khoa GDQP-AN, trường CĐ và trường QS liên kết đào tạo cho SV trường khác phải chuyển giao kết quả học tập môn GDQP-AN về các trường có SV để các trường đó cấp chứng chỉ.

Cấp phát, quản lý chứng chỉ thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT.

Trong điều kiện hiện nay, NCS cho rằng nên duy trì cả hai hình thức GDQP-AN cho SV tại các trường ĐH và tại các TT GDQP-AN. Bởi vì, hiện nay tiến độ xây dựng các TT GDQP-AN quá chậm so Đề án quy hoạch mạng lưới các TT GDQP-AN cho SV, hầu hết các TT GDQP-AN hiện nay xây dựng, TBDH còn thiếu nhiều do đó chưa đủ năng lực để tiếp nhận hết số SV (100%) các trường ĐH, CĐ đến học GDQP-AN, nhất là ở các thành phố lớn như Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Về lâu dài, phát triển thêm các TT GDQP-AN trong các nhà trường quân đội và tiến tới các TT GDQP-AN trên cả nước đảm nhận GDQP-AN cho 100% SV các trường ĐH, CĐ.

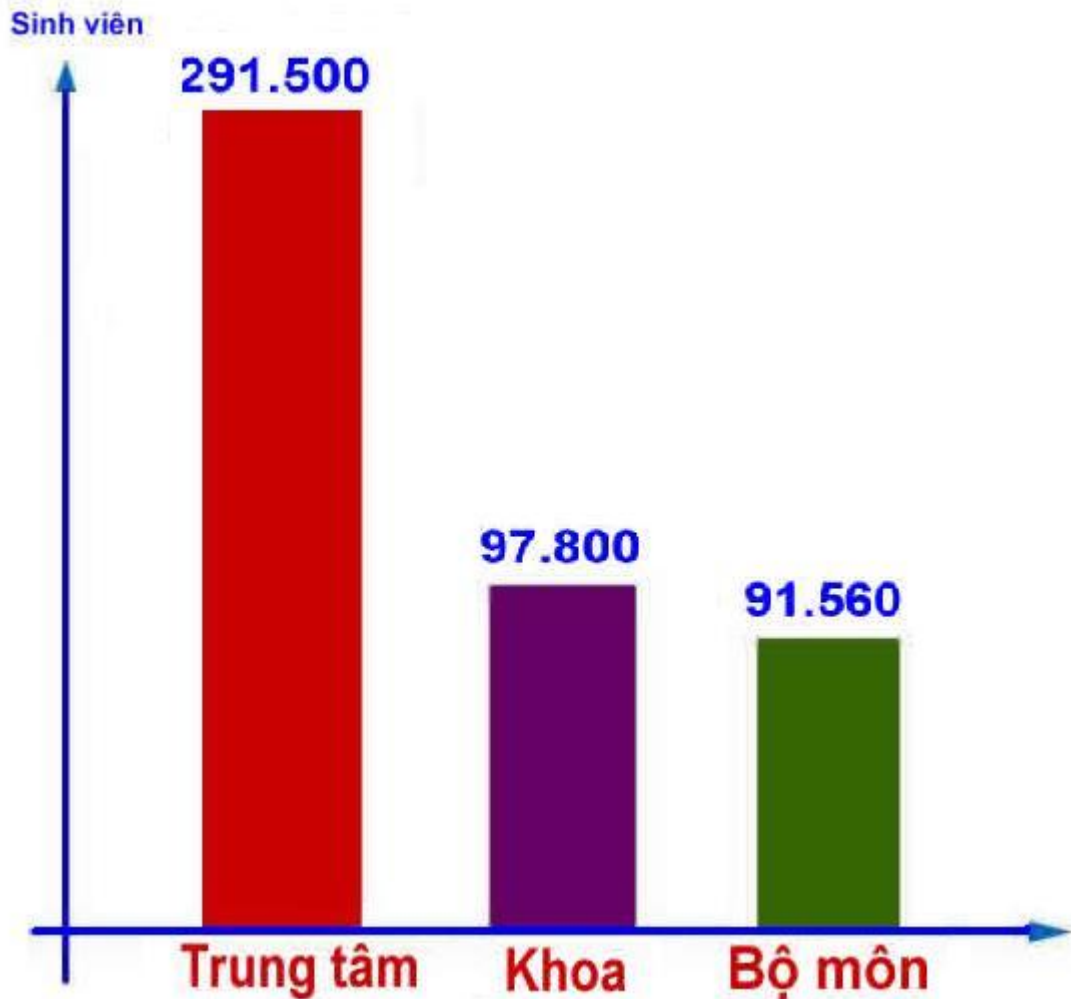
Tổng quát lại, trong quá trình tìm hiểu thực tiễn và hỏi cố tư liệu thì đã thu được kết quả từ năm 2006 đến năm 2011

Bảng 2.6. Sự phát triển của TT GDQP-AN từ năm 2006 đến 2011

Năm	Số lượng TT GDQP-AN	Số giảng viên	Số học viên	Ghi chú
2006	16	215	252.100	
2007	16	219	265.200	
2008	17	231	268.500	
2009	34	252	276.500	
2010	35	260	284.500	
2011	35	282	291.500	

Kết quả trên cho thấy về quy mô, số lượng CBQL, GV và số SV được GDQP-AN năm sau cao hơn năm trước; đây là sự cố gắng từ Trung ương đến cơ sở GDĐT.

**Biểu đồ 2.1. Số lượng SV các cơ sở GDQP -AN**



#### **2.2.4. Thực trạng quản lý đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên giáo dục quốc phòng - an ninh**

Hiện nay, toàn Ngành GDĐT có gần 573 CBQL, GV GDQP-AN; trong đó chủ yếu là sĩ quan quân đội biệt phái tại Ngành GDĐT tạo trực tiếp quản lý và giảng dạy GDQP-AN; trong đó 12 sĩ quan biên chế tại Vụ GDQP Bộ GDĐT, số sĩ quan còn lại được bố trí làm CBQL, giảng dạy tại 13 TT GDQP-AN (theo Quyết định 07/2003/QĐ-TTg ngày 09/01/2003. Các TT GDQP-AN chưa có sĩ quan biệt phái là: Tây Bắc, Ngô Gia Tự, Hồng Đức), 13 khoa, và 26 bộ môn của 53 ĐH, trường ĐH, CĐ trong cả nước.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ GDQP-AN cho SV các trường ĐH và CĐ trong tình hình mới, Chính phủ đã quyết định thành lập 18 TT GDQP-AN thuộc trường QS các quân khu, tỉnh, thành phố và trường sĩ quan, với đội ngũ giảng viên là sĩ quan-giảng viên của trường quân đội.

Hiện nay, TT GDQP-AN ĐH Huế, TT GDQP-AN Trường ĐH Tây Nguyên biên chế một số giảng viên là SV của nhà trường đã tốt nghiệp ĐH các chuyên ngành sư phạm gắn với nội dung GDQP-AN (học phần I, II), đội ngũ giảng viên này còn quá non về chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt kiến thức QS, QP, AN và kinh nghiệm thực tiễn... Ngoài ra, để bảo đảm đủ số lượng giảng viên GDQP-AN nhiều trường đã mời thỉnh giảng, chủ yếu là sĩ cơ quan QS địa phương, các nhà trường quân đội trên địa bàn.

Về đội ngũ GV và CBQL của các TT GDQP-AN, cần xác định tổ chức, biên chế, chức danh, trần quân hàm và chế độ chính sách dần tiến tới đạt chuẩn (Luật Giáo dục quy định) để đội ngũ này yên tâm công tác, trách nhiệm với công việc, yêu ngành, yêu nghề nhằm nâng cao vị thế và chất lượng môn học, đáp ứng yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Bảng 2.7. Quy định lưu lượng SV và biên chế giảng viên TT GDQP-AN

STT	Lưu lượng SV/ năm	Số lượng GV/năm
1	5.000	20
2	7.000	25
3	10.000	30
4	20.000	45

Giảng viên của TT GDQP-AN là người trực tiếp làm nhiệm vụ giảng dạy GDQP-AN cho SV, gồm: GV thuộc biên chế của TT GDQP-AN, trực tiếp giảng dạy GDQP-AN cho SV tại trung tâm và giảng viên hợp đồng theo thời vụ.

**Biểu đồ 2.2**  
Số lượng giảng viên GDQP-AN của các cơ sở giảng dạy GDQP-AN



Giảng viên là sĩ quan biệt phái thực hiện nhiệm vụ theo Nghị định 165/NĐ-CP của Chính phủ về sĩ quan biệt phái (làm tham mưu cho Thủ trưởng nhà trường nơi sĩ quan đến biệt phái làm công tác quản lý về GDQP-AN; nghiên cứu khoa học, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và thực hiện giảng dạy môn GDQP-AN; tham gia phối hợp thực hiện công tác quân sự khác) và chịu sự lãnh đạo, quản lý trực tiếp của giám đốc trung tâm hoặc hiệu trưởng trường ĐH, CĐ.

Giảng viên GDQP-AN cho SV hiện nay chủ yếu là sĩ quan (giáo viên) các trường QS, Bộ QP biệt phái. Giảng viên sĩ quan quân đội biệt phái có nhiều thuận lợi hơn so với các giảng viên khác, họ có sức ám thị lớn đối với SV và làm tăng thêm sức thuyết phục cho mỗi bài giảng. Trong những năm vừa qua, đội ngũ giảng viên sĩ quan quân đội biệt phái đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào thành tựu GDQP-AN cho SV các trường ĐH, CĐ.

Tuy nhiên, đội ngũ này còn bộc lộ những hạn chế như nghiệp vụ sư phạm còn yếu, nhất là nghiệp vụ sư phạm QS; phương pháp tổ chức giảng dạy một số GV còn lúng túng, đôi khi không phù hợp với SV. Đáng lưu ý là trình độ học vấn của một số giảng viên chưa tương xứng với trình độ đào tạo ĐH, vẫn còn sĩ quan-giảng viên trình độ CĐ, số GV chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm chuẩn GV trình độ ĐH còn nhiều.

Qua khảo sát, nghiên cứu các báo cáo tổng kết của các trung tâm, các khoa GDQP-AN các trường ĐH cho thấy đội ngũ CBQL, GV còn nhiều bất cập, chưa có tiêu chí đánh giá theo chuẩn GV GDQP-AN. Về số lượng còn thiếu so với yêu cầu nhiệm vụ, một số trường và trung tâm vẫn phải mời giảng theo mùa vụ, do đó thường bị động trong giảng dạy. Về chất lượng đội ngũ CBQL, GV chưa được chuẩn hoá. Có GV không được đào tạo đúng chuyên ngành, chưa có nghiệp vụ sư phạm, chưa có thời gian trải nghiệm thực tiễn quân sự cần thiết, đó là chưa nói đến ngoại ngữ, tin học và chức danh theo tiêu chuẩn của GV trình độ ĐH.

Sinh viên học GDQP-AN tại các TT GDQP-AN, ngay từ những ngày đầu được biên chế theo đội hình tiểu đội, trung đội, đại đội, duy trì sinh hoạt như đơn vị quân đội. Như vậy, các trung tâm cần có GV làm cán bộ khung (chủ nhiệm lớp) để quản lý trực tiếp SV và là GV hướng dẫn thực hành các bài tập về quân sự. Hiện tại, các trung tâm, các khoa và bộ môn GDQP-AN chưa đủ sĩ quan làm nhiệm vụ giảng dạy, việc bố trí sĩ quan làm chủ nhiệm lớp làm cho trung tâm đã thiếu lại càng thiếu thêm, song việc bố trí chủ nhiệm lớp để duy trì các chế độ và quản lý mọi mặt là việc làm không thể thiếu được, đã góp phần quản lý tốt, nâng cao chất lượng GDQP-AN tại các trung tâm. Tuy nhiên, việc duy trì nề nếp sinh hoạt của các đơn vị SV chưa được thực hiện chặt chẽ như mong muốn, đã làm hạn chế đến chất lượng GDQP-AN tại các trung tâm. Sau thời gian học tập trên lớp, thao trường, SV chưa được luyện tập nhiều về công tác chỉ huy, quản lý đơn vị, chưa có điều kiện tích lũy kinh nghiệm tổ chức phục vụ chiến đấu trong điều kiện tác chiến thông thường khi có chiến tranh xảy ra.

Tóm lại, GV GDQP-AN cho SV các trường ĐH, CĐ thiếu về số lượng cần được bổ sung và chuẩn hóa. Đảm bảo đủ số lượng và nâng cao chất lượng giảng viên GDQP-AN các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN trong các ĐH, trường ĐH, CĐ là rất cấp thiết hiện nay; Bộ GDĐT cùng Bộ QP và Bộ CA cần sớm thống nhất và có giải pháp kịp thời nhằm đáp ứng nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài cho đội ngũ GV GDQP-AN trên toàn quốc, tạo sự phát triển bền vững đội ngũ GV GDQP-AN.

### **2.2.5. Thực trạng quản lý cơ sở vật chất, phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy giáo dục quốc phòng-an ninh**

Cơ sở vật chất, TBDH và ứng dụng CNTT trong giảng dạy nói chung và trong giảng dạy GDQP-AN nói riêng có vị trí vô cùng quan trọng, là một trong những điều kiện bắt buộc để được thành lập và giảng dạy GDQP-AN tại cơ sở GDĐT. Đến nay, Bộ GDĐT đã biên soạn và xuất bản hệ thống giáo trình, tài liệu GDQP-AN cho SV các trường CĐ, ĐH. Đây là một cố gắng lớn và là điều kiện

cần thiết để nâng cao chất lượng môn GDQP-AN cho SV. Kết cấu nội dung chương trình, tài liệu cơ bản là phù hợp với mục tiêu, yêu cầu GDQP-AN cho SV.

Sinh viên các trường ĐH, tự học, tự nghiên cứu là khâu rất quan trọng, muốn vậy cần phải đảm bảo đủ tài liệu cho SV nghiên cứu, học tập. Hiện nay, số lượng tài liệu, sách báo và hoạt động của thư viện tại các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN của các trường ĐH, CĐ chưa đáp ứng yêu cầu của SV. Trước yêu cầu đào tạo theo tín chỉ hiện nay, SV tự nghiên cứu tài liệu, sách báo để phục vụ học tập là hết sức cần thiết, là yêu cầu không thể thiếu được.

Về cơ sở vật chất, kỹ thuật, đồ dùng dạy học, học cụ quân dụng chuyên dùng và phòng học chuyên dùng của các TT GDQP-AN được xác định như sau:

- Huy động mọi nguồn lực để nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật. TBDH của các TT GDQP-AN, phần đầu các trung tâm đều có phòng học chuyên dùng, máy bán tập điện tử hoặc laser và thao trường tập chiến thuật, kỹ thuật và thể lực.

- Vũ khí, trang bị huấn luyện đặc chủng do Bộ QP bảo đảm theo Thông tư Liên tịch 4086/2001/TTLT. Mô hình học cụ, trang bị PTDH do Bộ GDĐT và các trung tâm bảo đảm theo quy chế hoạt động của TT GDQP-AN.

Cơ sở vật chất giảng dạy GDQP-AN ngày càng được chú trọng bảo đảm; thao trường, bãi tập đã được chú trọng đầu tư xây dựng. Bộ GDĐT đã ban hành Danh mục TBDH tối thiểu môn GDQP-AN trong các trường ĐH, CĐ, TCCN, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp THPT) và Tiêu chuẩn bộ mẫu TBDH môn GDQP-AN trong các trường ĐH, CĐ, TCCN, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp THPT). Bộ GDĐT phối hợp với Bộ QP chỉ đạo các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp QP tham gia sản xuất TBDH môn GDQP-AN. Đến nay, TBDH của môn học đã được công ty thiết bị GD và các nhà máy, xí nghiệp QP sản xuất đảm bảo đủ 100% so với quy định.

Cơ sở vật chất, TBDH và ứng dụng CNTT trong dạy học GDQP-AN luôn nhận được quan tâm chỉ đạo của Đảng của Nhà nước, các bộ, ngành; Bộ GDĐT

đã phối hợp với Bộ QP chỉ đạo các nhà máy công nghiệp QP sản xuất trang thiết bị đồ dùng dạy học môn GDQP-AN trong nhiều năm, các TBDH luôn được cải tiến đổi mới cho phù hợp với môn học và điều kiện thực tế hiện nay; lãnh đạo nhiều cơ sở GDQP-AN quan tâm, đã thực sự chăm lo, đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang TBDH và ứng dụng CNTT trong dạy học đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả GDQP-AN cho SV.

Tuy nhiên, qua thanh kiểm tra của các cơ quan chức năng và điều tra khảo sát tại các cơ sở GDQP-AN thì việc mua sắm TBDH GDQP-AN cho SV theo quy định của Bộ GDĐT cũng còn chưa đủ so với quy định của Bộ, chậm đổi mới và không đồng bộ, chưa tương xứng với vị trí, vai trò của môn GDQP-AN. Vũ khí, khí tài quân dụng chưa được bảo đảm theo đúng quy định. Ứng dụng CNTT trong dạy học GDQP-AN chưa nhiều. Tình trạng dạy chay, học chay còn khá phổ biến. Thiếu CSVC, TBDH GDQP-AN đã ảnh hưởng đến chất lượng GDQP-AN và tự nó sẽ làm suy giảm vị thế môn học.

Qua điều tra khảo sát, việc đầu tư xây dựng ban đầu tại các TT GDQP-AN còn chậm so với phê duyệt của Chính phủ. Nguyên nhân chính do nguồn vốn đầu tư của cấp trên chưa đáp ứng kịp so với tiến độ thi công; bên cạnh đó là việc triển khai còn quá chậm của cơ sở; chưa chủ động trong huy động nguồn vốn cho xây dựng, đầu tư ban đầu. Việc mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học còn thiếu đồng bộ, chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ môn học, thậm chí có cơ sở còn thụ động trong việc bảo đảm kinh phí, mua sắm TBDH, đặc biệt việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức, chưa động viên khuyến khích được giảng viên ứng dụng CNTT trong giảng dạy, tăng sức hấp dẫn, tạo sự hưng phấn cho người học, nhằm nâng cao chất lượng môn học ngày càng cao.



### **2.2.6. Thực trạng kết quả giáo dục quốc phòng-an ninh của sinh viên các trường đại học**

Giáo dục quốc phòng-an ninh cho SV các trường ĐH (165 tiết) đã giáo dục cho trí thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối QP, AN của Đảng và công tác quản lý nhà nước về QP, AN; truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; trang bị kỹ năng QS, AN cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền QP toàn dân, AN nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Kết quả học tập và kiểm tra của Hội đồng GDQP-AN Trung ương, số SV đạt yêu cầu 100%, trong đó khá, giỏi chiếm tỷ lệ 85%. Qua khảo sát, điều tra 96% CBQL, SV và SV đánh giá chương trình hiện nay là phù hợp, 0,4% cho là cần chỉnh sửa chương trình cho phù hợp với điều kiện hiện nay.

Thái độ học tập của SV đối với môn GDQP-AN tương đối tốt, việc chấp hành và thực hiện 11 chế độ trong ngày và 3 chế độ trong tuần cũng như các hoạt động ngoại khóa khác của SV tại các TT GDQP-AN được thực hiện nghiêm; ý thức học tập và chấp hành các chế độ, quy định của SV được nâng lên rõ rệt.

#### ***Điểm mạnh***

- Môn GDQP-AN có bề dày truyền thống hơn 50 năm, kể từ khi có Nghị định 219/CP ngày 28/12/1961 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc huấn luyện quân sự phổ thông cho HS,SV trong các trường từ bậc THPT đến CĐ, ĐH.

- Hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo từ Trung ương đến địa phương về công tác GDQP-AN tương đối đầy đủ và đồng bộ.

- Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt thành lập 32 TT GDQP-AN cho HS,SV trên toàn quốc (hệ thống TT GDQP-AN đã được thành lập).

- Đội ngũ GV GDQP-AN cơ bản là đội ngũ sĩ quan quân đội biệt phái sang Ngành GDĐT làm công tác QP và GDQP-AN cho SV các trường ĐH, CĐ, tâm huyết, yêu ngành, yêu nghề, đội ngũ này cơ bản được đào tạo trong các nhà trường quân đội.

- Lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo của Nhà nước, sự quan tâm chỉ đạo sâu sát phối hợp của các bộ, ngành, đặc biệt là Bộ GDĐT và Bộ QP, Bộ CA trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện môn GDQP-AN.

- Sinh viên sau khi hoàn thành khóa học GDQP-AN được cấp chứng chỉ, đây là điều kiện bắt buộc để cấp bằng tốt nghiệp ĐH của SV.

Trang bị cho trí thức trẻ kiến thức cần thiết về GDQP-AN; góp phần hình thành nhân cách, hành trang trên con đường lập thân, lập nghiệp và giữ nước.

Trong bối cảnh tình hình trong nước và thế giới, bên cạnh thuận lợi cũng có nhiều khó khăn, thách thức, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã triển khai một loạt công việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, đồng thời nỗ lực phấn đấu tập trung kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội theo tư tưởng chỉ đạo của Kết luận số 02-KL/TW ngày 16/3/2011 của Bộ Chính trị và các chủ trương, chính sách, biện pháp của Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ. Đội ngũ CBQL, GV GDQP-AN luôn tin tưởng, tuyệt đối trung thành sự lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, yên tâm công tác, yêu ngành, yêu nghề, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công tác GDQP-AN ngày càng được Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm; góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

### ***Điểm yếu***

- Nhận thức của một số cán bộ và SV về GDQP-AN chưa tương xứng với mục tiêu, yêu cầu và nhiệm vụ môn học (là môn học chính nhưng vẫn bị xem nhẹ).

- Đội ngũ GV GDQP-AN còn nhiều bất cập về số lượng và chất lượng: Đội ngũ GV tại các cơ sở GDQP-AN còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Đội ngũ GV thiếu trầm trọng, chưa có giải pháp khắc phục. Cần xây dựng đề án đào tạo đội ngũ GV trình độ CĐ, ĐH; tổ chức biên chế, chức danh, trần quân hàm, chế độ chính sách... cho đội ngũ sĩ quan biệt phái còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ...

- Cơ sở vật chất, TBDH môn GDQP-AN còn thiếu, đầu tư cho xây dựng và trang bị ban đầu còn chậm so với kế hoạch.

- Sự phối hợp trong quản lý đội ngũ CBQL, GV chưa đồng bộ.

- Kinh phí cho GDQP-AN còn thấp so với yêu cầu nhiệm vụ.

- Cơ chế không đồng bộ, thống nhất nên khó khăn trong tổ chức thực hiện.

Còn một số cán bộ, HS,SV chưa quan tâm công tác GDQP-AN đúng với vị trí, vai trò của môn học, nên đầu tư cho công tác này còn chậm và kết quả GDQP-AN chưa cao.

Trong những năm qua công tác GDQP-AN đã thu được kết quả đáng khích lệ, SV khi ra trường về công tác tại các cơ quan đã tham mưu cho lãnh đạo và tổ chức thực hiện tốt công tác QP, AN; đã có hàng vạn SV tốt nghiệp ĐH đi đào tạo sĩ quan dự vị và đã có hàng ngàn SV được tuyển chọn vào phục vụ trong lực lượng vũ trang, có những SV công tác trong lực lượng vũ trang đến nay đang giữ những vị trí trọng trách và có nhiều đồng chí được nhận quân hàm cấp tướng.

### **2.3. NGUYÊN NHÂN CỦA THỰC TRẠNG TRÊN**

#### **2.3.1. Nguyên nhân của những thành tựu, ưu điểm**

Kết quả đạt được về GDQP-AN cho SV các trường ĐH những năm qua có nhiều nguyên nhân, trong đó một số nguyên nhân chủ yếu sau:

*Sự lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả của Đảng, Chính phủ, các bộ, ban, ngành ở Trung ương và cấp ủy, chính quyền các cấp.*

Huấn luyện quân sự phổ thông cho HS,SV đã được triển khai trong những năm qua, thực sự được đẩy mạnh từ khi có Chỉ thị của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP-AN trong tình hình mới (Chỉ thị 62-CT/TW ngày 12/02/2001, Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/5/2007) và Nghị định của Chính phủ về GDQP-AN (Nghị định 15/2001/NĐ-CP ngày 01/5/2001, Nghị định 116/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007).

Thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, nghị định của Chính phủ, các bộ, ban, ngành, cấp ủy, chính quyền các cấp đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác GDQP-AN toàn dân nói chung và trong hệ thống giáo dục quốc dân nói riêng. Các bộ, ngành đã kịp thời hướng dẫn thực hiện nghị định của Chính phủ, tạo hành lang pháp lý cho triển khai GDQP-AN; tích cực biên soạn giáo trình, tài liệu cho SV (đến năm 2008 đã biên soạn và xuất bản; đến nay đã chỉnh lý và tái bản); chú trọng hơn việc bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ dạy và học môn GDQP-AN trong các nhà trường.

Công tác thanh tra, kiểm tra GDQP-AN của các cơ quan chức năng được đẩy mạnh. Hội đồng GDQP-AN đã được thành lập từ Trung ương đến các quận, huyện làm tăng thêm cơ chế chỉ đạo, giám sát GDQP-AN trong các nhà trường.

Cấp ủy và chính quyền các cấp đã chú trọng hơn trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân theo phân cấp. Cấp ủy, ban giám hiệu các nhà trường từ cấp THPT đến trình độ ĐH, các nhà trường trong quân đội đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định về GDQP-AN. Môn GDQP-AN đã bắt đầu được thực hiện với tư cách là môn học chính khóa trong các trường từ cấp THPT đến trình độ đào tạo ĐH; bước đầu đạt những kết quả tốt, về cơ bản, thực hiện được mục tiêu, yêu cầu của môn học.

*Hai là, nhận thức đúng vị trí, vai trò GDQP-AN cho SV các trường ĐH.*

Thời kỳ đầu triển khai chủ trương đưa môn GDQP-AN vào các nhà trường, là môn học chính khóa, đã có không ít CBQL, GV tỏ ra không đồng tình;

có người còn cho rằng, đó là ý muốn chủ quan của các nhà QS, AN, rằng cơ quan tham mưu về QP, CA đã nâng cấp tình huống bảo vệ Tổ quốc trên mức cần thiết trong điều kiện đất nước đang có hòa bình nên tập trung phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.

Trước tình hình đó, cấp ủy đảng và chính quyền các cấp, ban giám hiệu các trường CD, DH đã đẩy mạnh công tác tư tưởng, làm cho cán bộ nhận thức sâu sắc hơn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong tình hình mới; nhận rõ hơn âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với đất nước ta; nhận thức sâu sắc hơn đường lối xây dựng nền QP toàn dân, AN nhân dân, thế trận chiến tranh nhân dân của Đảng, Nhà nước ta. Nhờ kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng và công tác tổ chức nên đã làm chuyển biến nhận thức của cán bộ chủ chốt các cấp về vị trí, vai trò của GDQP-AN trong bối cảnh mới.

Kết quả điều tra, khảo sát thực tế cho thấy, đại đa số SV có nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về tầm quan trọng của môn GDQP-AN; có thái độ đúng đắn trong học tập GDQP-AN, hiện tượng lười học, ngại học vẫn còn nhưng không mang tính phổ biến.

Sự chuyển biến nhận thức của các đối tượng về vị trí, vai trò quan trọng của GDQP-AN là một nguyên nhân rất quan trọng làm lên các kết quả GDQP-AN trong những năm vừa qua.

*Ba là, cơ cấu, thiết chế, điều kiện bảo đảm cho GDQP-AN được hình thành, hoàn thiện từng bước.*

Như trên đã phân tích, sự chuyển động rõ nhất từ sau khi có chỉ thị của Bộ Chính trị về tăng cường công tác GDQP-AN toàn dân trước tình hình mới và nghị định của Chính phủ về GDQP-AN, các bộ, ban ngành, cấp ủy, chính quyền các cấp đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân, từ đó hình thành trên thực tế một cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp tổ chức thực hiện GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân.

Các bộ, ban, ngành đã có nhiều cố gắng thực hiện chức trách được phân công. Cơ quan QS các cấp đã tham mưu trong tổ chức GDQP-AN, thanh tra GDQP-AN và bảo đảm vũ khí, trang bị quân dụng cho các cơ sở GDQP-AN. Lãnh đạo các nhà trường chủ động, thực hiện nghiêm túc hơn trong tổ chức thực hiện chương trình GDQP-AN. Sự phối kết hợp chặt chẽ, nhất là ở các cơ sở, cơ quan, đơn vị là nhân tố quan trọng đem lại kết quả GDQP-AN tương đối tốt trong hệ thống GD quốc dân những năm vừa qua.

*Bốn là, sự ổn định và phát triển kinh tế-xã hội của đất nước đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho GDQP-AN trong bối cảnh mới.*

Sau gần 30 năm đổi mới, kinh tế-xã hội ở nước ta đã có nhiều thay đổi, đời sống của nhân dân ngày một nâng cao hơn. Tình hình KT, XH, QP, AN cơ bản ổn định, từng bước được củng cố vững chắc. Thành tựu trong công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng XHCN, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, XH công bằng, dân chủ, văn minh; đồng thời kêu gọi trong SV ý thức bảo vệ các thành quả mà đất nước đã giành được. Từ đó các tầng lớp XH nói chung, SV nói riêng ý thức nâng cao hiểu biết của mình về lĩnh vực QP, AN, đóng góp sức mình vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

### **2.3.2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm**

Những hạn chế, khuyết điểm của GDQP-AN cho SV trong những năm vừa qua có nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân chủ yếu:

*Thứ nhất, chỉ đạo tổ chức, thực hiện GDQP-AN cho SV còn lúng túng, bị động.*

Trong những năm qua, GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân nói chung và cho SV các trường ĐH nói riêng đã thu được nhiều kết quả, song nó cũng đã và đang bộc lộ những hạn chế, khuyết điểm. Một trong những nguyên nhân quan trọng là: chúng ta chậm đổi mới tư duy QP, AN. Khi đổi mới lại làm theo kiểu “vừa chạy vừa xếp hàng”, nên nhiều khâu, nhiều việc mang tính chấp vá: Có nghị định, quy định nhưng chưa chuẩn bị tốt công tác bảo đảm; ngay trong quy

định thì những “chế tài” để bảo đảm tính nghiêm minh cũng rất thiếu. Ví dụ: Các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN có từ lâu, song đến nay tổ chức, biên chế, chức danh trần quân hàm cho đội ngũ này vẫn chưa có, đều xét vận dụng tương đương (tùy theo đơn vị trực tiếp quản lý và cách vận dụng) trường QS quân khu hay trường QS quân đoàn.

Một trong những nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm đó là sự lúng túng, bị động trong tổ chức thực hiện các văn bản quy định, trong triển khai các khâu, các bước tổ chức GDQP-AN cho SV.

Đó là sự lúng túng, bị động trong triển khai đào tạo, định biên và chuẩn hóa GV GDQP-AN trong các nhà trường; sự triển khai thiếu đồng bộ, chưa kịp thời các điều kiện bảo đảm cho giảng dạy và học tập GDQP-AN trong các nhà trường; là sự chưa định hình về mô hình GDQP-AN cho SV các trường CĐ, ĐH.

Có thể khẳng định rằng, những năm vừa qua chỉ là những năm bắt đầu triển khai GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân theo tinh thần đổi mới.

*Trước hết*, phải có hoạch định hệ thống, thống nhất toàn bộ hoạt động GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân; từ công tác lãnh đạo, chỉ đạo đến tổ chức thực hiện, từ chương trình đến các điều kiện bảo đảm, khắc phục sự lúng túng, bị động.

*Thứ hai, điều kiện bảo đảm chưa đáp ứng yêu cầu mà các chủ trương, nhiệm vụ GDQP-AN trong bối cảnh mới.*

Giáo dục quốc phòng-an ninh là môn học đặc thù, đòi hỏi phải có một khối lượng vật chất bảo đảm tương đối lớn như thao trường, bãi tập và có những hạng mục đòi hỏi phải có cơ chế bảo quản, sử dụng nghiêm ngặt như vũ khí quân dụng, học cụ...

Trong điều kiện kinh tế của đất nước ta hiện nay, việc bảo đảm ngân sách cho GDQP-AN còn hạn hẹp là điều khó tránh khỏi. Song vấn đề không chỉ là ở kinh phí mà tập trung ở khâu chỉ đạo, tổ chức, làm ra các sản phẩm bảo đảm cho dạy học GDQP-AN.

Thời gian vừa qua, TBDH cho GDQP-AN chưa thật tốt, có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chỉ đạo, tổ chức sản xuất các TBDH chưa tốt. Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 33/2009/TT-BGDĐT ngày 13/11/2009 về Danh mục TBDH tối thiểu môn GDQP-AN trong các trường ĐH, CĐ, TCCN, THPT, song đến nay vẫn còn nhiều trường chưa mua sắm đủ TBDH theo quy định. Theo dự báo, có lẽ phải 5 năm nữa mới có thể có đủ các TBDH, nếu ngay từ bây giờ các cơ quan chức năng phối hợp triển khai ngay việc sản xuất và cung ứng TBDH một cách cơ bản, hệ thống.

Thiếu trang thiết bị phục vụ cho dạy và học là một nguyên nhân làm hạn chế đến chất lượng GDQP-AN trong hệ thống giáo dục quốc dân những năm vừa qua.

*Thứ ba, nhận thức của các đối tượng về GDQP-AN chưa sâu sắc.* Hiện nay, vẫn còn một số cán bộ làm công tác chỉ đạo GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân nhận thức chưa hết, chưa đầy đủ tầm quan trọng của môn học nên trong chỉ đạo không sâu sát, thiếu kiên quyết, thậm chí có người còn quan niệm rằng, GDQP-AN là một phong trào, nên trong chỉ đạo chú trọng nhiều hơn đến thành tích mà chưa chú trọng nâng cao chất lượng. Mặt khác cũng cần thấy rằng, chất lượng GDQP-AN trong các trường ĐH còn thấp, chủ yếu là do nguyên nhân đội ngũ GV còn thiếu và một số còn yếu trong giảng dạy. Cùng với các nguyên nhân nêu trên là một số SV chưa nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của kiến thức GDQP-AN đối với việc lập thân, lập nghiệp sau này nên còn có biểu hiện lười học, ngại học tập và rèn luyện.

Sự nhận thức chưa đầy đủ về môn GDQP-AN của cán bộ chỉ đạo và của người học dẫn đến sự trễ nải trong chỉ đạo, trong học tập là một trong những nguyên nhân làm hạn chế đến chất lượng GDQP-AN trong hệ thống GD quốc gia thời gian qua.

*Thứ tư, tác động của mặt trái cơ chế kinh tế thị trường.*



Kinh tế thị trường đã và đang tác động đến mọi tầng lớp xã hội, mọi hoạt động xã hội, trong đó có hoạt động GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân.

Trong cơ chế kinh tế thị trường, mọi người thường hướng sự chú ý vào lợi ích kinh tế, nhất là lợi ích cá nhân. Vì lợi ích, con người dồn phần lớn trí lực của mình để làm việc nhằm thu được kết quả cao nhất, dù cho nhiều khi phải hy sinh những cái không thực sự cần thiết và không chú ý đến sức khỏe và sự bảo vệ bản thân.

Đối với HS,SV hiện nay-thế hệ SV sinh ra và trưởng thành trong đổi mới, cải cách, họ chỉ chú tâm học những môn học để thi tốt nghiệp, thi đỗ vào các trường sau khi tốt nghiệp THPT, để có kiến thức và tay nghề vững, ra trường có thể kiếm được việc làm và đem lại thu nhập cao cho bản thân dẫn đến coi thường và sao nhãng học môn GDQP-AN, một môn học chỉ là điều kiện để xét tốt nghiệp.

Mặt trái của cơ chế thị trường đã và đang tác động tiêu cực đến nhận thức, thái độ, động cơ của người chỉ đạo, người dạy, người học môn GDQP-AN. Đây là một nguyên nhân làm hạn chế đến chất lượng GDQP-AN trong hệ thống giáo dục quốc dân những năm vừa qua.

## **Kết luận chương 2**

Đổi mới, nâng cao chất lượng quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH là một yêu cầu cấp thiết trong tình hình hiện nay. Trong xu thế hội nhập, hợp tác quốc tế, giữa các quốc gia đang diễn ra sự cạnh tranh rất quyết liệt không chỉ trên lĩnh vực kinh tế mà cả trên lĩnh vực QP, AN. Trong những năm qua, nhiều quốc gia trên thế giới đã tiến hành đổi mới quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH. Quá trình đổi mới GDQP của các quốc gia trên thế giới đã diễn ra với nhiều phương thức rất đa dạng. Để nâng cao chất lượng GDQP-AN cho SV các trường ĐH ở Việt Nam cần phải tranh thủ kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới. Đó là một trong những cơ sở thực tiễn quan trọng để nghiên cứu tìm ra các giải

pháp nâng cao chất lượng các hoạt động quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong tình hình mới.

Thực trạng GDQP-AN và quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong những năm qua đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải tiếp tục phải nghiên cứu. Đó là những vấn đề về tổ chức hệ thống các cơ sở GDQP-AN cho SV; các vấn đề về cơ chế quản lí, phối hợp các cơ quan bộ, ngành, các tổ chức chính trị xã hội trong quản lí; các vấn đề về quản lí mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, phương tiện, cơ sở vật chất, v.v... Đó là quản lí nhân lực, vật lực và tài lực trong quá trình GDQP-AN cho SV.

Từ huấn luyện quân sự phổ thông đến GDQP-AN cho SV các trường ĐH, thành tựu đạt được cũng như những tồn tại hơn 50 năm qua đã khẳng định môn GDQP-AN ngày càng được Đảng, Nhà nước và toàn dân đặc biệt quan tâm, môn học đã từng bước trưởng thành từ giảng dạy tập trung không ghi điểm đến tổ chức giảng dạy theo phân phối chương trình, kiểm tra đánh giá như các môn học khác; môn học đã góp phần hình thành nhân cách người SV, góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam XHCN.

Ngày nay, GDQP-AN và quản lí GDQP-AN đối với SV các trường ĐH đang chịu sự tác động từ nhiều hướng. Trong đó có cả những tác động tích cực và những tác động tiêu cực. Đó là một vấn đề thực tiễn đặt ra đòi hỏi quá trình nghiên cứu cần phải chỉ ra những giải pháp tranh thủ thời cơ và khắc phục những thách thức trong quản lí GDQP-AN cho SV hiện nay.

### Chương 3

## GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG-AN NINH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

### 3.1. ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG-AN NINH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH MỚI

#### 3.1.1. Quan điểm cơ bản

*a) Quá trình đổi mới quản lý GDQP-AN cho SV phải đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội trong tình hình mới và đáp ứng công cuộc đổi mới giáo dục đào tạo hiện nay*

Trước hết, đổi mới GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân cần đặc biệt chú trọng quán triệt những yêu cầu mới về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Trước đây, do chiến tranh vũ trang trực tiếp uy hiếp đến sự tồn vong của quốc gia, sự toàn vẹn lãnh thổ nên nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc thường nặng về chuẩn bị tiến hành chiến tranh chống xâm lược bằng các biện pháp vũ trang; xây dựng QP là xây dựng sức mạnh QS. Ngày nay, xuất phát từ nội dung và yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ AN quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia dân tộc. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc phải là sức mạnh tổng hợp của đất nước. Đó là sức mạnh về chính trị, tư tưởng, kinh tế-xã hội, văn hoá, QP, AN, đối ngoại là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Từ đó đòi hỏi công tác GDQP-AN phải hướng vào việc nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc, tinh thần yêu nước, tinh thần cảnh giác cách mạng cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ-những chủ nhân tương lai của đất nước.

Hai là, GDQP-AN phải trang bị và biến các yêu cầu, nội dung mới của sự nghiệp củng cố QP, AN thành ý thức thường trực, hành động cách mạng ở mọi tầng lớp nhân dân, trong mọi lĩnh vực của đời sống KT-XH. Trong điều kiện

toàn cầu hoá KT, xu hướng QP thâm nhập vào dân sinh, QS thâm nhập vào dân sự và ngược lại ngày càng phát triển. Mọi hoạt động KT-XH không chỉ đơn thuần vì mục tiêu KT-XH mà phải tính đến và đáp ứng những yêu cầu của QS, QP, AN. Các hoạt động QS, các công trình QP cũng không chỉ thuần túy vì mục tiêu QP, AN mà cần tính đến cả yêu cầu phát triển KT-XH. Sự ảnh hưởng, phụ thuộc lẫn nhau giữa QP, AN với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội ngày càng gia tăng. Tất cả điều đó, làm cho sự nghiệp củng cố QP, bảo vệ Tổ quốc càng không thể chỉ dựa vào lực lượng vũ trang. Bởi vậy, yêu cầu, nội dung, của nhiệm vụ QP, AN bảo vệ Tổ quốc phải thấm sâu và trở thành ý thức thường trực, hành động cách mạng ở mọi tầng lớp nhân dân trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống XH. Phải làm cho mọi người nhận thức được rằng, bảo vệ Tổ quốc không chỉ là phòng ngừa, mà trước hết phải chăm lo xây dựng làm cho đất nước mạnh lên. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng với bảo vệ từ trong mỗi quyết sách, kế hoạch, mỗi con người, mỗi cơ sở; việc gì có lợi cho dân cho nước, có lợi cho độc lập dân tộc và định hướng XHCN thì phải quyết tâm làm; việc gì có hại cho dân cho nước, nguy hại cho độc lập dân tộc và định hướng XHCN thì phải kiên quyết tránh. Mọi hoạt động chỉ đạo, tổ chức, thực hiện trên các lĩnh vực KT, CT, VH, XH, QP, AN, đối nội, đối ngoại đều phải bao gồm đầy đủ các yêu cầu về bảo đảm AN trong từng lĩnh vực, từng địa phương thuộc phạm vi mình phụ trách, đồng thời phải đáp ứng yêu cầu AN chung theo quan điểm kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược, gắn phát triển KT-XH với QP, AN và đối ngoại.

*Ba là*, tăng cường GDQP-AN phải hướng vào việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng ngày càng cao, đủ khả năng sẵn sàng và đánh thắng địch trong mọi tình huống cả trong thời bình và thời chiến. Củng cố, tăng cường sức mạnh QS, QP, AN chuẩn bị tốt nhất về mọi mặt, đặc biệt về nhân lực cho yêu cầu đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù trước hết là để đất nước không xảy ra chiến tranh. Vì vậy, GDQP-AN cho SV phải hướng tới việc góp phần đào tạo ra những con người mới XHCN có đủ phẩm chất, năng lực giữ vững ổn định

CT-XH, đẩy lùi, ngăn chặn và thủ tiêu nguy cơ xảy ra chiến tranh là yêu cầu rất cao đối với việc xây dựng nền QP toàn dân, AN nhân dân của chúng ta hiện nay.

Mặt khác, để đánh thắng địch trong điều kiện tác chiến phi vũ trang, chúng ta không chỉ sử dụng lực lượng vũ trang, mà phải sử dụng sức mạnh tổng hợp từ nền QP toàn dân, toàn diện, AN nhân dân. Nền QP toàn dân, AN nhân dân trong điều kiện mới, phải đủ sức mạnh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch ngay trong quá trình hội nhập và hợp tác kinh tế quốc tế. Không cho chúng lợi dụng việc làm ăn với nước ta để chống phá và làm cho chúng ta “tự diễn biến“. Vì vậy, GDQP -AN để nâng cao ý thức QP, AN tinh thần và trình độ cảnh giác cách mạng cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt thế hệ trẻ và đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp từ Trung ương đến cơ sở là vấn đề vô cùng hệ trọng của sự nghiệp giáo dục đào tạo ở nước ta hiện nay và những năm tiếp theo.

***b) Nắm vững quan điểm hệ thống, đồng bộ trong đổi mới quản lí GDQP-AN***

Hiện nay đang tồn tại những xu hướng tiếp cận khác nhau trong đổi mới GDĐT, do đó cũng đang xuất hiện những quan điểm khác nhau trong đổi mới GDQP-AN. Tiếp cận theo hướng tổng quát, người ta thường bàn đến hai quan điểm lớn: thứ nhất, đổi mới GDQP-AN phải bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, xuất phát từ thực tiễn, phù hợp với thực tiễn; thứ hai, đổi mới GDQP-AN phải đặt trong mối quan hệ giữa truyền thống với hiện đại, giữa dân tộc với nhân loại. Quan điểm này đặc biệt coi trọng kinh nghiệm truyền thống. Bởi lẽ, giữ vững truyền thống có tính chất như những nguyên tắc hay những yêu cầu chỉ đạo trong đổi mới GDQP-AN. Căn cứ vào sự phân tích những cơ sở lý luận, thực tiễn của vấn đề nghiên cứu, việc đổi mới GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân hiện nay cần phải được thực hiện dựa trên một hệ thống các quan điểm chỉ đạo nhất quán, đó là đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ.

Giáo dục quốc phòng-an ninh là một hiện tượng xã hội tồn tại, vận động và phát triển trong hệ thống theo những quy luật nhất định. Mọi thành tố cấu trúc của quá trình GDQP-AN đều mang tính hệ thống. Vì vậy, tăng cường GDQP-AN phải mang tính đồng bộ, hệ thống. Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã khẳng định, để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo phải tiếp tục đổi mới toàn diện cả nội dung, phương pháp dạy và học, cả hệ thống trường lớp và hệ thống quản lí GD.

Tinh thần đó lại được cụ thể hoá trong Hội nghị lần thứ IX Ban Chấp hành Trung ương (khoá IX): Giải pháp then chốt là đổi mới và nâng cao năng lực quản lí nhà nước trong GDĐT; đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp GD hiện đại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam cùng với đổi mới cơ chế quản lí GD. Đây là quan điểm chỉ đạo toàn bộ quá trình đổi mới GD nói chung và đổi mới GDQP-AN trong hệ thống GD quốc gia nói riêng.

Trong thực tế, đổi mới GDQP-AN đang có những biểu hiện khác nhau về thiếu tính hệ thống, đồng bộ. Đó là việc tách rời các thành tố của quá trình GD, chỉ đổi mới một mắt khâu nào đó như mục tiêu, nội dung, phương pháp hoặc một khâu, một bước, một thành tố nào đó của quá trình GD. Chẳng hạn, chỉ cần đổi mới nội dung chương trình môn học, còn phương pháp chỉ là hệ quả, tự nó phải điều chỉnh theo.

Một dạng biểu hiện của mâu thuẫn giữa tính hệ thống và tính đồng bộ trong đổi mới, tăng cường quản lí GDQP-AN là quá nhấn mạnh tính hệ thống nhưng lại thiếu tính đồng bộ. Thí dụ, một TT GDQP-AN, một nhà trường vì muốn đổi mới toàn bộ hệ thống nên đã chia đều kinh phí cho tất cả các lĩnh vực hoạt động. Đảm bảo tất cả các thành tố trong hệ thống GDQP-AN đó đều được đổi mới, nhưng vì không đủ kinh phí cho nên không có thành tố nào được đổi mới trọn vẹn và không đưa vào sử dụng được.

Quan triệt quan điểm hệ thống, đồng bộ trong đổi mới, tăng cường quản lí GDQP-AN ở nước ta hiện nay, cần phải tập trung những nội dung cơ bản sau:

- Tăng cường GDQP-AN phải đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ giữa các khâu, các bước, các thành tố cấu trúc của quá trình GD. Nghĩa là phải tăng cường tất cả các nhân tố, các khâu, các bước của quá trình GDQP-AN, cả mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức và quản lí. Quá trình GD bao gồm một hệ thống các thành tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, vừa thúc đẩy lẫn nhau, vừa chế ước lẫn nhau. Mọi sự biến động của một thành tố nào đó sẽ làm rung chuyển toàn bộ hệ thống dạy học. Muốn chuẩn hoá, hiện đại hoá và xã hội hoá quá trình GDĐT, nhất thiết phải đổi mới đồng bộ tất cả các thành tố của quá trình đó. Tuy nhiên, mỗi thành tố có vị trí, vai trò riêng, không ngang bằng nhau. Trong đó, phương pháp là điểm hội tụ của mục tiêu, nội dung và mọi thành tố khác. Khi nói đến đổi mới GDĐT người ta thường hay tập trung chú ý vào đổi mới phương pháp. Mặc dù vậy, đổi mới phương pháp dạy học chỉ đạt được hiệu quả cao nhất khi nào được tiến hành đồng bộ với các thành tố khác trong hệ thống, làm cho cả hệ thống cùng vận động, cùng phát triển theo một nhịp độ chung.

Quan điểm này đặt ra yêu cầu tăng cường quản lí GDQP-AN trong hệ thống GD quốc gia ở nước ta hiện nay phải dựa trên sự phân tích một cách sâu sắc hiện trạng và xu hướng phát triển của các thành tố trong cấu trúc, sự vận động của cả hệ thống GD. Tăng cường, đổi mới bất kỳ một khâu, một bước, một thành tố bất kỳ của quá trình GDQP-AN cũng phải đặt trong mối quan hệ với các khâu, các bước, các thành tố khác trong hệ thống, không thể nôn nóng, vội vàng, bất chấp các yếu tố khác và cũng không thể thụ động chờ đợi các yếu tố khác.

- Đổi mới, tăng cường quản lí GDQP-AN phải đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ ngay bên trong của từng khâu, từng bước, từng thành tố của quá trình GDQP-AN. Mỗi khâu, mỗi bước, mỗi thành tố của quá trình GDQP-AN đều chứa đựng các mặt, các bộ phận bên trong. Chẳng hạn trong nội dung chương trình môn học có những nội dung mang tính lý thuyết, có nội dung mang tính thực hành; trong phương pháp có các phương pháp truyền thống, các phương

pháp hiện đại. Việc đổi mới, tăng cường từng thành tố đó phải đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ của các mặt, các thuộc tính bên trong của thành tố đó.

Quan điểm này đòi hỏi khi đổi mới một thành tố nào đó của quá trình GDQP-AN phải phân tích, xem xét tạo ra mối liên hệ hợp lý tối ưu giữa các mặt, các bộ phận cấu trúc bên trong của thành tố đó. Tính hệ thống, đồng bộ ở đây không có nghĩa là phải giữ nguyên cấu trúc bên trong của thành tố đó. Trong quá trình đổi mới, tăng cường có thể phá vỡ cấu trúc cũ của một thành tố nào đó, tạo ra cấu trúc mới mang tính hệ thống, tính đồng bộ ở trình độ phát triển cao hơn, hoàn thiện hơn, hiệu quả hơn. Nghĩa là, có thể thêm, bớt làm thay đổi tỷ trọng giữa các mặt bên trong của mỗi thành tố.

- Đổi mới, tăng cường quản lý GDQP-AN phải đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ giữa các bậc học, trình độ đào tạo, các môn học và các loại đối tượng người học. Mỗi môn học không chỉ có mối liên hệ ngoài mà còn có mối liên hệ trong. Đó là mối liên hệ nội tại giữa các thành tố của môn học như : mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, người dạy, người học. Các mối liên hệ bên trong của môn GDQP-AN bao gồm các mối liên hệ ngang trong cùng một bậc học, trình độ đào tạo một nhà trường và các mối liên hệ dọc giữa các bậc học, trình độ đào tạo khác nhau, các đối tượng khác nhau.

Yêu cầu đối với GDQP-AN ở nhà trường, cấp học, trình độ đào tạo phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất bằng nhiều hình thức, nội dung phù hợp với từng đối tượng. Nội dung chương trình GDQP-AN ở các nhà trường, bậc học, trình độ đào tạo phải được xây dựng theo quan điểm hệ thống đồng bộ, mang tính khoa học, tính thực tiễn thiết thực cho chức trách, nghề nghiệp của người học, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong mỗi thời kỳ. Nội dung môn học ở cấp học, trình độ đào tạo được phát triển theo cấu trúc đường tròn đồng tâm hoặc theo các thang bậc của trình độ nhận thức. Nội dung môn học ở các cấp học, trình độ đào tạo thấp phải làm nền tảng cho sự phát triển mở rộng ở các cấp học, trình độ đào tạo cao hơn. Ngược lại, ở các bậc học, trình



độ đào tạo cao, khi thiết kế xây dựng nội dung chương trình môn GDQP-AN phải có sự kế thừa, tận dụng những kết quả của bậc học, trình độ đào tạo dưới.

Tính hệ thống, đồng bộ phải được thể hiện trong mối liên hệ đồng thuận giữa môn GDQP-AN với các môn học khác trong cùng bậc học, trình độ đào tạo. Đối với các trường phổ thông, GDQP-AN thống nhất với các môn học khác với mục tiêu là hoàn thiện học vấn phổ thông, giúp HS có được hiểu biết thông thường về môn học làm cơ sở ban đầu cho việc tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn, hoặc tham gia vào thực tiễn hoạt động xã hội.

Đối với các trường ĐH, CĐ tính hệ thống, đồng bộ của GDQP-AN so với các môn học khác được thể hiện ở chỗ cùng hướng vào ĐT chuyên gia cho một lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp nhất định. Mục tiêu của các nhà trường ĐH, CĐ là ĐT chuyên gia có trình độ cao về lý thuyết và thực hành của một chuyên ngành cụ thể. Các chuyên gia đó chỉ có thể lĩnh hội được kiến thức sâu về chuyên ngành trên cơ sở của sự hiểu biết rộng về các lĩnh vực khoa học cơ bản nói chung và các môn khoa học cơ sở của chuyên ngành nói riêng. Với tư cách là môn học cơ bản hoặc môn học cơ sở của chuyên ngành, môn GDQP-AN cùng với các môn học khác tạo ra khối kiến thức cơ bản và cơ sở làm nền móng cho sự phát triển của kiến thức chuyên ngành. Nội dung môn học phải hướng vào chuyên ngành, mang tính chuyên ngành, hỗ trợ cho chuyên ngành. Vì vậy, nội dung GDQP-AN ở các trường ĐH, CĐ cũng mang tính định hướng chuyên ngành. Lý luận và thực tiễn của môn học phải gắn với lý luận và thực tiễn của môn chuyên ngành.

Đối với các trường đào tạo cán bộ công chức, bồi dưỡng kiến thức QP-AN, thống nhất với các môn học khác về mục tiêu đào tạo là hướng vào bồi dưỡng, hình thành phẩm chất, năng lực của người cán bộ tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể.

Một trong những yếu tố có tính nguyên tắc của đổi mới, tăng cường GDQP-AN là phải được thực hiện trên nền tảng phương pháp luận nhất quán của

chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, được cụ thể hoá trong các nguyên lý GD: Học đi đôi với hành, lý luận kết hợp với thực tiễn, nhà trường gắn liền với xã hội. GDQP-AN phải quán triệt quan điểm của Đảng về tính khoa học, dân tộc và đại chúng. Đảm bảo cho GDQP-AN ở các nhà trường vừa phát huy được tính nhân dân, vừa khai thác được truyền thống của dân tộc, lại vừa tiếp cận được các thành tựu khoa học kỹ thuật QS-QP-AN hiện đại. Mọi hoạt động đổi mới, tăng cường GDQP-AN cho HS,SV, cán bộ đều phải đứng trên lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam để luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn của môn học, để phê phán các quan điểm đối lập, các biểu hiện sai lệch trong tư duy và hành động.

- Đổi mới, tăng cường GDQP-AN phải được tiến hành đồng bộ với đổi mới GDĐT của đất nước. GDQP-AN cho cán bộ, HS,SV chỉ là một bộ phận nằm trong hệ thống GD quốc gia. Chất lượng, hiệu quả của GDQP-AN cũng như đổi mới, tăng cường quản lý GDQP-AN sẽ phải chịu sự chi phối của cả hệ thống. Chúng ta sẽ không thể nói tới việc đổi mới, cải cách hay nâng cao chất lượng và hiệu quả GDQP-AN cho các đối tượng khi tách nó ra khỏi hệ thống GD của đất nước và càng không thể mong muốn đổi mới, nâng cao chất lượng GDQP-AN khi hệ thống GD quốc gia đang dậm chân tại chỗ, chậm đổi mới hoặc đổi mới chậm. Chúng ta đều biết, công nghệ GD trong GDQP-AN phải dựa trên cơ sở công nghệ của nền GD nói chung và trình độ đạt được của GDĐT của đất nước trên mọi phương diện. Bởi vậy, trong mỗi bước đi của đổi mới GDQP-AN cho các đối tượng phải được tiến hành đồng bộ, gắn bó chặt chẽ với đổi mới GDĐT của đất nước.

- Quá trình đổi mới, tăng cường GDQP-AN phải tính đến tất cả các nhân tố tác động, chi phối đến quá trình đó. Đó là sự tác động, ảnh hưởng của những biến đổi tình hình CT, KT, XH, QS, khoa học và công nghệ trên thế giới, khu vực; sự tác động của những biến đổi KT-XH ở nước ta, nhất là sự tác động của

mặt trái nền kinh tế thị trường, các tệ nạn XH. Mặt khác, cũng cần tính đến sự tác động của các yếu tố: số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, GV, HS,SV; cơ chế tổ chức thực hiện, quản lí, điều hành của cơ quan quản lí các cấp từ Trung ương đến cơ sở trong hệ thống GD quốc dân nói chung, GDQP-AN nói riêng; hệ thống cơ sở vật chất trang thiết bị và các điều kiện đảm bảo cho dạy và học; chính sách và một số yếu tố khác liên quan trực tiếp đến GDQP-AN như chiến lược QP, AN của nhà nước, hợp tác về GDQP-AN của nước ta với các nước trong khu vực và thế giới.

Đó là trình độ nhận thức, ý thức trách nhiệm và năng lực của đội ngũ cán bộ, GV và các lực lượng tham gia GDQP-AN; sự quan tâm của hệ thống chính trị, các tổ chức CT-XH và các nhà trường đối với công tác GDQP-AN; ý thức, thái độ, hành vi và trách nhiệm của người học đối với môn GDQP-AN.

Việc tăng cường quản lí nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác GDQP-AN cho cán bộ, HS,SV trong hệ thống GD quốc dân ở nước ta hiện nay phải được tiến hành một cách đồng bộ trên tất cả các khâu, bộ phận, yếu tố cả khách quan và chủ quan liên quan tới công tác tổ chức và triển khai GDQP-AN cho các đối tượng. Phải gắn nó trong quan hệ hữu cơ với quá trình đổi mới GDĐT của đất nước, trên tất cả các khâu: từ mục tiêu yêu cầu đào tạo, kế hoạch, nội dung chương trình, phương tiện thiết bị, trình độ nhận thức của cả người dạy và người học; tổ chức biên chế và trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, GV; ý thức, thái độ, hành vi ứng xử của người học đối với môn học. Đồng thời phải từng bước đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ hệ thống cơ chế quản lí nhằm nâng cao năng lực quản lí, điều hành, chỉ đạo của hệ thống các cơ quan nhà nước ở cả tầm vĩ mô và vi mô đối với công tác GDQP-AN.

Quá trình đổi mới, tăng cường GDQP-AN phải tạo ra sự chuyển biến đồng bộ, mạnh mẽ về cả nhận thức và hành động thực tiễn của các bộ, ban, ngành, cơ quan, địa phương, nhà trường, các TT GDQP-AN và của tất cả các lực lượng liên quan đến công tác GDQP-AN.

***c) Đổi mới quản lí GDQP-AN phải trên cơ sở nắm vững quan điểm kế thừa và phát triển***

*Trước hết*, đổi mới quản lí GDQP-AN phải trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm sáng tạo được tích lũy trong suốt quá trình tổ chức giáo dục QP, AN của đất nước, đồng thời phải tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm tiên tiến của nền giáo dục hiện đại. Sau gần một nửa thế kỷ thực hiện GDQP-AN ở nước ta, chúng ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý, cần được áp dụng để tìm tòi, cải tiến nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, cách thức tổ chức môn GDQP-AN trong giai đoạn mới cho phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo loại hình đối tượng GDQP-AN.

Ngày nay, tình hình đất nước và thế giới đã có những thay đổi to lớn và diễn biến phức tạp. Tri thức QP, AN ngày càng mở rộng, ngoại giao và hợp tác quốc tế trên lĩnh vực QP, AN cũng không ngừng được tăng cường. Từ đó đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục đổi mới, tăng cường mô hình, cách thức tổ chức GD, mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả GDQP-AN cho các đối tượng nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng GDQP-AN theo kịp sự thay đổi của tình hình. Song, sự đổi mới các nội dung đó nhất định phải trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm quý báu đã được tích lũy trong suốt quá trình tổ chức GDQP-AN của đất nước. Đồng thời, phải mở cửa, học hỏi và tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm tiên tiến trong hoạt động GDĐT nói chung, GDQP-AN nói riêng của các nước trong khu vực và trên thế giới. Phải bám sát những yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và củng cố QP, AN trong mỗi giai đoạn.

*Thứ hai*, đổi mới tăng cường GDQP-AN phải gắn với điều kiện cụ thể của nền GD quốc gia, của đối tượng đào tạo, phải tính toán và có bước đi thích hợp, tránh nóng vội, cực đoan. Theo đó, việc đổi mới GDQP-AN phải được tiến hành với những bước đi vững chắc cùng với những chuyển biến của nền GD đất nước. Không nên vì sự mong muốn nâng cao ngay chất lượng GDQP-AN mà có những bước đi thiếu thận trọng, nóng vội hay cực đoan. Mọi biểu hiện tách rời việc đổi

mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả GDQP -AN khỏi hệ thống GD quốc gia, hay xa rời thực tế của các nhà trường, của đối tượng ĐT đều là phiên diện và khó có thể có được kết quả tốt.

*Thứ ba*, đổi mới, tăng cường GDQP-AN cần nhận thức rõ những đặc điểm của môn học. GDQP-AN là môn học duy nhất được luật pháp qui định và chịu sự quản lí, chỉ đạo thống nhất của Bộ QP trong mối quan hệ phối hợp với nhiều bộ, ban, ngành.

Việc bảo đảm các trang bị phương tiện dạy học, đội ngũ GV, hình thức tổ chức ĐT được tổ chức quản lí theo quy chế riêng chặt chẽ, đội ngũ GV được cung cấp từ nhiều nguồn.

### **3.1.2. Mục tiêu giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh mới**

#### ***a) Mục tiêu tổng quát***

Tạo chuyển biến mạnh mẽ, sâu rộng và toàn diện trong hệ thống GD quốc dân nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác GDQP -AN cho cán bộ, SV các trường ĐH trong bối cảnh mới; làm nòng cốt cho việc nâng cao chất lượng GDQP-AN cho toàn dân, ĐT con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, sức khỏe, có ý thức QP, kiến thức QP hiện đại, cần thiết, đủ sức tham gia vào sự nghiệp xây dựng và củng cố nền QP toàn dân, AN nhân dân trong bối cảnh mới.

#### ***b) Mục tiêu cụ thể***

Tạo bước chuyển biến rõ rệt về nhận thức và trách nhiệm trong toàn XH nói chung và trong HS,SV nói riêng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong nhà trường đối với môn GDQP-AN.

Đưa GDQP-AN đi vào hoạt động có nền nếp theo một quy trình chặt chẽ, ở tất cả các cấp học, trình độ ĐT trong hệ thống GD quốc dân.

Hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, quản lí của Đảng và Nhà nước, hệ thống chính sách, công cụ, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất kĩ thuật, tài liệu, giáo trình

bảo đảm cho dạy và học môn GDQP-AN trong các nhà trường thuộc hệ thống GD quốc dân.

Xác định rõ mục tiêu, mô hình tổ chức, khung nội dung chương trình, phương pháp GD, đánh giá kết quả GDQP-AN cho từng loại hình đối tượng ĐT, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong bối cảnh mới.

Nâng cao chất lượng GDQP-AN, bảo đảm cho cán bộ và SV có những kiến thức thực sự cần thiết, đủ sức thực hiện nhiệm vụ QP, AN trên cương vị công tác của mỗi người trong tình hình cách mạng mới.

### **3.1.3. Dự báo xu hướng vận động của giáo dục quốc phòng-an ninh trong hệ thống giáo dục quốc dân đến năm 2020**

*Trên thế giới:* Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng sẽ có những diễn biến phức tạp mới, tiềm ẩn nhiều bất trắc khó lường. Những căng thẳng, xung đột tôn giáo, sắc tộc, ly khai, chiến tranh cục bộ, tranh chấp lãnh thổ, bạo loạn chính trị, can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn sẽ diễn ra gay gắt; các yếu tố đe dọa AN phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao trong các lĩnh vực tài chính-tiền tệ, điện tử-viễn thông, sinh học, môi trường...còn tiếp tục gia tăng.

*Ở trong nước:* Những thành tựu, kinh nghiệm của 26 năm đổi mới (1986-2012) “diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi. Thế và lực của nước ta vững mạnh thêm nhiều; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên, tạo ra những tiền đề quan trọng để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân”. Nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường thách thức nào, “vẫn đang tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội và đe dọa chủ quyền quốc gia” (Văn kiện ĐH ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chính trị ở nước ta.

***a) Xu hướng biến đổi tích cực***

Từ nay đến năm 2020, công tác GDQP-AN ngày càng có sự đổi mới và phát triển ở tất cả các yếu tố, các mặt, các nội dung. Những hạn chế yếu kém của GDQP-AN từng bước được khắc phục có hiệu quả. Những vấn đề mới đặt ra cho GDQP-AN từng bước được giải quyết một cách phù hợp. Xu hướng biến đổi tích cực được thông qua việc nhận thức và giải quyết tốt những mâu thuẫn của quá trình GDQP-AN, qua kế thừa và phát triển các thành tựu và kinh nghiệm GDQP-AN từ trước tới nay.

Xu hướng vận động tích cực của GDQP-AN sẽ trở thành hiện thực khi tác động tích cực của những biến đổi trong điều kiện khách quan tới GDQP-AN được nhận thức, tận dụng, phát huy; những tác động tiêu cực được phát hiện, ngăn chặn, khắc phục kịp thời. Đồng thời, các lực lượng tham gia quá trình GDQP-AN phát huy cao độ vai trò năng động chủ quan trong việc thực hiện nhiệm vụ đổi mới và tăng cường quản lý GDQP-AN.

***Những biểu hiện chủ yếu của xu hướng vận động tích cực như:***

*Thứ nhất*, trước những biến động của tình hình mọi mặt trong nước và thế giới, trước yêu cầu ngày càng cao của việc đổi mới và tăng cường quản lý GDQP-AN, nhận thức của cán bộ, HS,SV về tầm quan trọng, mục tiêu, nhiệm vụ GDQP-AN ngày càng sâu sắc và đầy đủ hơn; từ đó có đầu tư đúng mức, tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ GDQP-AN.

*Thứ hai*, trên cơ sở nội dung chương trình GDQP-AN đã và đang thực hiện; trong những năm tới, đến năm 2020, nội dung chương trình này tiếp tục được cải tiến, đổi mới. Những điểm chưa hợp lý trong nội dung chương trình qua các lần sửa đổi, điều chỉnh sẽ từng bước được khắc phục.

*Thứ ba*, hình thức và phương pháp GDQP-AN được đổi mới phù hợp với sự đổi mới của nội dung chương trình GDQP-AN.

*Thứ tư*, đội ngũ GV thực hiện nhiệm vụ GDQP-AN phát triển cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của GDQP -AN hiện nay và tới năm 2020.

*Thứ năm*, việc bảo đảm kinh phí, TBDH, chế độ chính sách đối với CBQL và GV GDQP-AN ngày càng được đầy đủ, chu đáo hơn, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong bối cảnh mới.

*Thứ sáu*, chất lượng, hiệu quả GDQP-AN cho cán bộ, HS,SV trong hệ thống GD quốc dân từ nay đến năm 2020 được nâng cao, những tiêu cực trong GDQP-AN từng bước được khắc phục.

***b) Xu hướng vận động tiêu cực***

Đối lập với xu hướng vận động tích cực của GDQP-AN là xu hướng vận động tiêu cực: chất lượng, hiệu quả GDQP -AN có thể sẽ giảm sút, mục tiêu, nhiệm vụ của GDQP-AN không được thực hiện với kết quả cao; những thành quả đã đạt được trong GDQP -AN từ trước tới nay không được giữ vững và tiếp tục phát triển, nếu như các hiện tượng trên của xã hội không được khắc phục, tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong GDQP -AN vẫn cứ gia tăng.

Xu hướng vận động tiêu cực ảnh hưởng đến GDQP -AN trong hệ thống GD quốc gia còn ảnh hưởng tiêu cực của các điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan của chính công tác GDQP-AN. Song, trong điều kiện nền kinh tế và chế độ chính trị của nước ta được giữ vững và ngày càng được củng cố, toàn xã hội và Bộ GDĐT thực hiện tốt cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong GDĐT” thì sự biến đổi tiêu cực của GDQP -AN trong các nhà trường có thể ngăn chặn, từng bước đẩy lùi và khắc phục được.

***c) Một số biểu hiện tiêu cực đối với GDQP-AN cho SV các trường ĐH hiện nay và đến năm 2020***



*Một là*, một số chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với GDQP-AN chưa được thực hiện nghiêm túc. Một số điểm chưa phù hợp với thực tiễn chậm được sửa đổi.

*Hai là*, nội dung chương trình, hình thức, phương pháp GDQP-AN đổi mới không quyết liệt, không đạt chất lượng, hiệu quả cao.

*Ba là*, đội ngũ GV GDQP-AN tiếp tục thiếu và chất lượng không được nâng cao. Các điều kiện vật chất phục vụ cho GDQP-AN không đáp ứng kịp thời, thậm chí còn bị cắt xén, chất lượng thấp.

Ngoài những xu hướng cơ bản trên, GDQP-AN biến đổi theo hướng đan xen giữa tích cực và tiêu cực. Cả xu hướng biến đổi tích cực và tiêu cực đều không thật nổi trội. Biểu hiện cụ thể của xu hướng này là: có lúc, có nơi, có công việc cụ thể làm tốt, cùng một thời điểm có đơn vị làm tốt, có đơn vị làm chưa tốt; hoặc cùng một đơn vị, có nội dung GDQP-AN làm tốt, lại có nội dung làm chưa tốt; hoặc có thể cùng một nội dung GDQP-AN lúc này thực hiện tốt, lúc khác lại thực hiện chưa tốt.

Trong các xu hướng nêu trên, tác giả cho rằng xu hướng GDQP-AN phát triển theo chiều hướng tích cực. Để GDQP-AN biến đổi theo xu hướng tích cực trở thành hiện thực, cần phát huy cao độ vai trò của tất cả các lực lượng tham gia vào GDQP-AN trong hệ thống GD quốc gia.

### **3.2. NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP**

#### **3.2.1. Nguyên tắc tính kế thừa**

Từ khi hình thành và suốt quá trình tồn tại và phát triển các TT GDQP-AN vẫn thường xuyên đổi mới và phát triển. Nhiều giải pháp quản lí GDQP-AN đã và đang được phát huy tác dụng. Tuy nhiên các giải pháp quản lí GDQP-AN không phải là cái gì bất biến mà nó luôn vận động, phát triển cùng với sự vận động, phát triển của thực tiễn xã hội. Quá trình phát triển đó lại đặt ra những yêu cầu mới. Vì vậy, các giải pháp, biện pháp bàn trong luận án này là kế thừa các

tinh hoa để có và mang tính kế thừa phát triển làm cho phong phú tốt hơn, hiệu quả hơn.

### **3.2.2. Nguyên tắc tính thực tiễn**

Các giải pháp biện pháp đề ra trong luận án này phải căn cứ vào tình hình thực tiễn của các cơ sở GDQP-AN mà áp dụng. Mỗi cơ sở GDQP-AN có một đặc thù, có điểm mạnh, điểm yếu, có thuận lợi, có khó khăn, có thời cơ, thách thức. Phải căn cứ vào các đặc điểm này mà tổ chức thực hiện. Đó chính là căn cứ vào tính thực tiễn mà đề ra và thực hiện biện pháp.

### **3.2.3. Nguyên tắc tính hệ thống**

Các giải pháp, biện pháp phải gắn bó với nhau tạo ra mối liên hệ tác động lẫn nhau đảm bảo tính toàn vẹn của quá trình GD, huấn luyện để phát triển nhân cách toàn vẹn của học viên.

### **3.2.4. Nguyên tắc tính hiệu quả**

Các giải pháp biện pháp phải tạo ra hiệu quả cho sự phát triển của đất nước, của ngành, của nhà trường và của cá nhân người được huấn luyện.

## **3.3. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG-AN NINH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

**3.3.1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng công tác giáo dục quốc phòng - an ninh đối với cán bộ, đặc biệt là cán bộ quản lý trong hệ thống giáo dục quốc dân**

### ***a) Mục đích***

Tư tưởng, nhận thức là khâu quan trọng, quyết định đến việc thành, bại của mọi công việc; nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành có vai trò quyết định tới việc thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta; nhằm nâng cao nhận thức đúng đắn của các cấp, các ngành về GDQP-AN tạo ra chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành động thiết thực.

### ***b) Nội dung***

- Thực hiện tích cực, đúng đối tượng và có chất lượng GDQP-AN theo Nghị định 71/CP ngày 13/7/1994 của Chính phủ về GDQP trong hệ thống các trường chính trị, hành chính, đoàn thể cho cán bộ Lãnh đạo, quản lí các cấp để tạo chuyên biến sâu sắc, mạnh mẽ từ các cấp lãnh đạo đối với công tác GDQP-AN cho HS,SV. Đề từ các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, quản lí và hoạch định các cơ chế, chính sách về GDQP-AN được thiết thực, đầy đủ, kịp thời và đồng bộ;

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về nhiệm vụ GDQP-AN, để mọi người quán triệt, hiểu đúng và thực hiện có hiệu quả công tác GDQP-AN;

- Biểu dương, khen thưởng kịp thời các tổ chức, đơn vị, cá nhân có thành tích triển khai, thực hiện công tác GDQP-AN, đồng thời kiên quyết uốn nắn, nhắc nhở những cá nhân, đơn vị làm chưa đúng, cần thiết phải có biện pháp hành chính cụ thể đối với những cá nhân, tập thể cố tình chấp hành không nghiêm túc công tác GDQP-AN;

- Biên soạn nội dung chương trình và tài liệu tập huấn: căn cứ vào tình hình thực tế công tác QP, AN nói chung và nhiệm vụ GDQP-AN nói riêng mà tổ chức tập huấn về quản lí nội dung chương trình, đổi mới phương pháp giảng dạy...;

- Bộ GDĐT căn cứ vào tình hình thực tế mà tổ chức tập huấn cho CBQL, GV chủ chốt của trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN. Sau tập huấn thống nhất cấp Bộ, từng trung tâm, khoa, tổ bộ môn xây dựng kế hoạch và tiến hành tập huấn cho CBQL, GV cấp mình với những nội dung đã được tập huấn và bổ sung những phần nhiệm vụ của cơ sở ĐT có liên quan tới nhiệm vụ;

- Tập huấn phải được chuẩn bị chu đáo, nội dung thiết thực, sau tập huấn phải được tiến hành kiểm tra, đánh giá, nhằm uốn nắn, bổ sung kịp thời;

- Xuất phát từ mối quan hệ hữu cơ giữa hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; để có nhận thức đúng đắn về củng cố QP-AN nói chung và GDQP-AN cho mọi đối tượng nói riêng, trong đó HS,SV là lực lượng đông đảo và trí thức.

- Đánh giá về thực hiện nhiệm vụ GDQP-AN toàn dân trong những năm qua, Chỉ thị của Bộ Chính trị BCHTU Đảng khoá VIII đã nêu: Những năm qua cán bộ ban, ngành ở Trung ương, cấp uỷ, chính quyền các cấp, các học viện nhà trường đã triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết (về tăng cường công tác GDQP-AN, chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc) “đã đạt được kết quả góp phần tăng cường và củng cố tiềm lực quốc phòng của đất nước. Tuy nhiên một số cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các cấp các ngành nhận thức chưa thật đầy đủ và sâu sắc về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giáo dục quốc phòng toàn dân”.

- Trong sự nghiệp đổi mới đất nước và đổi mới GD, Ngành GDĐT đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn để thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước và của ngành về GDQP-AN cho HS,SV. Chất lượng GDQP-AN cho HS,SV từng bước được nâng cao và đi vào nền nếp. Cùng với nhiệm vụ GDQP-AN cho HS,SV, Ngành đã tuyển chọn hàng vạn SV tốt nghiệp ĐH đi đào tạo sĩ quan dự bị. Đã có hàng ngàn SV tốt nghiệp sĩ quan dự bị trực tiếp tham gia phục vụ quân đội. GDQP-AN ngày càng khẳng định vị trí quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu cơ bản của GD “Xây dựng những con người và thế hệ tha thiết gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN”.

Tuy nhiên, việc thực hiện GDQP-AN cho HS,SV trong các nhà trường hiện nay còn những hạn chế nhất định, chưa đáp ứng được nhu cầu đề ra. Thực trạng đó có nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu và trước hết là do nhận thức về nhiệm vụ QP, AN nói chung, môn GDQP-AN nói riêng của một số cán bộ còn đơn giản, đôi lúc còn xem nhẹ, trách nhiệm của các cấp lãnh đạo chưa thực sự được đề cao, việc quán triệt cho cán bộ, GV, HS,SV về vai trò, vị trí của môn GDQP-AN chưa tốt. Qua khảo sát một bộ phận không nhỏ cán bộ quản lí, chỉ đạo và GV GDQP-AN chưa nhận thức đầy đủ về nhiệm vụ phát triển đội ngũ

này. Nguyên nhân có nhiều nhưng trong đó cần lưu ý những mặt trái của cơ chế thị trường có ảnh hưởng trực tiếp đến nhiệm vụ GDQP-AN cho HS,SV và phát triển đội ngũ GV chuyên trách. Có một số cơ quan chuyên môn và nhà trường chỉ quan tâm đến lợi ích trước mắt, thậm chí coi GDQP-AN không phải là nhiệm vụ của mình mà nhiệm vụ đó thuộc Bộ QP, Bộ CA. Hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để thực hiện nhiệm vụ GDQP-AN cho đến nay đã khá đầy đủ. Tuy nhiên nguồn kinh phí, cơ chế bảo đảm và khả năng thực thi các chính sách về GDQP-AN còn thiếu thống nhất và chưa được quan tâm, làm cho đội ngũ CBQL và GV không thiết tha với nhiệm vụ. Chính vì vậy cùng với việc nâng cao ý thức trách nhiệm cho các cấp lãnh đạo, quản lý và giảng viên phải ban hành đồng bộ các chính sách và cơ chế bảo đảm phù hợp.

Bộ Chính trị yêu cầu: “Chính phủ chỉ đạo Bộ QP, Bộ GDĐT, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính phối hợp hướng dẫn và giải thích những vướng mắc về GDQP -AN toàn dân trong HS,SV nhất là biên chế GV và các quy định, chế độ học tập, bảo đảm CSVC cần thiết cho công tác giảng dạy và học tập”.

Giáo dục quốc phòng-an ninh trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đang bước sang giai đoạn mới và đã trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của toàn Đảng toàn dân. Thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị và nghị định của Chính phủ, Hội đồng GDQP-AN Trung ương đã được thành lập do một Phó Thủ tướng Chính phủ trực tiếp làm Chủ tịch. Tất cả cán bộ chủ trì, công chức viên chức từ Trung ương đến xã (phường) đều phải học GDQP-AN theo quy định. Hội đồng GDQP-AN Trung ương chỉ đạo trực tiếp các bộ, ngành, các hội đồng, quân khu, tỉnh (thành phố) thực hiện các nhiệm vụ về GDQP-AN theo phân cấp và GDQP-AN toàn dân trên hệ thống thông tin đại chúng. Đây là những điều kiện thuận lợi cơ bản trong việc tăng cường nhận thức thực hiện các nhiệm vụ công tác QP, QS và GDQP-AN trong Ngành GDĐT...

Bộ GDĐT chỉ đạo cơ quan, đơn vị, nhà trường trong Ngành GDĐT về cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng kiến thức GDQP-AN. Ngoài việc học tập trung,

chính quy cần duy trì học tập tại chức qua báo cáo viên hoặc văn bản hướng dẫn phù hợp với đặc thù của Ngành, để nâng cao nhận thức GDQP-AN cho VBQL, GV và HS,SV. Trên cơ sở nhận thức đầy đủ về nhiệm vụ, lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch giai đoạn, đẩy nhanh việc thực hiện nhiệm vụ ĐT chính quy, bồi dưỡng GV GDQP-AN đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của sự nghiệp GD và bảo vệ Tổ quốc.

### **c) Điều kiện thực hiện**

- Quan tâm đúng mức đến đội ngũ cán bộ làm công tác GDQP-AN, tạo điều kiện về vật chất và tinh thần để đội ngũ này hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng kế hoạch kinh phí cho công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng theo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tài chính về công tác GDQP-AN tại các bộ, ngành và địa phương.

### **3.3.2. Đổi mới công tác quản lý nội dung chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh mới**

#### **a) Mục đích**

Nội dung chương trình là khâu quan trọng có ý nghĩa quyết định đến chất lượng GDĐT. Quản lý nội dung chương trình là quản lý các khâu, các bước xây dựng, thiết kế nội dung chương trình và tổ chức, điều khiển quá trình triển khai thực hiện chương trình đó trong thực tiễn. Đổi mới quản lý nội dung chương trình GDQP-AN cho SV nhằm mục đích chuẩn hoá, hiện đại hoá nội dung chương trình đáp ứng nhiệm vụ trước mắt cũng như yêu cầu lâu dài của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

#### **b) Nội dung**

- Đẩy mạnh xây dựng và thực hiện tốt Chương trình số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007; biên soạn và xuất bản giáo trình GDQP-AN trình độ CĐ, ĐH; phân đầu tất cả các học phần đều có giáo trình và tài liệu dạy, học bảo

đảm yêu cầu liên thông và theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và tiếp cận trình độ chung của thế giới.

- Tổ chức chỉ đạo, tập huấn quán triệt chương trình mới; tạo điều kiện CSVC để thực hiện chương trình mới; thường xuyên kiểm tra đánh giá;

- Gắn việc đổi mới nội dung chương trình với đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập. Phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của HS,SV. Bảo đảm yêu cầu về thực hành; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; tích cực ứng dụng CNTT trong hoạt động GDĐT;

- Tăng cường GD chính trị-tư tưởng, đạo đức cho HS,SV thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 23/CT-TU của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh nghiên cứu-tuyên truyền GD tư tưởng Hồ Chí Minh. Tạo chuyển biến rõ rệt về GD thể chất, GD thẩm mỹ, GDQP-AN, GD hoà nhập trẻ khuyết tật. Tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa; tạo điều kiện hơn nữa để HS,SV phát triển toàn diện.

### ***c) Điều kiện thực hiện***

- Đổi mới nội dung chương trình GDQP-AN cho SV phải được tiến hành đồng bộ với đổi mới các thành tố khác trong hệ thống GDĐT.

- Đổi mới nội dung chương trình GDQP-AN cho SV phải được tiến hành thống nhất trong tổng thể nội dung chương trình DT của nhà trường.

- Đổi mới nội dung chương trình GDQP-AN cho SV phải được sự phối hợp thống nhất giữa Bộ QP, Bộ CA với Bộ GDĐT.

- Bảo đảm kinh phí cho công tác đổi mới nội dung chương trình dạy học GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong bối cảnh mới.

### **3.3.3. Quản lý phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên giáo dục quốc phòng-an ninh**

#### ***a) Mục đích***

Con người nói chung và đội ngũ nói riêng luôn là vốn quý nhất, là nhân tố quan trọng, quyết định tới mọi công việc. Trong một tổ chức nếu có con người tốt, đội ngũ tốt thì mới đưa công việc tới hiệu quả. Mục đích chính của quản lý

phát triển đội ngũ CBQL, GV là kế hoạch hoá việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, GV đảm bảo cho đội ngũ đó đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ GDQP -AN trong tình hình mới.

***b) Nội dung***

- Bố trí, sắp xếp, thuyên chuyển CBQL, GV đạt tiêu chuẩn từng chức danh theo qui định bảo đảm đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, hợp lý về cơ cấu;
- Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ cho CBQL, GV;
- Tổ chức thực hiện tốt các chế độ chính sách, thường xuyên quan tâm chăm lo đội ngũ này;
- Rà soát các quy định, chế độ hiện hành, bổ sung hoặc điều chỉnh kịp thời những điểm còn khiếm khuyết chưa phù hợp;

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 BCHTU Đảng (khoá VIII) đã xác định: “GV là nhân tố quyết định chất lượng của GD”, “Chỉ thị 15/1999 của Bộ trưởng Bộ GDĐT tạo khẳng định: GV có vai trò quyết định đối với tất cả những đổi mới về nội dung chương trình, phương pháp ở tất cả các môn học, bậc học. Nhà giáo giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức, điều khiển, định hướng quá trình dạy học, còn người học giữ vai trò chủ động trong quá trình học tập và tham gia nghiên cứu khoa học”.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001 -2010 xác định: “Phát triển đội ngũ GV, coi trọng chất lượng và đạo đức sư phạm, cải thiện chế độ đãi ngộ. Bảo đảm về cơ bản đội ngũ GV đạt chuẩn quốc gia và tỷ lệ GV so với HS theo yêu cầu của từng cấp học. Có cơ chế chính sách bảo đảm đủ GV cho các vùng miền núi cao, hải đảo”. Xây dựng phát triển đội ngũ GV GDQP-AN là một yêu cầu khách quan trong GDĐT.

Cán bộ quản lí, GV GDQP-AN trong thành phần cơ cấu đội ngũ GV của Ngành GDĐT giữ vai trò quyết định đến chất lượng GDQP -AN cho SV. Chỉ thị 62-CT/TU của Bộ Chính trị đã nhấn mạnh: “GDQP-AN phải được chỉ đạo, tổ



chức thực hiện thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Chú trọng GD tri thức, tri thức và kỹ năng QS cần thiết cho toàn dân, kết hợp GD lý thuyết với thực hành... GDQP-AN trong HS,SV, nhất là biên chế GV và các quy định chế độ học tập, bảo đảm CSVC cho công tác dạy và học tập”. Tiếp đó Chính phủ ban hành Nghị định về GDQP-AN, khẳng định: “GDQP-AN là môn học chính khoá trong các trường, lớp ĐT trình độ ĐH, CĐ, TCCN, DN và cấp THPT thuộc hệ thống GD quốc dân; các trường chính trị, hành chính, đoàn thể”. Bộ GDĐT có trách nhiệm: “Chủ trì, phối hợp với các Bộ và cơ quan liên quan quy định chức danh, biên chế GV, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sử dụng và chế độ chính sách đối với CBQL, GV GDQP-AN tại cơ quan Bộ, các sở GDĐT và các trường thuộc các ngành quản lý”. Nhận thức rõ tầm quan trọng và nhu cầu bức xúc về GV GDQP-AN trong cơ cấu phát triển GV hiện nay, Bộ GDĐT đã có nhiều văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức ĐT, bồi dưỡng GV GDQP-AN trong Ngành. Bằng các biện pháp cụ thể, phối hợp chặt chẽ với các nhà trường quân đội, các cơ quan quân sự địa phương, Bộ trưởng yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các cơ sở GDĐT trong Ngành “đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ ĐT chính quy, bồi dưỡng GV để từng bước đáp ứng đủ GV GDQP-AN cho các TT, khoa, Bộ môn GDQP-AN và các cơ sở GDQP-AN. Sớm ban hành các văn bản quy định cụ thể về chức danh, biên chế GV dạy môn GDQP-AN, các văn bản quy định chế độ, chính sách đối với CBQL, GV GDQP-AN”.

Xác định GV GDQP-AN thuộc một trong bảy loại hình GV cần được ưu tiên ĐT đã thể hiện vị trí của đội ngũ GV GDQP-AN là không thể thiếu trong tổ chức, biên chế đội ngũ GV, cán bộ giảng dạy ở các nhà trường. Ngoài chức năng nhiệm vụ nghiên cứu, giảng dạy của GV, GV GDQP-AN có thể kiêm nhiệm công tác QP, QS địa phương ở cơ quan, nhà trường; giúp lãnh đạo cơ quan, hiệu trưởng về chỉ đạo và tổ chức thực hiện các mặt công tác QP, QS địa phương theo Nghị định 119/2004/NĐ-CP ngày 11/5/2004 của Chính phủ. Giáo viên GDQP-AN có thể chủ trì hoặc phối hợp hướng dẫn, tổ chức thi đấu các môn

thể thao QP trong HS,SV. Giảng viên GDQP-AN là người trực tiếp thực hiện kế hoạch giảng dạy môn học, là một trong hai quá trình không thể thiếu trong quy trình GDĐT của người dạy, người học; một trong những nhân tố quyết định đến chất lượng và hiệu quả môn GDQP -AN.

Thực tế hơn 50 năm, kể từ khi chương trình GDQP được đưa vào trường học đến nay, vấn đề đội ngũ GV GDQP-AN chưa được quan tâm một cách nghiêm túc và đầy đủ. Nghị quyết BCH TƯ II xác định: “GV là nhân tố quyết định GD” và đội ngũ GV là lực lượng chủ yếu biến các mục tiêu G D thành hiện thực. Tuy nhiên vấn đề đào tạo GV GDQP-AN cũng mới chỉ được đề cập cho các trường THPT và TCCN và TCN. Trong khi đặt vấn đề có tính bức xúc về GV GDQP-AN của các trường THPT và TCCN thì vấn đề tạo nguồn đáp ứng yêu cầu GDQP-AN cơ bản ở trình độ ĐH là vấn đề quan trọng và cấp bách.

Bộ GDĐT và các bộ, ngành liên quan cần có giải pháp về đội ngũ GV GDQP-AN cho các trường ĐH, CĐ nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt cũng như nhu cầu lâu dài. Trong điều kiện hiện nay, lực lượng bộ đội thường trực đang giảm dần theo các nước ASEAN, đội ngũ sĩ quan biệt phái thực hiện giảng dạy GDQP-AN trong Ngành GDĐT sẽ giảm và chỉ làm nòng cốt. Giải pháp nào cho tương lai đội ngũ GV GDQP-AN trình độ ĐH, CĐ đang là vấn đề phải được xem xét nghiêm túc trong chiến lược phát triển GDĐT của Chính phủ. Mặt khác GV GDQP-AN tại hầu hết các trường CĐ hiện nay là chấp vá. Trong khi đó, Chính phủ mới phê duyệt đề án ĐT, GV GDQP-AN cho các trường THPT, TCCN và TCN; chưa đề cập tới ĐT ở trình độ CĐ và ĐH.

Theo số liệu thống kê GD năm học 2011- 2012 số SV tuyển mới của cả nước là 256.974 SV, trong đó trung chính quy là 250.197, vừa học vừa làm là 6.650 SV. Theo quy định (Nghị định 15/2001/NĐ-CP của Chính phủ) thì SV tại chức vẫn phải học GDQP-AN. Như vậy nhu cầu đội ngũ GV GDQP-AN các trường CĐ, ĐH không chỉ là 1364 GV (như tính toán trên) mà còn phải cao hơn năm trước (trung bình tăng 5%). Vì vậy đào tạo đội ngũ GV GDQP -AN cần phải

tính toán đầy đủ cho các cấp học, trình độ ĐT cho nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài. Nhiệm vụ GDQP-AN cho HS,SV do Bộ GDĐT quản lí, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cần phải quan tâm đầy đủ và có các giải pháp phát triển đội ngũ GV này.

Nguồn GV GDQP-AN trình độ ĐH trước hết phải là sĩ quan tốt nghiệp các học viện, trường sĩ quan thuộc Bộ QP có trình độ chuyên môn phù hợp, đã có thời gian trực tiếp quản lý, giảng dạy tại các nhà trường quân đội và quân hàm thấp nhất từ đại úy đến trung tá (là phù hợp nhất).

Theo quy định của Chính phủ, đến nay Bộ QP đã biệt phái sang Ngành GDĐT được gần 573 sĩ quan (đạt 22,7%) làm cán bộ quản lí và giảng dạy GDQP-AN cho SV các trường ĐH, CĐ. Từ thực tế trên, đòi hỏi Chính phủ phải có giải pháp thích hợp để phát huy năng lực và hiệu quả của đội ngũ sĩ quan biệt phái, trong điều kiện hiện nay và những năm tiếp theo cho các TT GDQP-AN cho SV đã và đang hoạt động có hiệu quả. Tuy nhiên, trong 32 TT GDQP-AN đến nay mới có 8 trung tâm đi vào hoạt động với lưu lượng hàng năm trên 22.1500 SV/năm. Các TT GDQP-AN này chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn, địa bàn trọng điểm giảng dạy cho SV các trường ĐH trên địa bàn và một phần SV của các trường CĐ và HS trường TCCN trên cùng địa bàn. Để nâng cao hiệu quả tại các TT GDQP-AN, Bộ GDĐT cùng Bộ QP và các bộ, ngành liên quan cần phối hợp xây dựng đề án trình Chính phủ phê duyệt mạng lưới TT GDQP-AN trong phạm vi cả nước phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ GDQP-AN cho HS,SV và quy hoạch mạng các trường ĐH giai đoạn 2010-2020 và những năm tiếp theo.

Trước mắt, nguồn GV GDQP-AN là sĩ quan do Bộ QP biệt phái sang Ngành GDĐT vẫn đóng vai trò quan trọng và quyết định trong giảng dạy. Để phát triển cơ bản, lâu dài, Bộ QP và Bộ GDĐT cùng các bộ, ngành liên quan cần quy định tổ chức, biên chế, chức danh trên quân hàm CBQL, GV các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN và có kế hoạch ĐT cơ bản đội ngũ GV GDQP-AN đạt

chuẩn, có như vậy chất lượng môn học mới được bảo đảm và đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài một cách cơ bản.

Mặt khác, nguồn GV GDQP-AN có thể từ sĩ quan chuyên ngành khi Chính phủ có chủ trương và được sự đồng thuận của Bộ QP và Bộ GDĐT; ưu tiên tuyển dụng những sĩ quan biệt phái hiện đang giảng dạy tại các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN, có trình độ, độ tuổi phù hợp và tự nguyện phục vụ trong Ngành GDĐT, yên tâm công tác, yêu ngành, yêu nghề. Bên cạnh đó Ngành GDĐT cần phải có cơ chế chính sách phù hợp để thu hút đội ngũ giảng viên đã có kinh nghiệm này.

### ***c) Điều kiện thực hiện***

Bộ GDĐT phối hợp với Bộ QP cùng các bộ, ngành liên quan mở mã ngành ĐT GV GDQP-AN cho các trường CĐ, ĐH tại một số trường ĐH sư phạm (đào tạo giai đoạn 1) và học viện, trường sĩ quan (đào tạo giai đoạn 2); nguồn tuyển sinh là SV tốt nghiệp các trường ĐH đào tạo thêm 2 năm được cấp bằng ĐH chính quy thứ 2 (GDQP-AN); đội ngũ này chuyên trách giảng dạy GDQP-AN và làm công tác QP, QS địa phương tại các nhà trường.

## **3.3.4. Thường xuyên cải tiến phương pháp và hình thức tổ chức dạy học giáo dục quốc phòng-an ninh, kích thích tính tích cực hoạt động nhận thức của sinh viên**

### ***a) Mục đích***

Phương pháp và hình thức tổ chức GDQP-AN là cách thức phối hợp hoạt động dạy của GV và hoạt động học của SV, đồng thời là cách thức tổ chức tiến hành các buổi học. Đây là khâu quan trọng có ý nghĩa quyết định trong việc chuyển tải nội dung môn học đến với SV nhằm thực hiện các mục tiêu dạy học. Thực tiễn dạy học đã chứng minh rằng, đôi khi có mục tiêu và nội dung dạy học tốt, người dạy và người học đều tích cực, nhưng do phương pháp và hình thức tổ chức các buổi học không phù hợp cho nên kết quả dạy học không đạt được như mong muốn.

Cải tiến phương pháp và hình thức tổ chức GDQP-AN nhằm mục đích chuẩn hóa, hiện đại hóa phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn GDQP-AN, tạo ra sự đồng bộ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kích thích tính tích cực hoạt động nhận thức của SV, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả GDQP-AN, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

### ***b) Nội dung***

- Cải tiến phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn GDQP-AN là quá trình bổ sung, phát triển làm cho phương pháp và hình thức tổ chức dạy học bộ môn này ngày càng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn QP-AN trong tình hình mới. Cải tiến theo nghĩa rộng nhất bao gồm cả hoàn thiện về lý thuyết và hoàn thiện về kỹ năng thực hành các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

- *Cải tiến phương pháp dạy.* Phương pháp dạy là cách thức tác động của GV đến quá trình nhận thức của SV nhằm tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức của SV đạt được các mục tiêu nhiệm vụ dạy học đã xác định. Để nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động dạy phải thường xuyên cải tiến, đổi mới phương pháp dạy. Phương pháp dạy của GV không phải hình thành tự phát mà được hình thành một cách có chủ định, có ý thức, có tổ chức. Về phương diện quản lý phải có kế hoạch, biện pháp hoàn thiện phương pháp dạy cho GV.

Phương pháp giảng dạy môn GDQP-AN luôn bị biến động theo sự biến động của mục tiêu QP-AN của quốc gia trong từng giai đoạn, theo sự phát triển của lí luận và thực tiễn QP-AN, theo điều kiện sự phạm cụ thể. Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, các chính sách QP-AN trên nhiều khu vực đang là vấn đề có tính thời sự, vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật, chiến lược, sách lược QS, QP thường xuyên biến động khó lường. Điều đó đã tác động trực tiếp đến quá trình giảng dạy môn GDQP-AN cho SV. Vì vậy cải tiến phương pháp dạy là một yêu cầu thường xuyên trong giảng dạy môn GDQP-AN.

Trước hết, phải tạo điều kiện để mọi GV giảng dạy môn GDQP-AN nắm được những phương pháp giảng dạy cơ bản, hiểu được nguồn gốc lý thuyết của phương pháp dạy học và biết sử dụng thành thạo các phương pháp đó trong thực tiễn nghề nghiệp sư phạm. Trên cơ sở các phương pháp giảng dạy cơ bản, tiếp tục định hướng tạo điều kiện để các GV đi sâu vào phương pháp giảng dạy môn GDQP-AN.

Con đường cải tiến phương pháp giảng dạy môn GDQP-AN là thông qua tổ chức các loại hình hoạt động sư phạm có mục đích, có tổ chức của các cơ quan chức năng quản lý GDĐT. Nghĩa là, các cơ quan chức năng phải xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức các hoạt động hoàn thiện phương pháp giảng dạy cho đội ngũ GV GDQP-AN. Đây là con đường quan trọng nhất. Phải kết hợp giữa các hoạt động tổ chức cải tiến của các cơ quan chức năng quản lý với tự cải tiến của cá nhân, biến quá trình cải tiến của cơ quan chức năng quản lý thành quá trình tự cải tiến hoàn thiện của cá nhân.

- *Cải tiến phương pháp học*. Đặc điểm chung của SV là ít tiếp xúc với lĩnh vực QS, QP, AN. Bước vào học tập GDQP-AN họ thường mang theo thói quen của phương pháp học tập các môn khác trong trường ĐH. Vì vậy phải làm cho SV ý thức được tính nghiêm túc của kỷ luật QS, tính nghiêm khắc của phương pháp học tập GDQP-AN. Học tập môn học này đòi hỏi SV thường xuyên phải huy động cao độ tinh thần, thể lực, ý chí và trí tuệ. Phương pháp học tập GDQP-AN không giống như học văn, học toán để làm sai có thể xé đi làm lại, không giống như thi đấu thể dục thể thao thất bại có thể phục thù. Học môn có vũ khí QP không được phép sai sót, bởi vì sai sót có thể phải trả giá bằng máu và tính mạng, không có cơ hội để phục thù hay làm lại. Kết quả học tập các môn học này không phải chỉ được tính bằng điểm số về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà còn phải được đo bằng bản lĩnh của người chiến sĩ. Đây là những đòi hỏi rất khó khăn đối với các SV. Bản lĩnh QS thiếu vững vàng và tâm lý căng thẳng trong học tập có thể làm cho tính tích cực học tập của một bộ phận SV bị mai một, kết

quả học tập không cao. Vì vậy cải tiến phương pháp học cho SV là một đòi hỏi khách quan.

Sinh viên học tập môn GDQP-AN chỉ trong khoảng thời gian ngắn, việc cải tiến phương pháp học chỉ đặt ra ở mức độ nhất định. Mục đích của cải tiến là làm cho SV biết cách học và hứng thú học tập bộ môn này. Đồng thời với quá trình giảng dạy các nội dung của môn học, đòi hỏi GV phải dạy cho SV phương pháp học tập đặc thù của bộ môn. Có thể tổ chức nói chuyện phương pháp hoặc phổ biến phương pháp học cho SV ngay từ trước khi bước vào học nội dung môn học. Cũng có thể xen kẽ quá trình học tập phải rút kinh nghiệm về phương pháp học.

- *Cải tiến hình thức tổ chức dạy học môn GDQP-AN.* GDQP-AN là môn học vừa có mục tiêu trang bị cho SV kiến thức về QP-AN, vừa có mục tiêu GD tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ Tổ quốc cho thế hệ trẻ. Mục tiêu và tính chất của môn học đặt ra yêu cầu phải có nhiều hình thức tổ chức DH và GD đa dạng. Phải xây dựng được các hình thức tổ chức dạy học nhằm tác động vào nhận thức, nâng cao trình độ kiến thức hiểu biết, đồng thời phải có các hình thức tổ chức huấn luyện kỹ năng, kỹ xảo thực hành các động tác, các yếu lĩnh QS theo quy trình công nghệ xác định và phải có các hình thức tổ chức DH nhằm GD những phẩm chất riêng của lĩnh vực hoạt động QS, QP, AN.

Cải tiến các hình thức tổ chức DH môn GDQP-AN cho SV là một quá trình lâu dài, phải xây dựng được hệ thống các hình thức tổ chức DH thích hợp với môn học, đồng thời phải sắp xếp các hình thức tổ chức đó sao cho phù hợp với logic nhận thức, logic phát triển các phẩm chất của SV trong quá trình học tập.

Đặc biệt, cải tiến hình thức tổ chức dạy học môn GDQP-AN cho SV là phải thiết kế được các hình thức tổ chức DH phù hợp với đặc điểm nghề nghiệp tương lai của SV. SV có những đặc điểm chung đồng thời lại có đặc điểm riêng của từng ngành học. Đào tạo ở các trường ĐH là đào tạo chuyên gia theo một

ngành nghề cụ thể. Mỗi ngành nghề đó có những đặc điểm riêng, có yêu cầu riêng. Nếu các hình thức tổ chức DH phù hợp với đặc điểm nghề nghiệp tương lai của SV thì sẽ tạo cho họ biết ứng dụng kiến thức QP-AN vào lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp của bản thân.

***c) Cách thức tổ chức và điều kiện thực hiện***

- Nghiên cứu xây dựng những phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mang tính đặc trưng của môn GDQP-AN. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn GDQP-AN có những yêu cầu riêng, không giống với phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mà SV đã biết trong các trường ĐH. Thiết kế các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phải bám sát tính chất, đặc điểm của môn học, bám sát thực tiễn tình hình, nhiệm vụ QP-AN của quốc gia trong thời kỳ mới.

- Tổ chức tập huấn nâng cao trình độ phương pháp giảng dạy bộ môn cho đội ngũ GV GDQP-AN. Đặc điểm chung của đội ngũ GV GDQP-AN là thường được tuyển chọn từ những ngành nghề khác nhau, trình độ sử dụng phương pháp giảng dạy bộ môn thường chưa đạt chuẩn quy định. Vì vậy việc tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ sử dụng phương pháp và hình thức tổ chức DH bộ môn là một yêu cầu tất yếu. Các cơ quan quản lý cần phải có kế hoạch mang tính tổng thể, dài hạn cho việc tập huấn, bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng sử dụng phương pháp và hình thức tổ chức DH. Kết hợp tập huấn, bồi dưỡng với ĐT chuẩn hóa đội ngũ GV.

- Coi trọng kinh nghiệm truyền thống, coi trọng DH thực hành. Trong khi thực hiện đa dạng hóa phương pháp và các hình thức tổ chức DH môn GDQP-AN cần phải chú trọng phương châm “Coi trọng kinh nghiệm truyền thống, coi trọng DH thực hành”. GDQP-AN là môn học vừa có tính lý thuyết vừa có tính thực tiễn, trong đó tính thực tiễn thường trội hơn lý thuyết. Nhiều nội dung GDQP-AN đòi hỏi phải dựa trên kinh nghiệm truyền thống, bắt buộc phải rèn luyện trong thực tiễn, trên thao trường, bãi tập.



Về phương diện quản lý, phải tổ chức khai thác kinh nghiệm truyền thống của dân tộc, kinh nghiệm cá nhân của những thế hệ đi trước về phương pháp và hình thức tổ chức thực hành các nội dung QP-AN. Đó là kinh nghiệm xử lý các tình huống QP-AN trong thực tiễn. Thông qua xử lý các tình huống đó mà hình thành cho SV kinh nghiệm, bổ sung kiến thức đã học và rèn luyện bản lĩnh cần thiết trong hoạt động QP-AN.

### **3.3.5. Tăng cường quản lý cơ sở vật chất, phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học giáo dục quốc phòng-an ninh**

#### ***a) Mục đích***

Một trong những yếu tố hết sức quan trọng cùng với việc đổi mới quy trình, chương trình nội dung GDQP-AN là cần phải đầu tư, phát triển phương tiện kỹ thuật DH theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Mục đích phát triển TBDH trong DH GDQP-AN là hỗ trợ cho đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp ĐT nhằm nâng cao chất lượng DH. Phương hướng chung là đầu tư có trọng tâm, trọng điểm trong điều kiện ngân sách nhà nước còn hạn hẹp; kết hợp giữa hiện đại và truyền thống; giữa kế thừa và phát triển để lựa chọn công nghệ hiện đại phù hợp, đạt hiệu quả đầu tư để thật sự góp phần nâng cao chất lượng ĐT. Kiện toàn, phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên quản lý, khai thác, sử dụng TBDH đầy đủ, quản lý thống nhất đạt hiệu quả cao.

#### ***b) Nội dung thực hiện***

*- Nâng cao nhận thức cho các chủ thể về vai trò, tầm quan trọng của thiết bị dạy học hiện đại đối với quá trình dạy học môn GDQP-AN*

Tạo sự thống nhất cao nhận thức về vị trí, vai trò của TBDH đối với việc nâng cao chất lượng dạy học và GD-ĐT. Trên cơ sở nhận thức đúng vị trí, vai trò và nội dung yêu cầu công tác phát triển TBDH, cấp ủy đảng các cấp, người chỉ huy và các cơ quan chức năng ở các nhà trường, các TT GDQP-AN phải không ngừng phát huy trách nhiệm của mình trong việc đầu tư, phát triển TBDH. Các cấp ủy Đảng phải có nghị quyết chuyên đề về đầu tư, trang bị

TBDH phục vụ cho quá trình DH GDQP-AN, cần đánh giá khách quan việc quản lý, khai thác, sử dụng các TBDH hiện có, chỉ ra những điểm đạt được và những hạn chế thiếu sót, khuyết điểm còn tồn tại, tìm ra những nguyên nhân khách quan, chủ quan, rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác đầu tư phát triển và quản lý TBDH của nhà trường. Trên cơ sở đó đề ra các chủ trương, biện pháp phát triển TBDH những năm tiếp theo được hợp lý và hiệu quả.

Ban Giám đốc các trung tâm và chỉ huy các cơ quan, khoa GV, đơn vị quản lý trên cơ sở nghị quyết của Đảng uỷ và cấp uỷ các cấp, cụ thể hoá thành chương trình, kế hoạch thực hiện cụ thể.

Đối với các cơ quan chức năng, phải không ngừng nâng cao năng lực tham mưu cho Đảng uỷ nhà trường, Ban giám đốc và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển TBDH. Từ việc quy hoạch, xây dựng, đầu tư, quản lý và công tác ĐT bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên trong bảo quản, khai thác, sử dụng.

Đối với đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên phải luôn nhận thức sâu sắc vai trò, tầm quan trọng của các TBDH phục vụ cho việc nâng cao chất lượng DH GDQP-AN, đề cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác trong quản lý, khai thác, sử dụng và bảo quản; phát huy sáng kiến, cải tiến nâng cao hiệu xuất và hiệu quả sử dụng các TBDH.

*- Kế hoạch hóa việc đầu tư, xây dựng thiết bị dạy học hiện đại một cách khoa học, phù hợp với nhiệm vụ GDQP- AN trong tình hình mới*

Kế hoạch hóa việc đầu tư, phát triển TBDH là biện pháp then chốt mang tính quyết định trong nhóm biện pháp quản lý TBDH. Để kế hoạch được hiện thực hóa phải luôn coi trọng khâu tổ chức chỉ đạo thực hiện một cách khoa học, hợp lý.

Về phương diện quản lý, phải thành lập hội đồng, bố trí nhân lực, phân công trách nhiệm của các thành viên vào các vị trí chức năng, nhằm tổ chức thực

hiện tốt kế hoạch đã đề ra. Phải xây dựng các tiêu chí, chuẩn phương tiện và chuẩn danh mục phương tiện để định hướng cho nội dung đầu tư, xây dựng các TBDH phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ của các nhà trường, các khoa và các TT GDQP-AN. Phải làm tốt công tác dự báo quy mô đào tạo; dự báo sự phát triển của mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp DH. Đây là một yếu tố quan trọng, nếu sát, đúng sẽ góp phần cho công tác bảo đảm TBDH đi trước một bước, đi tắt đón đầu các công nghệ tiên tiến hiện đại. Phát triển TBDH phải đặt trong mối quan hệ biện chứng và phù hợp với sự phát triển của các thành tố khác trong quá trình DH. Trong đó, quan trọng nhất là phát triển TBDH phải phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp dạy và học; phù hợp với trình độ năng lực của đội ngũ GV và học viên. Nâng cao chất lượng thu thập thông tin, chủ động mua sắm các phần mềm dạy học thích hợp, tiến tới xây dựng các phần mềm chuyên biệt phục vụ cho GDQP-AN. Huy động và quản lý tốt nguồn tài chính cho hoạt động đầu tư, mua sắm TBDH. Thường xuyên thực hiện tốt công tác thanh, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư, mua sắm và thanh lý TBDH, đảm bảo cho kế hoạch được thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả cao; góp phần nâng cao tính hiệu quả trong quản lý, khai thác và sử dụng TBDH hiện đại.

*- Thường xuyên bồi dưỡng năng lực khai thác, sử dụng và ứng dụng CNTT trong quản lý TBDH hiện đại cho các chủ thể quản lý*

Các nhà trường, các khoa, TT GDQP-AN cần thường xuyên làm tốt công tác bồi dưỡng năng lực khai thác, sử dụng có hiệu quả TBDH vào quá trình dạy học cho đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên. Có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng định kỳ kỹ năng khai thác và sử dụng TBDH phù hợp với điều kiện cụ thể. Phối kết hợp chặt chẽ với việc gửi cán bộ, GV đi đào tạo bồi dưỡng tại các cơ sở chính quy.

Tích cực ứng dụng CNTT trong quản lý TBDH hiện đại. Tăng cường hiệu quả quản lý TBDH bằng cách xây dựng phần mềm quản lý nhằm giảm thiểu những hạn chế và sai sót do quản lý thủ công, với tất cả các dữ liệu, chính xác,

kip thời, hiệu quả, phục vụ thông tin cho lãnh đạo một cách chính xác và nhanh nhất. Hoàn chỉnh hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung để đảm bảo triển khai tốt các chức năng của hệ thống phần mềm trong hệ thống GDQP-AN toàn quốc, bảo đảm sự thống nhất giữa các cơ quan, các khoa, TT GDQP-AN. Xây dựng hệ thống các loại mã số hoá trang bị, CBQL, nhân viên chuyên môn; để có thể cập nhật các thông tin vào phần mềm một cách nhanh chóng thuận tiện. Triển khai phổ biến và học tập sử dụng phần mềm trong toàn thể đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên nhằm giúp cho từng người hiểu và nắm bắt được tính năng, tác dụng và lợi ích do phần mềm mang lại.

*- Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư, trang bị của trên với tinh thần tự lực xây dựng, cải tiến và sáng chế các TBDH hiện đại của các cơ sở*

Đây là biện pháp nhằm bảo đảm sự phát triển các TBDH nhanh, vững chắc, hiệu quả; phát huy tính tự chủ và tiềm năng tại chỗ của các cơ sở GDQP-AN, khắc phục tình trạng bị động, chờ đợi trong công tác bảo đảm TBDH phục vụ cho quá trình DH.

Phải tăng cường nâng cao nhận thức cho các chủ thể quản lý về tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục mọi khó khăn về nguồn lực để đảm bảo tự trang bị, mua sắm các TBDH, phục vụ cho nhiệm vụ GDQP-AN. Phải thiết lập các thủ tục hành chính thuận lợi cho việc huy động các nguồn lực tại chỗ, nâng cao tính tự chủ về tài chính, có kế hoạch ưu tiên nguồn kinh phí cho việc mua sắm, bổ sung các TBDH. Có chính sách thích hợp, tạo điều kiện cho các khoa, trung tâm tự trang bị các phương tiện kỹ thuật phục vụ cho quá trình DH theo yêu cầu nhiệm vụ. Tổ chức tốt các hoạt động nghiên cứu sáng kiến, cải tiến, sản xuất TBDH. Thường xuyên tổ chức các cuộc thi tự cải tiến, sáng chế các phương tiện kỹ thuật dạy học gắn với các phong trào thi đua để khích lệ, động viên mọi người cùng tham gia, tạo cơ hội để mọi người kiểm nghiệm và phát huy năng lực của bản thân. Xây dựng các quy định và chính sách cụ thể khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, GV và nhân viên cả về mặt vật chất lẫn tinh thần trong nghiên cứu, cải tiến,

sáng chế phương tiện kỹ thuật DH phục vụ nhiệm vụ DH và quản lý ĐT. Làm tốt công tác sơ tổng kết rút kinh nghiệm, khen thưởng, động viên kịp thời; phổ biến, nhân rộng các điển hình tiên tiến có thành tích cao trong cải tiến, sáng chế các TBDH phục vụ hiệu quả quá trình DH.

*- Xây dựng các chế định và phát huy trách nhiệm của các chủ thể trong quản lý, khai thác, sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng TBDH hiện đại*

Một trong những nội dung quản lý là phải xây dựng được hệ thống các quy chế, quy định mang tính pháp lý cao về quản lý, đầu tư, khai thác, sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng các TBDH, nhằm tạo sự thống nhất trong tất cả các khâu, các bước của hoạt động quản lý, là căn cứ để xử lý hành chính đối với những hiện tượng sai phạm trong quản lý, đầu tư, khai thác, sử dụng TBDH.

Phải thường xuyên làm tốt công tác giáo dục, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, GV, học viên và nhân viên nhà trường trong quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng TBDH. Phải làm tốt công tác tập huấn, giới thiệu kịp thời các danh mục, phương tiện kỹ thuật hiện đại mới trang bị, tính năng, tác dụng của chúng để giúp các chủ thể nắm chắc cách thức khai thác, sử dụng và bảo quản. Phải có quy chế quy định rõ ràng vừa bắt buộc, vừa khích lệ GV sử dụng TBDH trong các giờ lên lớp, đồng thời sử dụng phải tuân thủ yêu cầu của chương trình kế hoạch đào tạo đã xác định. Chủ thể quản lý cần duy trì thực hiện nghiêm túc các chế độ trong ngày, trong tuần, trong tháng được quy định về bảo trì, bảo dưỡng TBDH. Có chế độ chính sách đãi ngộ hợp lý đối với những người trực tiếp quản lý, bảo quản, bảo dưỡng các TBDH; động viên khuyến khích họ phát huy sáng kiến, đề xuất nhiều giải pháp góp phần nâng cao tuổi thọ và hiệu quả sử dụng các TBDH. Thực hiện tốt việc phân công, phân cấp quản lý, bảo quản bảo dưỡng các TBDH, gắn trách nhiệm đến từng người, từng cơ quan, đơn vị. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá công tác quản lý, bảo trì bảo dưỡng một cách thường xuyên để có biện pháp khắc phục kịp thời những vấn đề còn tồn tại, thiếu sót.

*- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra và đánh giá công tác đầu tư, phát triển, quản lý, khai thác, sử dụng và bảo quản TBDH*

Công tác thanh, kiểm tra công tác đầu tư, phát triển, quản lý, khai thác, sử dụng TBDH là hoạt động xuyên suốt trong cả quá trình quản lý tổng thể, bao gồm việc xác định các tiêu chí đánh giá quá trình phát triển, quản lý và sử dụng TBDH một cách khoa học, toàn diện; xây dựng quy chế hoạt động thanh, kiểm tra; giám sát việc chi tiêu tài chính và đấu thầu trong xây dựng, mua sắm và sửa chữa, thanh lý phương tiện; giám sát việc thực hiện các biện pháp phát triển; đồng thời tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát triển TBDH.

Các cơ quan chức năng có nhiệm vụ tham mưu đề xuất với Đảng uỷ, Ban Giám đốc các trung tâm, các nhà trường ĐH về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, công tác kiểm tra, đánh giá, thẩm định mọi hoạt động về đầu tư, phát triển, quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng TBDH. Hướng dẫn, giúp đỡ các cơ sở nắm vững hệ thống văn bản pháp quy về công tác thanh, kiểm tra, đánh giá đã được ban hành; phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ trong quá trình tổ chức thực hiện. Kịp thời phát hiện những hạn chế, bất cập để đề xuất những chủ trương, biện pháp khắc phục kịp thời.

Các tập thể và cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý lĩnh vực đầu tư, mua sắm phải đề cao vai trò, trách nhiệm, phục vụ tốt mọi hoạt động thanh, kiểm tra của các cơ quan chức năng; lắng nghe, tiếp thu mọi ý kiến đóng góp nhằm nâng cao chất lượng đầu tư, phát triển TBDH ngày một tốt hơn, đáp ứng tốt nhất cho quá trình nâng cao chất lượng ĐH của nhà trường. Kiên quyết đấu tranh khắc phục quan điểm, tư tưởng xem nhẹ vai trò của công tác thanh, kiểm tra, đánh giá, quá trình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo dưỡng các TBDH.

### ***c) Điều kiện thực hiện***

Yêu cầu phát triển TBDH hiện đại trong dạy học GDQP-AN phải đảm tính đồng bộ, có kế hoạch khoa học, hợp lý, phù hợp các quy định của Nhà nước và các Bộ ngành liên quan. Phát triển TBDH phải đảm tính hiện đại, tiên tiến,

thực hiện chuẩn hoá, hiện đại hoá trong đổi mới GD. Phát triển TBDH phải đảm bảo tính cơ bản, lâu dài, bền vững. Phát triển TBDH phải đảm tính kế thừa và đi trước đón đầu. Phát triển TBDH phải đảm tính kết hợp trên dưới cùng thực hiện .

Để môn học có đủ vật chất, TBDH cần phải thực hiện tốt các điều kiện sau đây:

- Bộ QP và Bộ GDĐT phối hợp chặt chẽ xây dựng và kiện toàn danh mục vật chất trang bị đối với từng lớp học, từng nhà trường bổ sung vào *Danh mục TBDH* tối thiểu của các cơ sở GDQP-AN. Đồng thời phối hợp chỉ đạo công tác bảo đảm, hướng dẫn các TT GDQP-AN triển khai thực hiện.

- Vũ khí luyện tập phải bảo đảm đầy đủ, đúng chủng loại và chất lượng, tránh tình trạng giờ tập bắn súng và học chiến thuật như những buổi tham quan.

Vì vậy cần phải:

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung Chỉ thị 484/QP ngày 28/11/1991 của Bộ QP về chỉ tiêu bảo đảm súng huấn luyện trên cơ sở tăng thêm súng cho người học. Ngoài cơ quan quân sự địa phương như đã có trong chỉ thị, giao thêm trách nhiệm bảo đảm cho các quân, binh chủng, nhà trường quân đội, đặc biệt là các đơn vị có sĩ quan biệt phái nhằm tăng thêm khả năng bảo đảm vũ khí trang bị huấn luyện cho HS,SV.

- Bộ QP hỗ trợ súng cấp 4 và cắt bỏ với chi phí thấp để các cơ sở GDQP - AN có thể mua làm mô hình, học cụ trong giảng dạy, trong phòng học chuyên dùng hoặc có thể làm súng huấn luyện để tăng thêm thời gian luyện tập của HS,SV.

- Hiện nay tỷ lệ HS,SV được bắn đạn thật rất ít (10%), để tăng tính sinh động và sát dần với thực tế, hai Bộ cần nghiên cứu đầu tư cải tiến và cung cấp máy bắn tập MBT- 03, máy bắn tập laser...

Những điều kiện trên đây nhằm góp phần nâng cao kết quả GDQP-AN cho SV tại các TT GDQP-AN.

### **3.3.6. Hoàn thiện cơ chế quản lý giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên các trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân**

#### ***a) Mục đích***

Hoàn thiện cơ chế quản lý là điều chỉnh, bổ sung, phát triển cơ chế hiện hành làm cho nó đầy đủ hơn, chính xác hơn, hiệu quả tốt hơn, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn GDQP-AN cho SV ở các trường ĐH. Mục đích của giải pháp này là tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước nhằm huy động tốt nhất các lực lượng cùng tham gia, tạo cơ chế phối hợp đồng bộ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả GDQP-AN trong hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta hiện nay luôn được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm.

#### ***b) Nội dung thực hiện***

*- Nâng cao chất lượng trong xây dựng, ban hành hệ thống pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật về GDQP-AN đáp ứng yêu cầu của tình hình mới*

Những năm qua Nhà nước đã ban hành nhiều luật, pháp lệnh như Luật quốc phòng, Luật biên giới quốc gia, Pháp lệnh tổ chức toà án quân sự, Pháp lệnh dự bị động viên, Pháp lệnh dân quân tự vệ, Luật sĩ quan, sửa đổi một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự, các văn bản chỉ đạo GDQP-AN và công tác QP ở các Bộ, Ngành, địa phương... đã tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với lĩnh vực QP, AN nói chung và GDQP-AN nói riêng. Chỉ tính riêng lĩnh vực GDQP-AN, từ năm 2005 đến năm 2012 đã có 43 văn bản quy phạm pháp luật bao gồm các Nghị định, chỉ thị, thông tư liên bộ, hướng dẫn của các cấp. Các văn bản quy phạm pháp luật đó thể hiện sự chỉ đạo, quản lý về mặt nhà nước đối với công tác GDQP-AN, tạo cơ sở pháp lý cho sử dụng, huy động nhân lực, vật lực để tổ chức thực hiện có hiệu quả trong thực tế. Có thể nói, nhờ có hệ thống văn bản đó mà việc triển khai, thực hiện các quan điểm của Đảng ta về GDQP-AN được hiện thực hoá, thể chế hoá và phát huy tác dụng trong thực tiễn.

Tuy nhiên, để đáp ứng tình hình mới của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước vẫn còn những bất cập, do



đó chưa tạo ra được hành lang pháp lý cho các hoạt động GDQP -AN cho SV một cách hiệu quả nhất. Vì vậy, cần phải rà soát lại những văn bản hiện hành, bổ sung những điều còn thiếu, tạo hành lang pháp lý đủ hiệu lực để tổ chức các hoạt động GDQP-AN cho SV có hiệu quả.

Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả vận hành và cơ chế lãnh đạo, quản lý công tác GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân theo hướng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và điều hành nhằm phát huy cao nhất vai trò, trách nhiệm của các bộ phận đối với công tác GDQP-AN. Đó là cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, hội đồng GDQP-AN làm tham mưu, các nhà trường, các TT GDQP-AN trực tiếp giảng dạy GDQP-AN. Trong cơ chế đó, Đảng lãnh đạo trực tiếp và toàn diện công tác GDQP-AN thông qua đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, thông qua hoạt động của Đảng và các đảng viên; thông qua công tác kiểm tra đảng. Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng về công tác GDQP -AN toàn dân, nhà nước trực tiếp tổ chức chỉ đạo triển khai hoạt động GDQP, AN cho các đối tượng thông qua việc ra các quyết định, nghị định, văn bản quy phạm pháp luật; thông qua hoạt động của hệ thống tổ chức của nhà nước từ Trung ương đến cơ sở. trong đó Bộ QP là cơ quan trực tiếp giúp Chính phủ chủ trì và phối hợp với các bộ, ban, ngành, có liên quan chỉ đạo toàn diện hoạt động GDQP -AN cho các đối tượng thông qua hệ thống các cơ quan và cán bộ chuyên trách. Bộ GDĐT trực tiếp chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện toàn diện công tác GDQP -AN ở các cơ sở thuộc ngành. Hội đồng GDQP-AN ở các cấp (Trung ương, quân khu, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, huyện/quận) trực tiếp giúp Thủ tướng Chính phủ, tư lệnh quân khu, chủ tịch tỉnh/thành phố, quận/huyện xem xét, quyết định phương hướng, nhiệm vụ, chương trình kế hoạch hoạt động và công việc quan trọng về GDQP-AN trong nhiệm vụ quyền hạn được giao. Các nhà trường thuộc hệ thống GD quốc dân, Học viện Chính trị hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Quốc phòng, các TT GDQP-AN, các trường QS quân khu,

tỉnh/thành phố, các trường chính trị cấp huyện trực tiếp tổ chức công tác GDQP-AN cho cán bộ, HS,SV theo chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ QP, Bộ GDĐT.

*- Nâng cấp các TT GDQP-AN hiện có và mở rộng mạng lưới cơ sở GDQP-AN trong các nhà trường quân đội.*

Nhằm đáp ứng năng lực GDQP-AN cho HS,SV trong những năm tới, cần nâng cấp các TT GDQP-AN hiện có để tăng quy mô, đồng thời mở rộng mạng lưới cơ sở GDQP-AN tại các nhà trường quân đội, vừa tiết kiệm ngân sách đầu tư xây mới, vừa tận dụng được đội ngũ CBQL, GV, vũ khí trang bị, thao trường bãi tập các nhà trường quân đội, ngày càng nâng cao hiệu quả và chất lượng môn học.

*- Phát huy cao độ vai trò trách nhiệm của các tổ chức chỉ huy, lãnh đạo ở các trung tâm, các khoa GDQP-AN ở các trường ĐH.*

Để phát huy cao vai trò trách nhiệm của các tổ chức chỉ huy, lãnh đạo ở các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN ở các trường ĐH cần phải có cơ chế cụ thể hoá trách nhiệm pháp lí của các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN các trường ĐH. Đồng thời phải tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ quản lí đảm bảo về phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Nâng cao hiệu quả triển khai, thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chủ trương chính sách của Chính phủ về GDQP-AN trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Chính phủ đi vào cuộc sống, phát huy được hiệu quả và được đông đảo các lực lượng đồng tình ủng hộ hay không là tùy thuộc vào hai yếu tố: trước hết là sự đúng đắn của chủ trương, chỉ thị, nghị quyết; tiếp đến là hiệu quả của công tác tổ chức triển khai thực hiện. Để nâng cao hiệu quả của công tác này cần thực hiện tốt các nội dung chủ yếu sau:

Tăng cường và nâng cao chất lượng bồi dưỡng, GDQP-AN cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lí chủ chốt trong hệ thống cơ quan nhà nước, cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lí của các địa phương, các trường ĐH, CĐ, TCCN và THPT. Bởi lẽ, trình độ nhận thức về QP, AN và GDQP-AN của các lực lượng này liên

quan trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của việc triển khai công tác GDQP -AN cho các đối tượng. Trên cơ sở đó làm chuyển biến sâu sắc về nhận thức, quan điểm, trách nhiệm của đội ngũ cấp uỷ viên, cán bộ chủ trì các cấp thuộc quyền đối với nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện công tác GDQP-AN cho cán bộ, HS,SV hiện nay.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức, quản lí, điều hành hoạt động GDQP-AN các cấp. Trong đó, cần chú trọng đến các mặt như: nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Hội đồng GDQP-AN các cấp; rà soát, bố trí đầy đủ và hợp lý đội ngũ cán bộ chuyên trách để quản lí công tác GDQP-AN từ Trung ương đến cơ sở.

*- Tăng cường phối hợp chặt chẽ các lực lượng, tạo ra sự đồng bộ trong quản lý GDQP-AN cho SV.*

Các hoạt động GDQP-AN cho SV liên quan đến nhiều cơ quan chức năng của Trung ương, cũng như của các bộ, ngành và địa phương, huy động nhiều lực lượng tham gia và tác động trên phạm vi rộng. Các văn bản quy phạm pháp luật phải tạo ra sự đồng bộ và nhất quán giữa các bộ, ban, ngành, giữa Trung ương và địa phương trong việc hiểu, quán triệt và triển khai tinh thần của các văn bản chỉ thị, không để gây ra tình trạng lúng túng, chậm trễ trong thực hiện. Sau khi có Luật, hoặc Pháp lệnh rồi cần phải có quy chế tổ chức thực hiện thống nhất, giảm đến mức thấp nhất các văn bản dưới luật ở các Bộ, các Ngành, khắc phục triệt để những bất cập để quyền lực của nhà nước nhanh chóng được thực thi một cách thống nhất.

Nhanh chóng sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Chính phủ và các cơ quan chức năng về GDQP-AN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ GDQP-AN trong bối cảnh mới. Cần khẩn trương rà soát, nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện ở các cấp, các ngành, các địa phương, nhà trường.

Tiếp theo cần rà soát, bổ sung, sửa đổi một số nội dung của đề án xây dựng các TT GDQP-AN theo hướng nâng cấp mở rộng các trung tâm hiện có, thành lập mới các TT GDQP-AN mới tại các trường quân sự quân khu, tỉnh/thành phố trọng điểm. Hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch xây dựng thêm các trung tâm mới, đáp ứng yêu cầu học GDQP-AN của SV trong các trường ĐH, CĐ, TCCN, dạy nghề trước mắt cũng như lâu dài, đáp ứng yêu cầu tăng cường quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong tình hình mới.

Tổ chức nghiên cứu, tổng kết để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản chỉ đạo liên quan đến việc xác định mục tiêu, nội dung chương trình, biên soạn tài liệu về GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân. Các văn bản này cần xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, bộ, ngành, các cấp; đồng thời bảo đảm tính thống nhất và lâu dài trong việc triển khai thực hiện đổi mới, tăng cường quản lí GDQP-AN.

Khẩn trương sửa đổi các văn bản, chỉ thị có liên quan đến đội ngũ GV và các lực lượng tham gia GDQP-AN trong các nhà trường như: quy định về tiêu chuẩn GV GDQP-AN; tổ chức, biên chế CBQL, GV GDQP-AN của các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN, cán bộ thanh tra GDQP-AN ở các sở GDĐT; chế độ ưu đãi đối với GV GDQP-AN; chính sách sử dụng sĩ quan biệt phái; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV GDQP-AN trong các nhà trường.

Sửa đổi, ban hành các văn bản liên quan đến bảo đảm CSVC phục vụ cho dạy và học môn GDQP-AN theo hướng: tăng thêm ngân sách bảo đảm cho đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài liệu, giáo trình, mô hình học cụ, vũ khí, trang bị; mở rộng liên kết giữa các nhà trường, trung tâm với các đơn vị, nhà trường quân đội trong bảo đảm CSVC, vũ khí trang bị cho GDQP-AN. Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến người học như: đối tượng bắt buộc, đối tượng được miễn giảm đối với môn GDQP-AN; chế độ khen thưởng, kỷ luật, đánh giá kết quả học tập môn GDQP-AN cho SV.

- *Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra GDQP-AN trong hệ thống giáo dục quốc dân*

Để tăng cường hiệu lực của công tác thanh tra, kiểm tra công tác GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân, trước mắt cần tập trung làm tốt các biện pháp cơ bản sau:

Kiên toàn lại bộ máy thanh tra, kiểm tra GDQP-AN các cấp theo hướng tinh gọn, có hiệu quả. rà soát lại tổ chức biên chế cơ quan thanh tra, kiểm tra từng cấp, bổ sung, bố trí đủ số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thanh tra, kiểm tra các cấp bảo đảm cho họ đủ sức làm nhiệm vụ. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kiến thức QP, AN, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ thanh tra, kiểm tra.

Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể đối với cơ quan thanh tra, kiểm tra GDQP-AN các cấp từ Trung ương đến địa phương theo hướng phát huy cao độ trách nhiệm và mở rộng quyền hạn của các bộ phận. Hoàn thiện quy chế, phương pháp, tác phong công tác của cán bộ thanh tra; tiêu chuẩn hoá cán bộ thanh tra các cấp.

Đổi mới nội dung, phương pháp thanh tra, kiểm tra công tác GDQP-AN

*Về nội dung thanh tra, kiểm tra phải toàn diện bao gồm:* thanh tra, kiểm tra các nhà trường, các địa phương về tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của cấp trên về việc triển khai và tăng cường công tác GDQP-AN trong tình hình mới; công tác xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình giáo dục của cơ sở ĐT; bảo đảm CSVC cho dạy và học, chất lượng đội ngũ cán bộ, GV; kết quả thi, kiểm tra, đánh giá kết học tập của người học; công tác tài chính. Tuỳ theo nội dung thanh tra, kiểm tra mà thành phần các đoàn thanh tra, kiểm tra có sự bố trí phù hợp, song khi thanh tra, kiểm tra toàn diện, trong thành phần của đoàn thanh tra các cấp phải có sự tham gia của đại diện Bộ QP, Hội đồng GDQP-AN cùng cấp.

Về phương pháp thanh tra, kiểm tra: kết hợp thanh tra, kiểm tra toàn diện GDQP-AN với thanh tra, kiểm tra trọng điểm trên từng mặt, từng nội dung; kết hợp thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch với thanh tra, kiểm tra đột xuất; kết hợp chặt chẽ giữa cơ quan thanh tra, kiểm tra cấp trên với cấp dưới và với các bộ phận có liên quan để thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

Đánh giá kết quả thanh tra, kiểm tra phải bảo đảm tính khách quan, toàn diện, cụ thể, tránh chủ quan duy ý chí. Qua thanh tra, kiểm tra phải đánh giá đúng thực chất kết quả của từng mặt công tác (cả điểm mạnh và điểm yếu; tìm hiểu đúng nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm) tránh thiên vị, nể nang. Qua thanh tra, kiểm tra, cán bộ thanh tra, kiểm tra phải làm tốt công tác tham mưu giúp cho lãnh đạo, chỉ huy các cấp đưa ra được các quyết định, giải pháp đúng đắn, kịp thời khắc phục những yếu điểm, tồn tại của các nhà trường, địa phương; phát huy ưu điểm, nhân rộng điển hình tiên tiến nhằm góp phần nâng cao chất lượng môn học GDQP-AN cho SV.

## KHẢO NGHIỆM

### TÍNH CẤP THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA CÁC GIẢI PHÁP

Các giải pháp đã được khảo nghiệm về tính cần thiết và tính khả thi theo 3 mức độ:

Giải pháp	Tính cấp thiết (%)			Tính khả thi (%)		
	Rất cấp thiết	Cấp thiết	Ít cấp thiết	Rất khả thi	Khả thi	Ít khả thi

Việc trưng cầu được hướng tới 3 đối tượng:

- Các nhà quản lý trực tiếp các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN.
- Giảng viên GDQP-AN.
- Cán bộ cơ quan của Bộ.

**a) Tổng hợp ý kiến các nhà quản lý trực tiếp các trung tâm, khoa, bộ môn giáo dục quốc phòng-an ninh**

- Số phiếu phát ra: 50
- Số phiếu thu về: 50
- Số phiếu cho ý kiến đáng tin cậy: 45

***Bảng tổng hợp kết quả***

Giải pháp / Kết quả	Tính cấp thiết (%)			Tính khả thi (%)		
	Rất cấp thiết	Cấp thiết	Ít cấp thiết	Rất khả thi	Khả thi	Ít khả thi
Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của tác GDQP-AN đối với cán bộ, đặc biệt là cán bộ quản lý trong hệ thống giáo dục quốc dân	15	80	5	17	81	2
Đổi mới công tác quản lý nội dung chương trình GDQP-AN cho sinh viên các trường ĐH trong bối cảnh mới	14	82	4	16	82	2
Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên GDQP-AN đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và hợp lý về cơ cấu	15	81	4	15	83	2
Thường xuyên hoàn thiện phương pháp và hình thức tổ chức dạy học GDQP-AN, kích thích tính tích cực hoạt động nhận thức của SV	16	80	4	14	82	4
Tăng cường quản lý CSVC, TBDH và ứng dụng CNTT trong DH GDQP-AN cho SV các trường ĐH	14	82	4	15	83	2
Hoàn thiện cơ chế quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong hệ thống giáo dục quốc dân	20	77	3	18	80	2

**b) Tổng hợp ý kiến của các giảng viên giáo dục quốc phòng-an ninh**

- Số phiếu phát ra: 200
- Số phiếu thu về: 190
- Số phiếu cho ý kiến đáng tin cậy: 185

***Bảng tổng hợp kết quả***

Giải pháp	Tính cấp thiết			Tính khả thi		
	Rất cấp thiết	Cấp thiết	Ít cấp thiết	Rất khả thi	Khả thi	Ít khả thi
Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN đối với cán bộ, đặc biệt là cán bộ quản lý trong hệ thống giáo dục quốc dân	14	81	5	16	82	2
Đổi mới công tác quản lý nội dung chương trình GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong bối cảnh mới	15	80	5	14	81	5
Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên GDQP-AN đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và hợp lý về cơ cấu	15	80	5	17	81	2
Thường xuyên hoàn thiện phương pháp và hình thức tổ chức dạy học GDQP-AN, kích thích tính tích cực hoạt động nhận thức của SV	15	81	4	14	83	3
Tăng cường quản lý CSVC, TBDH và ứng dụng CNTT trong DH GDQP-AN cho SV các trường ĐH	15	81	4	15	82	3



Hoàn thiện cơ chế quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong hệ thống giáo dục quốc dân	19	78	3	18	79	3
---	----	----	---	----	----	---

**c) Tổng hợp ý kiến các cán bộ cơ quan của Bộ**

- Số phiếu phát ra: 50
- Số phiếu thu về: 45
- Số phiếu cho ý kiến đáng tin cậy: 45

***Bảng tổng hợp kết quả***

Giải pháp	Tính cấp thiết			Tính khả thi		
	Rất cấp thiết	Cấp thiết	Ít cấp thiết	Rất khả thi	Khả thi	Ít khả thi
Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của tác GDQP-AN đối với cán bộ, đặc biệt là cán bộ quản lý trong hệ thống giáo dục quốc dân	7	90	3	8	90	2
Đổi mới công tác quản lý nội dung chương trình GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong bối cảnh mới	9	16	5	7	81	2
Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên GDQP-AN đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và hợp lý về cơ cấu	8	89	3	6	82	2
Thường xuyên hoàn thiện phương pháp và hình thức tổ chức dạy học GDQP-AN, kích thích tính tích cực hoạt động nhận thức của SV	7	91	2	9	88	3
Tăng cường quản lý CSVC, TBDH và ứng	9	15	6	6	80	4

dụng CNTT trong DH GDQP-AN cho SV các trường ĐH						
Hoàn thiện cơ chế quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong hệ thống giáo dục quốc dân	1	91	2	8	91	1

**d) Bảng tổng hợp chung cho cả ba đối tượng**

- Số phiếu phát ra: 300
- Số phiếu thu về: 285
- Số phiếu cho ý kiến đáng tin cậy: 275

***Kết quả chung***

Giải pháp / Kết quả	Tính cấp thiết			Tính khả thi		
	Rất cấp thiết	Cấp thiết	Ít cấp thiết	Rất khả thi	Khả thi	Ít khả thi
Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN đối với cán bộ, đặc biệt là cán bộ quản lý trong hệ thống giáo dục quốc dân	36	251	13	41	253	6
Đổi mới công tác quản lý nội dung chương trình GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong bối cảnh mới	38	178	14	37	244	9
Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên GDQP-AN đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và hợp lý về cơ cấu	38	250	12	38	245	6
Thường xuyên hoàn thiện phương pháp và hình thức tổ chức dạy học GDQP-AN, kích	38	252	10	37	253	10

thích tính tích cực hoạt động nhận thức của SV						
Tăng cường quản lí CSVC, TBDH và ứng dụng CNTT trong DH GDQP-AN cho SV các trường ĐH	38	178	14	36	245	9
Hoàn thiện cơ chế quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong hệ thống giáo dục quốc dân	46	246	8	44	250	6

Qua các kết quả trên thấy rằng các ý kiến trả lời đa số đều khẳng định tính cấp thiết và tính khả thi.

## **THỬ NGHIỆM**

### **Mục đích của thử nghiệm**

Mục đích của thử nghiệm là đánh giá kết quả của việc tác động vào thực tiễn biện pháp đã nêu ra.

Chọn nội dung “Tăng cường quản lí cơ sở vật chất TBDH và ứng dụng CNTT trong giảng dạy GDQP-AN cho SV”, vì đây là khâu còn yếu tại nhiều TT GDQP-AN để thử nghiệm.

### **Tổ chức thử nghiệm**

Kết quả hai vòng thử nghiệm tại TT GDQP-AN Hn 1 và HN 2 cho thấy:

- Với TT GDQP-AN khi chưa được tăng cường cơ sở vật chất TBDH và ứng dụng CNTT, xem kết quả học tập đạt mức nào.

- Kết quả đạt loại giỏi: 10 %
- Kết quả đạt loại khá: 70 %
- Kết quả đạt trung bình: 15 %
- Kết quả dưới trung bình: 5 %

- Với TT GDQP-AN khi được tăng cường cơ sở vật chất TBDH và ứng dụng CNTT, xem kết quả học tập đạt mức nào.

- Kết quả đạt loại giỏi: 15 %
- Kết quả đạt loại khá: 72 %
- Kết quả đạt trung bình: 12 %
- Kết quả dưới trung bình: 1 %

### **Phân tích kết quả thử nghiệm**

Theo dõi kết quả về vấn đề này tại TTGDQP-AN Hà Nội 1 và TTGDQP-AN Hà Nội 2.

Kết quả như sau:

Trung tâm \ Kết quả	Kết quả học tập khi chưa tăng cường				Kết quả học tập khi đã tăng cường			
	G	K	TB	DTB	G	K	TB	DTB
GDQP-AN Hà Nội 1	10	70	14	6	15	72	12	1
GDQP-AN Hà Nội 2	9	71	15	5	13	73	13	1

### **Bàn luận**

a) Rõ ràng với việc tăng cường cơ sở vật chất TBDH và ứng dụng CNTT cho TT GDQP-AN, kết quả học tập, rèn luyện của SV tốt hơn, kết quả ở bảng trên cho thấy:

- Mức giỏi ở TTGDQP-AN Hà Nội 1 tăng lên, ở TTGDQP-AN Hà Nội 2 tăng lên.
- Mức khá ở TTGDQP-AN Hà Nội 1 tăng lên, ở TTGDQP-AN Hà Nội 2 tăng lên.
- Mức trung bình ở TTGDQP-AN Hà Nội 1 giảm đi, ở TTGDQP-AN Hà Nội 2 giảm đi.
- Mức dưới trung bình ở TTGDQP-AN Hà Nội 1 giảm đi, ở TTGDQP-AN Hà Nội 2 giảm đi.

b) Thật ra không phải cứ tăng cường bề nổi cơ sở vật chất thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin là có ngay kết quả.

Thiết bị dạy học chỉ phát huy tác dụng nếu công tác quản lý được đôn đốc giám sát một cách khẩn trương. Các TT GDQP-AN phải có người chuyên trách

bảo quản, giảng viên phải chịu khó sử dụng, Ban Giám đốc trung tâm phải có kế hoạch đầu tư tái trang bị một cách hệ thống, phải kích thích cho học viên chịu khó kết hợp học và hành. Thiết bị phải phù hợp với nội dung giảng dạy, không hình thức.

Theo tính toán thì mỗi đầu người học hàng năm phải có dự toán kinh phí đầu tư cho TBDH khoảng 30% tiền học phí/mỗi SV, mới có thể cải thiện được chất lượng dạy học GDQP-AN, tạo nên kết quả đích thực.

### **Kết luận Chương 3**

Ở chương này tác giả đã đề xuất được 6 giải pháp, các giải pháp này đã được kiểm chứng về tính cấp thiết và tính khả thi, kết quả kiểm chứng cho thấy tuyệt đại đa số đều khẳng định các biện pháp nêu ra cấp thiết và khả thi, giữa 2 kết quả này cũng có sự tương đồng nhau.

Các giải pháp trước hết phải tác động vào nhận thức, làm đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành đối với công tác GDQP-AN trong hệ thống giáo dục quốc dân. Giải pháp tác động vào các nhân tố quan trọng nhất của quá trình giáo dục, đó là tác động vào nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục nhằm đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy học GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong bối cảnh mới. Giải pháp tác động vào chủ thể quản lý nhằm phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và hợp lý về cơ cấu. Cơ sở vật chất vừa là điều kiện đảm bảo cho hoạt động giáo dục và là phương tiện đảm bảo cho các hoạt động quản lý giáo dục. Để hiện đại hóa quá trình giáo dục phải tăng cường quản lý cơ sở vật chất, TBDH và ứng dụng CNTT trong dạy học GDQP-AN. Một trong những nội dung quan trọng nhất của quản lý GDQP-AN là cơ chế quản lý. Hoàn thiện cơ chế quản lý GDQP-AN cho sinh viên các trường ĐH trong hệ thống giáo dục quốc dân là một giải pháp mang tính then chốt hiện nay.

Các giải pháp trên đây đã được khảo nghiệm để khẳng định độ tin cậy và tính khả thi. Tác giả đã tổ chức khảo nghiệm thực tế về tăng cường cơ sở vật chất THDH và ứng dụng CNTT cho TT GDQP-AN, sự tác động vào thực tế cho thấy khi tăng cường cơ sở vật chất TBDH và ứng dụng CNTT cho TT GDQP-AN đều đưa đến chất lượng huấn luyện GDQP-AN khả quan.

## **KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

### **Kết luận**

- Giáo dục quốc phòng-an ninh cho SV là một nội dung, nhiệm vụ quan trọng của các trường ĐH. Trong bối cảnh phát triển của đất nước hiện nay, để nâng cao chất lượng, hiệu quả của quá trình GDQP -AN ở các trường ĐH cần phải coi trọng công tác quản lí, tích cực đổi mới các biện pháp quản lí gắn với tăng cường các nguồn lực cho công tác quản lí. Xã hội càng phát triển, khoa học GDQP-AN càng mở rộng thì càng phải tăng cường công tác quản lí.

- Quản lí GDQP-AN cho SV là một nội dung của quản lí giáo dục, đào tạo trong nhà trường ĐH. Các hoạt động quản lí GDQP-AN cho SV phải tuân thủ theo lí luận quản lí giáo dục nhà trường ĐH, đồng thời phải tuân thủ lí luận quản lí giáo dục quân sự.

- Quản lí GDQP-AN cho SV là quản lí một nội dung giáo dục đặc biệt. Công tác quản lí phải có sự phối hợp giữa Bộ GDĐT với Bộ QP, phối hợp giữa các cơ quan giáo dục đào tạo với các cấp chính quyền từ địa phương đến Trung ương.

- Quản lí GDQP-AN cho SV bao gồm nhiều nội dung cần phải quản lí. Vì vậy để quản lí có hiệu quả cần phải phân cấp quản lí và xác định những nội dung trọng tâm, trọng điểm cho từng cấp quản lí. Phải tạo ra cơ chế phát huy cao độ trách nhiệm chủ thể của các lực lượng quản lí.

## **Khuyến nghị**

### **1. Chính phủ**

- Bảo đảm kinh phí xây dựng 32 TT GDQP-AN đã được Chính phủ phê duyệt theo đúng tiến độ;

- Thành lập mới các TT GDQP-AN trong trường quân đội trên địa bàn có nhiều trường ĐH, CĐ và TCCN để thực hiện GDQP -AN cho HS,SV, nhằm giảm chi phí cho ngân sách Nhà nước và phát huy được đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất của các nhà trường quân đội.

### **2. Với các bộ, ngành**

#### **a) Bộ Quốc phòng**

Chủ trì, thống nhất với Bộ CA, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng-an ninh cho các đối tượng trong đó có GDQP-AN cho HS,SV.

Thống nhất với Bộ CA, Bộ GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định, nghiệm thu chương trình, giáo trình, tài liệu giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng-an ninh dùng chung cho các cơ sở giáo dục đào tạo phù hợp với từng đối tượng.

Chỉ đạo các học viện, nhà trường quân đội phối hợp, liên kết với các trường ĐH thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giảng viên GDQP-AN.

Chủ trì, phối hợp với Bộ GDĐT, các Bộ và cơ quan liên quan theo thẩm quyền quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức biên chế, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, chức danh trên quân hàm đội ngũ sĩ quan biệt phái làm công tác GDQP-AN trong hệ thống giáo dục quốc dân và đầu tư xây dựng các TT GDQP-AN. Chỉ đạo các TT GDQP-AN thuộc quyền hoạt động theo đúng Luật Giáo dục hiện hành. Quyết định về tổ chức, biên chế, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng GDQP-AN các cấp... Xây dựng đề án củng cố các TT GDQP-AN,

trường quân sự quân khu, quân đoàn, trường quân sự tỉnh và một số học viện, nhà trường của quân đội thực hiện nhiệm vụ giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh, trình Thủ tướng Chính phủ.

*b) Bộ Công an*

Chỉ đạo các học viện, nhà trường của Bộ CA, phối hợp với các học viện, trường sĩ quan của quân đội, các trường ĐH, CĐ và các TT GDQP-AN thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn giảng viên GDQP-AN theo đề án đào tạo giáo viên GDQP-AN các THPT, TCCN và TCN.

*c) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (Tổng cục Dạy nghề)*

Quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ GDQP-AN ở các cơ sở giáo dục đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Chủ trì, thống nhất với Bộ QP, Bộ CA và các cơ quan liên quan xây dựng chương trình, biên soạn và phát hành giáo trình GDQP-AN cho SV các trường CĐ, ĐH. Quy định nội dung, quy chế kiểm tra, phương pháp tính điểm, ghi điểm học bạ cho mỗi cấp học và trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân; phát hành, quản lý, hướng dẫn sử dụng và cấp chứng chỉ môn GDQP-AN cho SV các trường ĐH, CĐ.

Phối hợp với Bộ QP, Bộ CA quy định biên chế, chức danh và trực tiếp quản lý đội ngũ sĩ quan biệt phái làm công tác quản lý, giảng dạy môn GDQP-AN tại các cơ sở giáo dục thuộc quyền.

Chủ trì, phối hợp với Bộ QP, Bộ CA, các Bộ và cơ quan liên quan lập quy hoạch hệ thống TT GDQP-AN SV thuộc Bộ GDĐT, trình thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Theo thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, kiện toàn tổ chức, biên chế và đầu tư xây dựng các TT GDQP-AN SV thuộc trường ĐH, CĐ trong phạm vi cả nước.



Chủ trì, phối hợp với Bộ QP, Bộ CA, các Bộ và cơ quan liên quan quy định chương trình khung và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quản lý, giảng viên GDQP-AN cho các trường trong hệ thống giáo dục quốc dân.

*d) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*

Chủ trì và phối hợp với Bộ QP, Bộ CA và các cơ quan liên quan, chỉ đạo các thông tin đại chúng, hàng năm xây dựng nội dung chương trình, phương pháp tuyên truyền, GDQP-AN trên các phương tiện thông tin đại chúng.

*đ) Bộ Nội vụ*

Chủ trì, phối hợp với Bộ GDĐT và các cơ quan liên quan hướng dẫn về tổ chức, biên chế đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên GDQP-AN tại các bộ, ngành, địa phương và các cơ sở giáo dục đào tạo.

*e) Bộ Tài chính*

Phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và địa phương trong công tác lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước chi cho nhiệm vụ GDQP-AN theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

*g) Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

Phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan trong việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng các TTGDQP-AN; nâng cấp các trường quân sự quân khu, trường quân sự tỉnh, một số học viện, trường sĩ quan quân đội thực hiện nhiệm vụ GDQP-AN.

*h) Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam*

Theo chức năng chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ QP, Bộ CA và các cơ quan liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch thường xuyên, kế hoạch trọng điểm tuyên truyền sâu rộng trong toàn dân về QP, AN.

*i) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*

Chủ trì phối hợp với Bộ QP, Bộ CA, Bộ GDĐT và các cơ quan liên quan quản lý TT GDQP-AN trong trường ĐH thuộc tỉnh, củng cố nâng cấp TT GDQP-AN thuộc trường quân sự cấp tỉnh.

### ***3. Với các đại học, trường đại học, cao đẳng***

Với Ban Giám đốc ĐH, Ban Giám hiệu trường ĐH, CĐ là mối quan hệ chỉ đạo, quản lý trực tiếp về mọi mặt với cấp dưới trực tiếp (quan hệ chỉ huy và phục tùng): hệ tư tưởng, con người, tài chính... đến chất lượng GDQP-AN cho SV; các cơ sở GDQP-AN đối với Ban Giám đốc, Ban Giám hiệu là mối quan hệ cấp dưới phục tùng cấp trên, chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp các mặt công tác GDQP-AN. Mối quan hệ này quyết định trực tiếp đến chất lượng GDQP-AN cho SV.

Với các cơ quan chỉ đạo cấp trên là mối quan hệ giữa quản lý, chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ cấp trên và tổ chức, thực hiện (chỉ huy và phục tùng), như Vụ Giáo dục Quốc phòng, Bộ GDĐT với các cơ sở GDQP-AN (cơ quan quản lý nhà nước với cơ sở tổ chức, thực hiện).

Mối quan hệ giữa các cơ sở GDQP-AN với các phòng, khoa, ban của nhà trường là mối quan hệ hiệp đồng công tác, tạo điều kiện để các bên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các phòng, ban của nhà trường làm việc chuyên môn, hành chính phục vụ cho giáo dục đào tạo của nhà trường (trong đó có GDQP-AN cho SV); mối quan hệ gắn bó mật thiết, hữu cơ, cùng hoàn thành mục tiêu chung của nhà trường.

Mối quan hệ giữa các cơ sở GDQP-AN với các học viện, trường ĐH, CĐ trong cụm liên kết đào tạo là mối quan hệ bình đẳng quyền lợi và nghĩa vụ giữa hai bên được xác định cụ thể dựa trên quy định liên kết giảng dạy GDQP-AN cho SV, được cụ thể bằng hợp đồng và thanh lý hợp đồng kinh tế giữa hai bên, thực hiện theo từng năm học.

### ***4. Với các Trung tâm giáo dục quốc phòng-an***

#### ***a) Trước khóa học:***

Thông nhất với nhau về danh sách biên chế, đội ngũ cán bộ tiểu đội, trung đội học viên. Quán triệt SV về công tác chuẩn bị trước khi vào trung tâm và nội quy môn học. Tìm hiểu đối tượng học viên về số lượng, nam, nữ, sức khỏe, các

trường hợp cá biệt cần theo dõi giáo dục. Thống nhất phương án đưa, đón và giáo nhận SV đến học tại trung tâm.

*b) Trong khóa học:*

Phối hợp tổ chức khai giảng và bế giảng khóa học. Cùng nhau phối hợp quản lí học viên, không nhất thiết trường liên kết có người thường trực ở trung tâm, nhưng luôn duy trì đường dây thông tin để báo cáo tình hình. Cùng nhau giải quyết các sự việc lớn xảy ra như kỷ luật đình chỉ SV trả về trường. Sinh viên ốm đau dài ngày, SV bị tai nạn rủi ro... nhất là trường hợp tử vong thì hai bên đều phải chủ động giải quyết, không chông chờ ỉ lại cho nhau.

*c) Kết thúc khóa học:*

Phối hợp tiến hành giao nhận SV. Thống nhất đánh giá kết quả. Ban giao hồ sơ, thanh lý hợp đồng.

*d) Tổ chức tốt các hội nghị liên kết đào tạo*

Hàng năm, vào thời điểm tháng 5 là tổ chức hội nghị liên kết đào tạo. Tổ chức vào thời điểm này để các nhà trường thống nhất kế hoạch GDQP -AN năm học, trên cơ sở đó để xây dựng kế hoạch năm học mới. Trước khi hội nghị các cơ sở GDQP-AN gửi dự thảo kế hoạch giảng dạy cho các trường nghiên cứu, góp ý và gửi lại cho các cơ sở GDQP -AN. Vì vậy, vào hội nghị thì kế hoạch giảng dạy cơ bản đã hoàn thành. Trong hội nghị tổng kết các cơ sở đào tạo thẳng thắn đánh giá những ưu điểm, tồn tại, đề nghị các nhà trường nhận xét đánh giá khách quan về GDQP-AN cho SV, tránh khách sáo, xã giao. Vì vậy các cơ sở GDQP-AN luôn nhận được sự đóng góp chân tình của các nhà trường để khắc phục những thiếu sót tồn tại.

Từ cách làm trên, trong những năm qua giữa các trung tâm và các nhà trường liên kết đào tạo luôn có sự nhất quán về quan điểm và phương pháp, đã tích cực chủ động phối hợp, cùng nhau thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục đào tạo theo kế hoạch phân luồng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

1. Hoàng Văn Tòng “Giải pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh trung học phổ thông”. Tạp chí Quốc phòng toàn dân, (số 8/2008), tr 79
2. Hoàng Văn Tòng “Một số kinh nghiệm giáo dục quốc phòng - an ninh cho sinh viên tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng Hà Nội 2”, Tạp chí Giáo dục (số 247 kì 1-2010), bìa 3
3. Hoàng Văn Tòng “Giáo dục quốc phòng ở một số nước trên thế giới”, Tạp chí Giáo dục, (số 251 kì 1 - 12/2010), tr 59
4. Hoàng Văn Tòng “Một số bài học trong giáo dục quốc phòng - an ninh tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng Hà Nội I, giai đoạn 2001 - 2010”, Tạp chí Dạy và Học ngày nay (số 11 -2010), tr 57
5. Nghiên cứu giải pháp tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên các trung tâm giáo dục quốc phòng hiện nay, Đề tài khoa học cấp Bộ, năm 2010.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban tư tưởng-Văn hóa Trung ương, nhận dạng các quan điểm sai trái, thù địch, Nxb CTQG, Hà Nội 2005.
2. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi và bài học, Nxb CTQG, Hà Nội 1995.
3. Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị định số 15/2001/NĐ-CP của Chính phủ về Giáo dục quốc phòng (2001-2005), Hà Nội, tháng 1/2006.
4. Báo cáo kết quả giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên năm học 2003-2004 của Trung tâm giáo dục quốc phòng Quang Trung-Trường quân sự Quân khu 7.
5. Báo Quân đội nhân dân, số 14296, ngày 22 tháng 2 năm 2002.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Chương trình môn học giáo dục quốc phòng - an ninh trình độ đại học, cao đẳng.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng-an ninh.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (năm 2007), Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục quốc phòng-an ninh sinh viên.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (năm 2008, 2011, 2012), Quy định về liên kết giáo dục quốc phòng-an ninh của các cơ sở giáo dục đại học.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (năm 2009), Sửa đổi, bổ sung danh sách đơn vị chủ quản và đơn vị liên kết giáo dục quốc phòng - an ninh, quy định tại Quyết định số 57/2008/QĐ-BGDĐT ngày 14/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về liên kết giáo dục quốc phòng-an ninh của các cơ sở giáo dục đại học.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (năm 2009), Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng-an ninh trong các trường đại học, cao đẳng,

trung cấp chuyên nghiệp, trung học phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông).

12. Bộ Quốc phòng (2002), Chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành (Ban hành kèm theo Quyết định số 2231 ngày 27/9/2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng),

13. Bộ Quốc phòng (năm 2004), Chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng-an ninh cho cán bộ chủ chốt cấp thôn, bản và đảng viên (Ban hành kèm theo Quyết định số 2632/QĐ-BQP ngày 30/10/2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng).

14. Bộ Quốc phòng (2002), Chương trình môn học Giáo dục quốc phòng trong hệ thống các trường Chính trị, Hành chính và Đoàn thể (kèm theo công văn số 3309/BQP ngày 27/9/2002).

15. Bộ Quốc phòng, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị quân đội đối với công tác giáo dục quốc phòng, số 59/2002/QĐ-BQP.

16. Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu, Cục Nhà trường (1998), Giáo dục quốc phòng đối với cán bộ, công chức của Đảng, Nhà nước và đoàn thể. Đề tài cấp ngành.

17. Bộ Quốc phòng, Về nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị quân đội đối với công tác giáo dục quốc phòng (ban hành kèm theo Quyết định số 2231 ngày 23/4/2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng).

18. Bộ Quốc phòng, Về việc biệt phái sĩ quan sang sở giáo dục và đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ban hành kèm theo Quyết định số 60/QĐ-BQP ngày 23/5/2003 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng).

19. Bộ Quốc phòng, Ban hành danh mục giáo trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành (kèm theo Quyết định số 11/2004/QĐ-BQP ngày 12/2/2004).

20. Bộ Quốc phòng (2004), Giáo trình giáo dục quốc phòng (Dùng cho lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng-an ninh, đối tượng 1), tập 1, tập 2, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

21. Bộ Quốc phòng (2004), Giáo trình giáo dục quốc phòng (Tài liệu hỗ trợ) dùng cho đối tượng 1, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

22. Bộ Tổng tham mưu (2000), Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhiệm vụ giáo dục quốc phòng-an ninh thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

23. Các văn bản về công tác giáo dục quốc phòng-an ninh từ năm 2000 - 2005, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

24. Nguyễn Cẩm, Vì sao Trường trung học phổ thông Nguyễn Du tổ chức tốt môn học giáo dục quốc phòng, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 2/2000.

25. Chỉ thị số 25/2001/CT-BGDĐT ngày 3/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về các biện pháp tăng cường công tác giáo dục quốc phòng ở các cơ sở thuộc Ngành trong tình hình mới.

26. Chỉ thị số 57/2007/CT-BGDĐT ngày 4/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong Ngành giáo dục.

27. Chỉ thị số 08/2002/CT-BGDĐT ngày 20/3/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo giáo dục quốc phòng cho các trường trung học phổ thông và trung học chuyên nghiệp.

28. Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975-Những bài học kinh nghiệm, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

29. Chương trình KX-09, Đánh giá thực trạng tiềm lực quân sự và tiềm lực an ninh của đất nước, Hà Nội 1994.

30. Nguyễn Đình Chung, Giáo dục quốc phòng trong các nhà trường Đồng Nai - Kết quả và mấy kinh nghiệm, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 19/2005.

31. Hà Văn Công, Giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên sau 5 năm thực hiện Chỉ thị số 62/TW của Bộ Chính trị, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 10/2005.

32. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ Ngoại giao (2004), Quốc phòng Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI.

33. Cục Dân quân tự vệ (2005), Các văn bản về công tác giáo dục quốc phòng từ năm 2000 đến 2005, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

34. Nguyễn Thị Doan, Trường đại học với nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 12/1998.

35. Đào Ngọc Dũng, Trung tâm giáo dục quốc phòng Hà Nội 1 với nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng cho sinh viên, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 6/2002.

36. Nguyễn Mạnh Dũng, Mấy suy nghĩ về nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng giáo dục quốc phòng cấp tỉnh, huyện hiện nay, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 12.2005.

37. Đại Từ điển Tiếng Việt 91998), Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

38. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, số 62-CT/TU, ngày 12/12/2001, Chỉ thị về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng toàn dân trước tình hình mới.

39. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, số 12-CT/TU, ngày 03/5/2007, Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

40. Đảng Cộng sản Việt Nam, cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb Sự thật, Hà Nội 1991.

41. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1961.

42. Đảng Cộng sản Việt Nam (1976), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb sự thật, Hà Nội.



43. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Nxb sự thật, Hà Nội.

44. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb sự thật, Hà Nội.

45. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

46. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

47. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

48. Đảng Cộng sản Việt Nam-Ban Tổng kết Lý luận (2005), Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận-thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

51. Phùng Khắc Đăng, Tăng cường hơn nữa công tác giáo dục quốc phòng toàn dân trong tình hình mới, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 12/2003.

52. Đề tài KX-09-07, Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Hà Nội 1994.

53. Phương Đình, Cẩm Mai, Giáo dục quốc phòng trong các nhà trường Hải Phòng-Những chuyển động ghi nhận, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 1/2001.

54. Hứa Thanh Giang, Giáo dục quốc phòng ở Bắc Cạn, kết quả và kinh nghiệm, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 12/2003.

55. Hoàng Ngọc Hà, Ảnh hưởng của thị trường toàn cầu đối với lợi ích quốc gia, dân tộc, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 7/2005.

56. Phạm Xuân Hảo (2005), Một số vấn đề xã hội học trong xây dựng quân đội, xây dựng quốc phòng toàn dân, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

57. Trung Hòa, Xu hướng xây dựng quốc phòng của một số nwcs trên thế giới hiện nay (Tổng hợp qua tài liệu nước ngoài), Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 4/2006.

58. Học viện Quốc phòng (2002), Xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong thời kỳ mới, Hà Nội.

59. Học viện Chính trị quân sự (2006), Đổi mới giáo dục quốc phòng trong hệ thống giáo dục quốc gia, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

60. Học viện Quan hệ quốc tế (2004), Về chiến lược an ninh của Mỹ hiện nay, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

61. Hội đồng Giáo dục quốc phòng Trung ương (tháng 12/2005), Kỷ yếu Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị định 15/2001/NĐ-CP về giáo dục quốc phòng (2000 - 2005), kỷ yếu Hội nghị, Hà Nội.

62. Phạm Lâm Hồng, Lào Cai với công tác giáo dục quốc phòng cho thanh niên - học sinh, Tạp chí Khoa học quân sự, số 7/2000.

63. Phạm Gia Khiêm, Phát huy thành tựu sau 5 năm thực hiện Chỉ thị 62-CT/TW ngày 12/2/2001 của Bộ Chính trị, tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục quốc phòng trong thời gian tới. Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 12/2005.

64. Khổng Minh Khương, tổ chức và hoạt động của Hội đồng giáo dục quốc phòng tỉnh (thành phố), Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 10/1998.

65. Kỷ yếu Hội thảo khoa học (tháng 5/2005), “Đổi mới giáo dục quốc phòng trong hệ thống giáo dục quốc gia”, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và Học viện Chính trị quân sự tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh.

66. Phạm Ngọc liên, Kết hợp giảng dạy lịch sử với quốc phòng cho thế hệ trẻ, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 4/2002.

67. Luật Nghĩa vụ quân sự, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

68. Ngô Duy Lý, xây dựng đội ngũ nhà giáo trong các nhà trường quân đội, Tạp chí Nhà trường quân đội. số 6/1999.

69. Cẩm Mai, Giáo dục quốc phòng trong hệ thống trường phổ thông trung học - Vấn đề và giải pháp, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 3/1999.

70. “Một số dự báo tình hình thế giới trong những năm đầu thế kỷ XXI”, Trung tâm dự báo chiến lược và tình báo Malaixia, Tổng cục II, tháng 7/1999.

71. Nghị định của Chính phủ, số 15/2001/NĐ-CP ngày 01/5/2001 về Giáo dục quốc phòng.

72. Nghị định của Chính phủ, số 116/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007 về Giáo dục quốc phòng-an ninh.

73. Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11/5/2004 của Chính phủ về công tác quốc phòng ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương.

74. Phạm Công Nhuận, Quan niệm về nền quốc phòng hiện đại, Tạp chí khoa học quân sự, số 11/2005.

75. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Luật Giáo dục, Hà Nội, ngày 20/5/2005.

76. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Luật Quốc phòng, Hà Nội, ngày 27/6/2005.

77. Quyết định số 07/2003/QĐ-TTg ngày 09/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê Quy hoạch hệ thống trung tâm Giáo dục quốc phòng sinh viên giai đoạn 2001 - 2010.

78. Quyết định số 638/QĐ-TTg ngày 21/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm Giáo dục quốc phòng - an ninh tại các nhà trường quân đội giai đoạn 2009 - 2015 và những năm tiếp theo.

79. Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 10/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch Hệ thống Trung tâm Giáo dục quốc phòng-an ninh sinh viên giai đoạn 2011 - 2015.

80. Quyết định số 472/QĐ-TTg ngày 12/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng-an ninh cho các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề giai đoạn 2010-2016”.

81. Quyết định số 69/2007/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng-an ninh.

82. Quyết định số 79/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh cấp trung học phổ thông.

83. Quyết định số 80/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng-an ninh trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

84. Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng-an ninh trình độ đại học, cao đẳng.

85. Quyết định số 82/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục quốc phòng-an ninh sinh viên.

86. Vũ Xuân Sinh, Mấy vấn đề cần quan tâm trong công tác giáo dục quốc phòng hiện nay, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 9/2003.

87. Trần Đình Sử, Khoa Giáo dục quốc phòng Trường đại học Hàng hải nâng cao chất lượng đào tạo, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 6/2002.

88. Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2003.

89. Trần Đăng Thanh, Giáo dục lòng yêu nước-một nội dung quan trọng trong giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 3/2005.

90. Minh Thắng, Vài nét về tình hình chính trị-an ninh thế giới thời gian gần đây, Tạp chí tư tưởng văn hóa, số 7/2004.

91. Lê Doãn Thuật, Giáo dục quốc phòng trong các trường cao đẳng và đại học-4 vấn đề bức xúc từ cơ sở, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 1/2002.

92. Hà Huy Thông, Tổ chức các cấp học về kiến thức quốc phòng cho cán bộ Đảng, Nhà nước và đoàn thể, Tạp chí Nhà trường quân đội, số 4/1998.

93. Thông tư Liên tịch số 182/2007/TTLT-Bộ Quốc phòng-Bộ Công an-Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Nội vụ ngày 04/12/2007 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 116/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007 về Giáo dục quốc phòng-an ninh.

94. Thông tư Liên tịch số 121/2007/TTLT - Bộ Quốc phòng - Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 07/8/2007 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2007/NĐ-CP ngày 15/3/2007 của Chính phủ về việc tạm hoãn gọi nhập ngũ và miễn gọi nhập ngũ thời bình đối với công dân nam trong độ tuổi gọi nhập ngũ.

95. Thông tư số 35/2006/TTLT-Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Nội vụ ngày 23/8/2006 Hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

96. Thông tư số 13/2009/TT-BGDĐT ngày 19/5/2009 Ban hành Chương trình đào tạo ngắn hạn giáo viên giáo dục quốc phòng-an ninh.

97. Thông tư số 25/2009/TT-BGDĐT ngày 24/9/2009 Sửa đổi, bổ sung Danh sách đơn vị chủ quản và đơn vị liên kết giáo dục quốc phòng-an ninh, quy định tại Quyết định số 57/2008/QĐ-BGDĐT ngày 14/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về liên kết giáo dục quốc phòng-an ninh của các cơ sở giáo dục đại học.

98. Thông tư số 33/2009/TT-BGDĐT ngày 13/11/2009 về Danh mục TBDH tối thiểu môn GDQP-AN trong các trường ĐH, CĐ, TCCN, THPT.

99. Thông tấn xã Việt Nam, Báo cáo đánh giá quốc phòng 4 năm một của Bộ Quốc phòng Mỹ, TLTK, số 11, 12/2002.

## PHỤ LỤC

- **Phụ lục 1.1**

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN (Dành cho Cán bộ quản lí, giảng viên)

Trang 159

- **Phụ lục 1.2**

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN (Dành cho sinh viên)

Trang 167

- **Phụ lục 1.3**

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN (Dành cho Cán bộ quản lí các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN)

Trang 173

- **Phụ lục 1.4**

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN (Dành cho giảng viên GDQP-AN)

Trang 174

- **Phụ lục 1.5**

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN (Dành cho cán bộ cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Quốc phòng)

Trang 175

## PHỤ LỤC 1.1

## PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho Cán bộ quản lí, giảng viên)

Để tìm ra những giải pháp tăng cường quản lí giáo dục quốc phòng-an ninh (GDQP-AN) cho sinh viên các trường đại học Việt Nam trong bối cảnh mới, mong đồng chí hãy vui lòng trả lời các câu hỏi trong phiếu này bằng cách đánh dấu (X) vào ô (  ) tương ứng hợp lí với ý kiến của đồng chí và viết thêm vào những dòng....

Rất cảm ơn sự nhiệt tình hợp tác của đồng chí.

**Câu 1.** Theo đồng chí, trong quá trình đào tạo người sinh viên vừa “hồng” vừa “chuyên” thì GDQP-AN cho SV có thực sự cần thiết không?

a) Rất cần thiết


c) Ít cần thiết


b) Cần thiết

d) Không cần thiết

Nếu ít hoặc không cần thiết thì tại sao ?.....

**Câu 2.** Theo đồng chí, hình thức tổ chức GDQP-AN cho SV tại các TTGDQP-AN, khoa GDQP-AN hoặc bộ môn GDQP-AN như hiện nay có phải là cách làm phù hợp không? (1. Rất phù hợp, 2. Phù hợp, 3. Ít phù hợp, 4. Không phù hợp)

TT	TỔ CHỨC GDQP-AN TẠI	MỨC ĐỘ PHÙ HỢP			
		1	2	3	4
1	Trung tâm GDQP-AN sinh viên				
2	Khoa GDQP-AN				
3	Bộ môn GDQP-AN				

Nếu ít hoặc không phù hợp thì tại sao?.....

**Câu 3.** Theo đồng chí, mục tiêu GDQP-AN cho SV là nhằm: “Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lí nhà nước về quốc phòng, an ninh; truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Trang bị kĩ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” đã phù hợp chưa?

a) Rất phù hợp


c) Ít phù hợp


b) Phù hợp

d) Không phù hợp

Nếu ít hoặc không phù hợp thì tại sao ?.. ..

**Câu 4.** Theo đồng chí, nội dung GDQP-AN cho SV hiện nay đã phù hợp chưa?

(1. Rất phù hợp, 2. Phù hợp, 3. Ít phù hợp, 4. Không phù hợp)

TT	NỘI DUNG GDQP - AN	MỨC ĐỘ PHÙ HỢP			
		1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Học phần I: Đường lối quân sự của Đảng</b>				
1.1	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học				
1.2	Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc				
1.3	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa				
1.4	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN				
1.5	Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam				
1.6	Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh				
1.7	Nghệ thuật quân sự Việt Nam				
<b>II</b>	<b>Học phần II: Công tác quốc phòng, an ninh</b>				
2.1	Phòng chống chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam				
2.2	Phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao				
2.3	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng				
2.4	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia				
2.5	Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam				
2.6	Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội				
2.7	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc				
2.8	Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội				
<b>III</b>	<b>Học phần III: Quân sự chung</b>				
3.1	Đội ngũ đơn vị				
3.2	Sử dụng bản đồ địa hình quân sự				
3.3	Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh				
3.4	Thuốc nổ				
3.5	Phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn				
3.6	Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh				
3.7	Ba môn quân sự phối hợp				
<b>IV</b>	<b>Học phần IV: Chiến thuật và Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK</b>				
4.1	Từ người trong chiến đấu tiến công				



4.2	Từng người trong chiến đấu phòng ngự				
4.3	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK				
<b>V</b>	<b>SV học tại TT GDQP-AN trả lời thêm các câu sau</b>				
5.1	Nội dung Văn hoá-Văn nghệ				
5.2	Hoạt động thể thao				
5.3	Công tác Đoàn				
5.4	Các hoạt động khác				

Nếu ít hoặc chưa phù hợp thì thêm, bớt nội dung nào và tại sao ?.....

**Câu 5.** Theo đồng chí, việc áp dụng một số phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin và kiểm tra đánh giá kết quả học tập dưới đây tại các TTGDQP-AN sinh viên, các khoa, các bộ môn GDQP-AN phù hợp như thế nào?

(1. Rất phù hợp, 2. Phù hợp, 3. Ít phù hợp, 4. Không phù hợp)

TT	MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CHÍNH	MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC			
		1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Một số phương pháp giảng dạy lí thuyết</b>				
1.1	Phương pháp thuyết trình				
1.2	Phương pháp tái tạo				
1.3	Phương pháp đặt vấn đề, giải quyết vấn đề				
1.4	Phương pháp xử lí tình huống				
<b>II</b>	<b>Một số phương pháp giảng dạy thực hành</b>				
2.1	Phương pháp kết hợp lí thuyết với thực hành				
2.2	Phương pháp giảng viên thực hiện theo các bước quy định				
2.3	Phương pháp sinh viên thực hiện theo các bước quy định (tự nghiên cứu, tập chậm từng động tác, tập nhanh, tập tổng hợp và ghép các bước vào đội hình...)				
<b>III</b>	<b>Một số phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập</b>				
3.1	Tự luận				
3.2	Vấn đáp				
3.3	Trắc nghiệm khách quan				
3.4	Thực hành (SV chào báo cáo, bốc câu hỏi, tự nghiên cứu, trả lời)				

Ngoài những phương pháp nêu trên, để dạy học và kiểm tra đánh giá GDQP-AN tốt thì cần thực hiện phương pháp nào và tại sao ?.....

**Câu 6.** Đồng chí cho biết mức độ sử dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy GDQP-AN ở các TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN của trường đại học hiện nay như thế nào?

(1. Thường xuyên liên tục, 2. Thường xuyên, 3. Chưa thường xuyên, 4. Không sử dụng)

TT	MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ			
		1	2	3	4
1	Đối thoại, tranh luận sáng tạo trong giảng dạy				
2	Các phương pháp hợp tác thầy, trò				
3	Kết hợp các phương pháp thuyết trình và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy				

Để thực hiện tốt dạy học GDQP-AN, ngoài những phương pháp nêu trên, theo đồng chí dạy học GDQP-AN hiện nay cần áp dụng phương pháp nào và tại sao ?

.....

**Câu 7.** Đồng chí cho biết đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên GDQP-AN ở các TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN của trường đại học hiện nay như thế nào? (1. Tốt, 2. Khá, 3. Trung bình, 4. Kém)

TT	TIÊU CHUẨN CẦN CÓ	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ			
		1	2	3	4
1	Phẩm chất đạo đức				
2	Trình độ, năng lực chuyên môn				
3	Phương pháp giảng dạy				

Để thực hiện tốt dạy học GDQP-AN, ngoài những tiêu chuẩn nêu trên, theo đồng chí cán bộ quản lý, giảng viên cần bổ sung những tiêu chuẩn nào và tại sao ?.....

.....

**Câu 8.** Đồng chí đánh giá cơ sở vật chất, thiết bị phòng học chuyên dùng phục vụ cho dạy và học GDQP-AN của TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN của trường đại học hiện nay như thế nào?

(1. Đầy đủ, 2. Tạm đủ, 3. Thiếu, 4. Rất thiếu)

TT	CÁC CƠ SỞ VẬT CHẤT THIẾT BỊ	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ			
		1	2	3	4
1	Cơ sở vật chất, thiết bị cho dạy và học lí thuyết				
2	Cơ sở vật chất, thiết bị cho dạy và học thực hành				
3	Cơ sở vật chất, thiết bị cho sinh hoạt văn hoá-văn nghệ				
4	Cơ sở vật chất, thiết bị cho hoạt động thể dục thể thao				
5	Cơ sở vật chất phục vụ cho ăn, ở sinh hoạt (SV học GDQP-AN tại TTGDQP-AN sinh viên trả lời thêm câu hỏi này)				

Nếu cần bổ sung thì bổ sung cơ sở thiết bị nào và tại sao ?.....

**Câu 9.** Đồng chí cho biết mức độ khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị ở TTGDQP-AN SV hoặc khoa, bộ môn GDQP - AN hiện nay như thế nào?

(1. Rất tốt, 2. Tốt, 3. Bình thường, 4. Kém)

TT	CÁC CƠ SỞ VẬT CHẤT THIẾT BỊ	MỨC ĐỘ SỬ DỤNG			
		1	2	3	4
1	Cơ sở vật chất, thiết bị cho dạy và học lí thuyết				
2	Cơ sở vật chất, thiết bị cho dạy và học thực hành				
3	Cơ sở vật chất, thiết bị cho sinh hoạt văn hoá-văn nghệ				
4	Cơ sở vật chất, thiết bị cho hoạt động thể dục thể thao				
5	Cơ sở vật chất phục vụ cho ăn, ở sinh hoạt (SV học GDQP-AN tại TTGDQP-AN trả lời thêm câu hỏi này)				

Nếu kém thì tại sao ?.....

**Câu 10.** Đồng chí cho biết việc quản lý sinh viên trong học tập GDQP-AN tại các TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN hiện nay như thế nào?

(1. Tốt, 2. Khá, 3. Trung bình, 4. Yếu)

TT	CÁC NỘI DUNG QUẢN LÝ	MỨC ĐỘ QUẢN LÝ			
		1	2	3	4
1	Quản lý theo 11 chế độ trong ngày, 3 chế độ trong tuần				
2.1	Quản lý quá trình học tập học tập trên lớp của SV				
2.2	Quản lý quá trình tự học tập của sinh viên				
3	Quản lý rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật				
4.1	Quản lý thời gian học hoạt động ngoại khóa				
4.2	Quản lý con người tham gia các hoạt động ngoại khóa				
4.3	Quản lý học tập ngoại khóa				
4.4	Quản lý các hoạt động: TDTT, VHVN				

Để quản lý tốt quản lý sinh viên trong học tập GDQP-AN tại các TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN, cần bổ sung những nội dung gì và vì sao ?....

**Câu 11.** Đồng chí cho biết việc xây dựng Kế hoạch công tác năm và Kế hoạch giảng dạy của TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN tại trường đại học hiện nay như thế nào? (1. Tốt, 2. Được, 3. Yếu, 4. Chưa có)

TT	CÁC NỘI DUNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN	MỨC ĐỘ SỬ DỤNG			
		1	2	3	4
1	Chi bộ Đảng ra Nghị quyết chuyên đề về GDQP-AN				

2	Xây dựng Kế hoạch công tác năm (Kế hoạch giảng dạy, Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, Kế hoạch nghiên cứu khoa học, Kế hoạch bảo đảm, các Kế hoạch hoạt động khác...)				
3	Xây dựng Kế hoạch giảng dạy (thể hiện từng tháng, quý và năm)				
4	Lịch trình giảng dạy (cụ thể tới từng ngày, tuần, tháng)				
5	Tổ chức Hội nghị cán bộ, giảng viên: Phổ biến Kế hoạch công tác năm và Kế hoạch giảng dạy				
6	Tổng kết, rút kinh nghiệm khoá học, năm học				

Để làm tốt công tác GDQP-AN trong năm, quý và tháng theo đồng chí ngoài những nội dung nêu trên cần bổ sung những công việc nào và vì sao ?.....

**Câu 12.** Đồng chí cho biết việc tổ chức thực hiện Kế hoạch GDQP-AN tại TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN của trường đại học hiện nay như thế nào?  
(1. Tốt, 2. Khá, 3. Trung bình, 4. Yếu)

TT	NỘI DUNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN	MỨC ĐỘ THỰC HIỆN			
		1	2	3	4
1	Chi bộ Đảng ra Nghị quyết chuyên đề về GDQP-AN				
2	Xây dựng Kế hoạch công tác năm (Kế hoạch giảng dạy, Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, Kế hoạch nghiên cứu khoa học, Kế hoạch bảo đảm, các Kế hoạch hoạt động khác...)				
3	Xây dựng Kế hoạch giảng dạy (thể hiện từng tháng, quý và năm)				
4	Lịch trình giảng dạy (cụ thể tới từng ngày, tuần, tháng)				
5	Tổ chức Hội nghị cán bộ, giảng viên: Phổ biến Kế hoạch công tác năm và Kế hoạch giảng dạy				
6	Tổng kết, rút kinh nghiệm khoá học, năm học				

Tại sao tổ chức thực hiện Kế hoạch năm, Kế hoạch giảng dạy tại TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN của trường đại học hiện nay chưa tốt ? theo đồng chí để làm tốt hơn cần làm gì ?.....

.....

**Câu 13.** Theo đồng chí việc đánh giá kết quả GDQP-AN của TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN tại trường đại học hiện nay như thế nào?  
(1. Rất tốt, 2. Tốt, 3. Bình thường, 4. Kém)

TT	CÁC NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐỘ SỬ DỤNG			
		1	2	3	4
1	Nâng cao tư tưởng, chính trị				
2	Đảm bảo được số lượng (sĩ số)				
3	Nắm được lí luận cơ bản của môn học				
4	Nắm được kĩ năng về quân sự (kĩ thuật, chiến thuật và khoa mục chung)				
5	Nâng cao kỉ luật, trật tự nội vụ, tác phong				
6	Tinh thần hăng hái tham gia văn nghệ				
7	Tinh thần tham gia hoạt động thể thao				
8	Tinh thần tham gia sinh hoạt Đoàn				
9	Tinh thần tham gia các hoạt động tập thể khác				
10	Nhìn chung có tiến bộ về nhận thức (kiến thức GDQP-AN) và tư thế tác phong				

Nếu kết quả GDQP-AN còn yếu, thì nguyên nhân do đâu và làm thế nào để nâng cao được kết quả GDQP-AN ?.....

**Câu 14** Nguyên nhân khiến cho kết quả GDQP-AN còn hạn chế

(Đánh dấu vào ô phù hợp)

- Do mục tiêu, yêu cầu của chương trình đặt ra quá cao
- Do nội dung, chương trình chưa phù hợp
- Do kế hoạch khoá học bố trí chưa hợp lí
- Do thiếu cơ sở vật chất, thiết bị, phòng học chuyên dùng
- Do phương pháp giảng dạy của một số giảng viên chưa phù hợp
- Do thiếu giáo viên
- Do năng lực một số giảng viên còn hạn chế
- Do buông lỏng công tác quản lí
- Do kiểm tra, đánh giá còn quá nhẹ nên không kích thích được học tập
- Do chưa khơi dậy được tính chủ động, sáng tạo trong học tập của SV
- Do công tác thi đua, khen thưởng chưa thường xuyên kịp thời
- Do công tác thi đua , khen thưởng còn thiếu công bằng
- Do.....



## PHỤ LỤC 1.2

## PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho sinh viên)

Để tìm ra những giải pháp tăng cường quản lý giáo dục quốc phòng - an ninh (GDQP-AN) cho sinh viên (SV) các trường đại học Việt Nam trong bối cảnh mới, mong bạn hãy vui lòng trả lời các câu hỏi trong phiếu này bằng cách đánh dấu (x) vào ô (  ) tương ứng hợp lí với ý kiến của em và viết thêm vào những dòng.....

Rất cảm ơn sự nhiệt tình hợp tác của bạn.

**Câu 1.** Theo bạn, trong quá trình đào tạo người sinh viên vừa “hồng” vừa “chuyên” thì GDQP-AN cho SV có thực sự cần thiết không?

a) Rất cần thiết


c) Ít cần thiết


b) Cần thiết

d) Không cần thiết

Nếu ít hoặc không cần thiết thì tại sao ?.....

**Câu 2.** Theo bạn, tổ chức GDQP-AN cho SV tại các TTGDQP-AN, các khoa GDQP-AN hoặc các bộ môn GDQP-AN như hiện nay có phải là cách làm phù hợp không? (1. Rất phù hợp, 2. phù hợp, ít phù hợp, 4. Không phù hợp)

TT	TỔ CHỨC GDQP-AN TẠI	MỨC ĐỘ CPHÙ HỢP			
		1	2	3	5
1	Trung tâm GDQP-AN sinh viên				
2	Khoa GDQP-AN				
3	Bộ môn GDQP-AN				

Nếu ít hoặc không phù hợp thì tại sao ?.....

**Câu 3.** Theo bạn, mục tiêu GDQP-AN cho SV là nhằm: “Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” đã phù hợp chưa?

a) Rất phù hợp


c) Ít phù hợp


b) Phù hợp

d) Không phù hợp

Nếu ít hoặc không phù hợp thì tại sao?.....

**Câu 4.** Theo bạn, nội dung GDQP-AN cho SV hiện nay đã phù hợp chưa?  
(1. Rất phù hợp, 2. Phù hợp, 3. Ít phù hợp, 4. Không phù hợp)

TT	NỘI DUNG GDQP - AN	MỨC ĐỘ PHÙ HỢP			
		1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Học phần I: Đường lối quân sự của Đảng</b>				
1.1	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học				
1.2	Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc				
1.3	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa				
1.4	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa				
1.5	Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam				
1.6	Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh				
1.7	Nghệ thuật quân sự Việt Nam				
<b>II</b>	<b>Học phần II: Công tác quốc phòng, an ninh</b>				
2.1	Phòng chống chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam				
2.2	Phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao				
2.3	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng				
2.4	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia				
2.5	Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam				
2.6	Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội				
2.7	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc				
2.8	Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội				
<b>III</b>	<b>Học phần III: Quân sự chung</b>				
3.1	Đội ngũ đơn vị				
3.2	Sử dụng bản đồ địa hình quân sự				
3.3	Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh				
3.4	Thuốc nổ				
3.5	Phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn				
3.6	Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh				
3.7	Ba môn quân sự phối hợp				
<b>IV</b>	<b>Học phần IV: Chiến thuật và Kỹ thuật bắn súng tiểu</b>				



	<b>liên AK</b>				
4.1	Từng người trong chiến đấu tiên công				
4.2	Từng người trong chiến đấu phòng ngự				
4.3	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK				
<b>V</b>	<b>SV học tại TT GDQP-AN trả lời thêm các câu sau</b>				
5.1	Nội dung Văn hoá-Văn nghệ				
5.2	Hoạt động thể thao				
5.3	Công tác Đoàn				
5.4	Các hoạt động khác				

Nếu chưa hoặc ít phù hợp thì thêm, bớt nội dung nào ?.....

.....

**Câu 5.** Theo bạn, việc áp dụng một số phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin và kiểm tra đánh giá kết quả học tập dưới đây tại các TTGDQP -AN sinh viên, các khoa, các bộ môn GDQP-AN đã phù hợp chưa?

(1. Rất phù hợp, 2. Phù hợp, 3. Ít phù hợp, 4. Không phù hợp)

TT	MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CHÍNH	MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC			
		1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Một số phương pháp giảng dạy lí thuyết</b>				
1.1	Phương pháp thuyết trình				
1.2	Phương pháp tái tạo				
1.3	Phương pháp đặt vấn đề, giải quyết vấn đề				
1.4	Phương pháp xử lí tình huống				
<b>II</b>	<b>Một số phương pháp giảng dạy thực hành</b>				
2.1	Phương pháp kết hợp lí thuyết với thực hành				
2.2	Phương pháp giảng viên thực hiện theo các bước quy định				
2.3	Phương pháp sinh viên thực hiện theo các bước quy định (tự nghiên cứu, tập chậm từng động tác, tập nhanh, tập tổng hợp và ghép các bước vào đội hình...)				
<b>III</b>	<b>Một số phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập</b>				
3.1	Tự luận				
3.2	Vấn đáp				
3.3	Trắc nghiệm khách quan				
3.4	Thực hành (chào báo cáo, bốc câu hỏi, nghiên cứu, trả lời)				

Ngoài những phương pháp nêu trên, để dạy học và kiểm tra đánh giá tốt GDQP - AN thì cần thực hiện phương pháp nào và tại sao ?.....

**Câu 6.** Bạn cho biết mức độ sử dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy GDQP-AN ở các TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN của trường đại học hiện nay như thế nào?

(1. Thường xuyên liên tục, 2. Thường xuyên, 3. Chưa thường xuyên, 4. Không sử dụng)

TT	MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ			
		1	2	3	4
1	Đôi thoại, tranh luận sáng tạo trong giảng dạy				
2	Các phương pháp hợp tác thầy, trò				
3	Kết hợp các phương pháp thuyết trình và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy				

Để thực hiện tốt dạy học GDQP-AN, ngoài những phương pháp nêu trên, theo bạn hiện nay cần áp dụng phương pháp nào và tại sao ?.....

**Câu 7.** Bạn cho biết đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên GDQP-AN ở các TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN của trường đại học hiện nay như thế nào? (1. Tốt, 2. Khá, 3. Trung bình, 4. Kém)

TT	TIÊU CHUẨN CẦN CÓ	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ			
		1	2	3	4
1	Phẩm chất đạo đức				
2	Trình độ, năng lực chuyên môn				
3	Phương pháp giảng dạy				

Để thực hiện tốt dạy học GDQP-AN, ngoài những tiêu chuẩn nêu trên, theo đồng chí cán bộ quản lý, giảng viên cần bổ sung những tiêu chuẩn nào và tại sao ?

**Câu 8.** Bạn đánh giá cơ sở vật chất, thiết bị phòng học chuyên dùng phục vụ cho dạy và học GDQP-AN của TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN của trường đại học hiện nay như thế nào?

(1. Đầy đủ, 2. Tạm đủ, 3. Thiếu, 4. Rất thiếu)

TT	CÁC CƠ SỞ VẬT CHẤT THIẾT BỊ	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ			
		1	2	3	4
1	Cơ sở vật chất, thiết bị cho dạy và học lí thuyết				
2	Cơ sở vật chất, thiết bị cho dạy và học thực hành				
3	Cơ sở vật chất, thiết bị cho sinh hoạt VH-VN				
4	Cơ sở vật chất, thiết bị cho hoạt động thể dục thể thao				
5	Cơ sở vật chất phục vụ cho ăn, ở sinh hoạt (SV học GDQP-AN tại TTGDQP-AN trả lời thêm câu hỏi này)				

Nếu chưa hoặc rất thiếu thì cần làm gì ?.....

**Câu 9.** Theo bạn mức độ khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị tại các TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN của trường đại học hiện nay như thế nào? (1. Rất tốt, 2. Tốt, 3. Bình thường, 4. Kém)

TT	CÁC CƠ SỞ VẬT CHẤT THIẾT BỊ	MỨC ĐỘ SỬ DỤNG			
		1	2	3	4
1	Cơ sở vật chất, thiết bị cho dạy và học lí thuyết				
2	Cơ sở vật chất, thiết bị cho dạy và học thực hành				
3	Cơ sở vật chất, thiết bị cho sinh hoạt văn hoá-văn nghệ				
4	Cơ sở vật chất, thiết bị cho hoạt động thể dục thể thao				
5	Cơ sở vật chất phục vụ cho ăn, ở sinh hoạt (SV học GDQP-AN tại TTGDQP-AN trả lời thêm câu hỏi này)				

Nếu chưa hoặc khai thác kém thì cần làm gì ?.....

**Câu 10.** Đồng chí cho biết việc quản lý sinh viên trong học tập GDQP-AN tại các TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN hiện nay như thế nào?

(1. Tốt, 2. Khá, 3. Trung bình, 4. Yếu)

TT	CÁC NỘI DUNG QUẢN LÝ	MỨC ĐỘ QUẢN LÝ			
		1	2	3	4
1	Quản lý theo 11 chế độ trong ngày, 3 chế độ trong tuần				
2	Quản lý quá trình học tập học tập trên lớp của sinh viên				
3	Quản lý quá trình tự học tập của sinh viên				
4	Quản lý rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật				
5	Quản lý thời gian học hoạt động ngoại khóa				
6	Quản lý con người tham gia các hoạt động ngoại khóa				
7	Quản lý học tập ngoại khóa				
8	Quản lý các hoạt động: TDTT, VHVN				

Để quản lý tốt quản lý sinh viên trong học tập GDQP-AN tại các TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN, cần bổ sung những nội dung gì và vì sao ?...

**Câu 11.** Theo bạn, kết quả GDQP-AN của TTGDQP-AN sinh viên hoặc khoa, bộ môn GDQP-AN tại trường đại học như thế nào?

(1. Rất tốt, 2. Tốt, 3. Bình thường, 4. Kém)

TT	CÁC NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐỘ SỬ DỤNG			
		1	2	3	4
1	Nâng cao tư tưởng, chính trị				
2	Đảm bảo được số lượng (sĩ số)				
3	Nắm được lí luận cơ bản của môn học				
4	Nắm được kĩ năng về quân sự (kĩ thuật, chiến thuật và khoa mục chung)				
5	Nâng cao kỉ luật, trật tự nội vụ, tác phong				
6	Tinh thần hăng hái tham gia văn nghệ				
7	Tinh thần tham gia hoạt động thể thao				
8	Tinh thần tham gia sinh hoạt Đoàn				
9	Tinh thần tham gia các hoạt động tập thể khác				
10	Nhìn chung có tiến bộ về nhận thức (kiến thức GDQP-AN) và tư thế tác phong				

Kết quả GDQP-AN còn yếu về ?.....

**Câu 12.** Nguyên nhân khiến cho kết quả GDQP-AN còn hạn chế

(Đánh dấu vào ô phù hợp)

- Do mục tiêu, yêu cầu của chương trình đặt ra quá cao
- Do nội dung, chương trình chưa phù hợp
- Do kế hoạch khoá học bố trí chưa hợp lí
- Do thiếu cơ sở vật chất, thiết bị, phòng học chuyên dùng
- Do phương pháp giảng dạy của một số giảng viên chưa phù hợp
- Do thiếu giáo viên
- Do năng lực một số giảng viên còn hạn chế
- Do buông lỏng công tác quản lí
- Do kiểm tra, đánh giá còn quá nhẹ nên không kích thích được học tập
- Do chưa khơi dậy được tính chủ động, sáng tạo trong học tập của SV
- Do công tác thi đua, khen thưởng chưa thường xuyên kịp thời
- Do công tác thi đua , khen thưởng còn thiếu công bằng
- Do.....

Bạn vui lòng cho biết đôi điều về bản thân:

Giới tính: Nam hay nữ.....

Sinh viên năm thứ:.....

Gia đình bạn đang sinh sống ở nông thôn hay thành phố.....

Chuyên ngành theo học: Sư phạm, y học.....

Kinh tế, tài chính.....

Khoa học, kĩ thuật và công nghệ .....

Văn hoá nghệ thuật.....

Xin chân thành cảm ơn bạn.

*Ghi chú: - Phiếu này phục vụ cho nghiên cứu khoa học.**- Đề nghị không ghi họ và tên.**- Phiếu này làm tại lớp, bạn nghĩ như thế nào thì viết vào phiếu này như vậy, phiếu được để riêng từng lớp, từng trường.*

**PHỤ LỤC 1.3**  
**PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN**

**(Dành cho cán bộ quản lý các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN)**

Để hoàn thiện công tác GDQP-AN cho SV các trường ĐH hiện nay, chúng tôi xin ý kiến các chuyên gia, các nhà quản lý trực tiếp về một số biện pháp tăng cường quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH Việt Nam trong bối cảnh mới.

Chúng tôi mong đồng chí cho ý kiến về các biện pháp này (Phiếu trưng cầu ý kiến chỉ dùng vào mục đích nghiên cứu). Xin đồng chí đánh dấu x vào ô cần thiết

Kết quả Biện pháp	Tính cấp thiết (%)			Tính khả thi (%)		
	Rất cấp thiết	Cấp thiết	Ít cấp thiết	Rất khả thi	Khả thi	Ít khả thi
Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN đối với cán bộ, đặc biệt là cán bộ quản lý trong hệ thống giáo dục quốc dân						
Đổi mới công tác quản lý nội dung chương trình GDQP-AN cho sinh viên các trường ĐH trong bối cảnh mới						
Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên GDQP-AN đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và hợp lý về cơ cấu						
Thường xuyên hoàn thiện phương pháp và hình thức tổ chức dạy học GDQP-AN, kích thích tính tích cực hoạt động nhận thức của SV						
Tăng cường quản lý CSVN, TBDH và ứng dụng CNTT trong DH GDQP-AN cho SV các trường ĐH						
Hoàn thiện cơ chế quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong hệ thống giáo dục quốc dân						

**PHỤ LỤC 1.4**  
**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN**

**(Dành cho giảng viên giáo dục quốc phòng - an ninh)**

Để hoàn thiện công tác GDQP - AN cho SV các trường ĐH hiện nay, chúng tôi xin ý kiến các chuyên gia, các giảng viên trực tiếp về một số biện pháp tăng cường quản lý GDQP - AN cho SV các trường ĐH Việt Nam trong bối cảnh mới.

Chúng tôi mong đồng chí cho ý kiến về các biện pháp này (Phiếu trưng cầu ý kiến chỉ dùng vào mục đích nghiên cứu). Xin đồng chí đánh dấu x vào ô cần thiết

Kết quả Biện pháp	Tính cấp thiết			Tính khả thi		
	Rất cấp thiết	Cấp thiết	Ít cấp thiết	Rất khả thi	Khả thi	Ít khả thi
Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN đối với cán bộ, đặc biệt là cán bộ quản lý trong hệ thống giáo dục quốc dân						
Đổi mới công tác quản lý nội dung chương trình GDQP-AN cho sinh viên các trường ĐH trong bối cảnh mới						
Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên GDQP-AN đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và hợp lý về cơ cấu						
Thường xuyên hoàn thiện phương pháp và hình thức tổ chức dạy học GDQP-AN, kích thích tính tích cực hoạt động nhận thức của SV						
Tăng cường quản lý CSVC, TBDH và ứng dụng CNTT trong DH GDQP-AN cho SV các trường ĐH						
Hoàn thiện cơ chế quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong hệ thống giáo dục quốc dân						

**PHỤ LỤC 1.5**  
**PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN**

**(Dành cho cán bộ cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Quốc phòng )**

Để hoàn thiện công tác GDQP-AN cho SV các trường ĐH hiện nay, chúng tôi xin ý kiến các chuyên gia, cán bộ trực tiếp về một số biện pháp tăng cường quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH Việt Nam trong bối cảnh mới.

Chúng tôi mong đồng chí cho ý kiến về các biện pháp này (Phiếu trưng cầu ý kiến chỉ dùng vào mục đích nghiên cứu). Xin đồng chí đánh dấu x vào ô cần thiết

Biện pháp \ Kết quả	Tính cấp thiết			Tính khả thi		
	Rất cấp thiết	Cấp thiết	Ít cấp thiết	Rất khả thi	Khả thi	Ít khả thi
Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GDQP-AN đối với cán bộ, đặc biệt là cán bộ quản lý trong hệ thống giáo dục quốc dân						
Đổi mới công tác quản lý nội dung chương trình GDQP-AN cho sinh viên các trường ĐH trong bối cảnh mới						
Phát triển đội ngũ CBQL, GV GDQP-AN đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và hợp lý về cơ cấu						
Thường xuyên hoàn thiện phương pháp và hình thức tổ chức dạy học GDQP-AN, kích thích tính tích cực hoạt động nhận thức của SV						
Tăng cường quản lý CSVC, TBDH và ứng dụng CNTT trong DH GDQP-AN cho SV các trường ĐH						
Hoàn thiện cơ chế quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong hệ thống giáo dục quốc dân						

